

THÁNH LỄ GỖ NHỊP CHO CUỘC SỐNG



Lm. Giuse Trần Đình Long, SSS
2007

Soạn theo Lm. Paul Bernier, SSS

NỘI DUNG

- Chương 1: Thánh Lễ và Cuộc Sống
- Chương 2 : Học hiểu về vũ điệu của Thiên Chúa
- Chương 3 : Tiết nhịp triệu tập
- Chương 4 : Cõi lòng rộng mở : Liên đới trong Đức Kitô
- Chương 5 : Tiết nhịp kể chuyện
- Chương 6 : Tâm trí rộng mở : Ở trong sự thật
- Chương 7 : Tiết nhịp Ngôn Sứ
- Chương 8 : Tầm mắt rộng mở : Đọc dấu chỉ thời đại
- Chương 9 : Tiết nhịp nuôi dưỡng
- Chương 10 : Đôi tay rộng mở : Dẫn thân
- Chương 11 : Tiết nhịp sai đi
- Chương 12 : Cánh cửa rộng mở : Đến tận cùng thế giới
- Chương 13 : Kết thúc vũ điệu

CHƯƠNG 1

THÁNH LỄ VÀ CUỘC SỐNG

I- THÁNH LỄ LÀ “SUỐI NGUỒN VÀ CHÓP ĐỈNH CỦA ĐỜI SỐNG NGƯỜI KITÔ HỮU

Công Đồng Vatican đã gọi Thánh Lễ là “Suối Nguồn Và Chóp Đỉnh Của Đời Sống Người Kitô Hữu”. Một lời xác định rất cao đẹp. Lời xác quyết này có thể rất thực trên phương diện thần học, nhưng trên bình diện thực tế lại hoàn toàn khác hẳn. Nhiều người Công Giáo không tham dự Thánh Lễ đều đặn, và không cho Thánh Lễ là nguồn ánh sáng để hiểu mọi biến động xảy ra trong cuộc sống của mình.

Có những vị chủ chăn phê phán những ai không tham dự Thánh Lễ thường xuyên là những người nguội lạnh thờ ơ. Nhưng trong thực hành, các vị này không chỉ cho giáo dân thấy được việc cử hành Thánh Lễ có liên hệ thiết yếu với cuộc sống. Đến nỗi có thể nói rằng trong niềm tin của họ vào Đức Kitô, việc cử hành Thánh Lễ chỉ đóng một vai trò rất phụ thuộc.

Từ đó có thể nói, đã có một hố ngăn cách giữa Thánh Lễ và cuộc sống hàng ngày của người Kitô hữu. Thánh Lễ chỉ được nhìn nhận là nguồn gốc, là chóp đỉnh của đời sống Kitô hữu trong giới hạn của một lòng sùng kính hoặc một cái gì đó rất phụ thuộc. Do đó, mục đích của khóa học này là cố gắng lấp đầy chỗ trống đó, bắc một nhịp cầu giữa phụng vụ Thánh Thể và cuộc sống thường nhật của người tín hữu, làm cho thực thể thâm sâu nhất và sinh động nhất của Thánh Lễ trở thành nguồn sáng soi cho mọi sự hiểu biết về chính mình của người Kitô hữu.

Khóa học này cũng trình bày một thần học về Thánh Thể, giải thích về Thánh Lễ cách nào đó khác với sự hiểu biết mang tính cách một lòng tôn sùng vốn có từ lâu rồi trong các sách thiêng liêng. Chúng ta không phủ nhận giá trị của những hiểu biết đó, nhưng những hiểu biết đó không đủ giải quyết cho những thách đố của thời đại chúng ta.

Cần phải có một nỗ lực mới. Nếu không có một cách thức tốt hơn, thì e rằng mọi nỗ lực của chúng ta sẽ gặp nguy cơ là chỉ củng cố thêm cho một lòng đạo đức ngày càng mất ý nghĩa đối với số đông giáo dân. Nếu chúng ta không nhớ kỹ điều này trong những việc cử hành Thánh Lễ và dạy giáo lý, thì phụng vụ Thánh Thể có thể sẽ chỉ còn là một sự trình diễn bên ngoài không hơn không kém và không mang lại một ích lợi lâu bền nào.

Hai điểm được nhấn mạnh trong khóa học này. Điểm thứ nhất là xác tín rằng chúng ta cần phải chuyển sự hiểu biết của chúng ta về Thánh Lễ từ khía cạnh là một việc sùng kính mang tính riêng tư, cá nhân qua khía cạnh cộng đoàn. Điểm nhấn thứ hai là chúng ta phải chuyển sự hiểu biết về Bí Tích Thánh Thể từ quan niệm thụ động qua một thái độ năng động tích cực.

Như chúng ta biết từ thế kỷ thứ 13, luật Hội Thánh buộc xưng tội rước lễ ít nhất mỗi năm một lần. Sự kiện này cho thấy giáo dân đã tách rời thực hành phụng vụ như thế nào và đã hiểu về vai trò của Thánh Lễ trong đời sống Kitô hữu ra sao. Hoặc là giáo dân đã cảm thấy không xứng đáng để rước Chúa vì một ý thức tội lỗi cá nhân, hoặc đơn giản chỉ vì họ không hiểu được ý nghĩa của Phụng Vụ Thánh Thể, và từ đó Thánh Lễ có một ảnh hưởng rất lu mờ trong đời sống thực tế của giáo dân. Thay vào đó họ chạy theo bao nhiêu loại sùng kính khác, vì những cách sùng kính này giúp cho họ trực tiếp đến gần Chúa hơn, nhất là vì hình như các thánh, cách nào đó, gần gũi với họ trong cuộc sống hằng ngày hơn là phụng vụ của Giáo Hội.

Hậu quả là chính Thánh Lễ đã trở thành một lối sùng kính như bao nhiêu sự sùng kính khác. Đó là thời của những cuộc rước kiệu linh đình, những việc tổ chức rầm rộ đặt Minh Thánh Chúa ra ngoài, thời của giáo dân chạy từ nhà thờ này sang nhà thờ nọ để kịp dự một lần Truyền Phép khác. Nhiều thí dụ điển hình có thể nêu ra. Tuy nhiên, kết quả là những việc tôn sùng Thánh Thể này dần dần tách khỏi gốc rễ của mình trong phụng vụ Giáo Hội. Và hậu quả còn tai hại hơn, đó là việc giáo dân cắt đứt thực tế hằng ngày của thế giới mình ra khỏi “Suối Nguồn và Chóp Đỉnh” đời sống của họ.

II- CHIỀU KÍCH CỘNG ĐOÀN CỦA THÁNH LỄ

Một vấn đề nhức nhối nhất đó là những lòng sùng kính kiêu đó hoàn toàn không biết đến Chiều Kích Cộng Đoàn của Thánh Lễ. Lòng tôn sùng Thánh Thể trở thành mối liên hệ riêng tư, cá nhân với Chúa Giêsu chứ không phải là sự liên hệ của toàn Hội Thánh. Nói rằng Thánh Thể là “Suối Nguồn và Đỉnh Cao” của đời sống Kitô hữu không có ý nghĩa nào khác hơn là công bố xác tín của các Giáo Phụ là “chính Thánh Thể đã làm nên Hội Thánh”. Nhưng những lời tuyên bố này sẽ chỉ là những nguyện vọng đạo đức, nếu Thánh Lễ không được coi như một hoạt động của toàn thể cộng đồng tín hữu tập hợp lại với nhau để nói lên chân tính của mình.

Thật hấp dẫn khi ta thấy trong Tân Ước, một trong những tên gọi đầu tiên của Thánh Lễ là Ekklesia : “Hội Thánh”. Đối với Cộng Đoàn Kitô hữu tiên khởi, cách hiểu thần học về hai từ “Hội Thánh” và “Họp Nhau Bẻ Bánh” là một hoạt động đồng nhất. Hiến chế về Phụng Vụ Thánh cũng như thông điệp *Mysterium Fidei* (Mầu Nhiệm Đức Tin) của Đức Giáo Hoàng Phaolô VI, đến ngày nay vẫn nhắc nhở chúng ta rằng có nhiều sự hiện diện thực sự của Đức Giêsu trong Hội Thánh. Một trong những sự hiện diện chính yếu đó là Người hiện diện trong cộng đồng tụ họp nhau lại nhân danh Người để công bố Hồng Ân Cứu Thoát mà Người phải trả bằng cái chết và sự Phục sinh của Người, và công bố việc hiệp thông vốn phải là thành quả của việc chúng ta họp mặt với nhau nơi bàn tiệc của Chúa.

Chúng ta cũng đến với Thánh Lễ để được sai đi tiếp nối công cuộc của Đức Kitô. Điều này chỉ có thể được nếu chúng ta xem Thánh Lễ là việc sùng kính cao nhất và trọng đại nhất. Không ý thức được việc cử hành Thánh Lễ thực sự là một việc thờ phượng công khai của toàn Dân Chúa thì chúng ta không sao có được một ý thức về chân tính của mình, cũng không tài nào giải thoát chúng ta ra khỏi ngục tù cá nhân, và làm cho ta hiểu được ý nghĩa của sứ mạng phát sinh từ việc thực hiện các trách nhiệm của chúng ta như một phần tử của dân Giao Ước Mới.

Hình ảnh một cộng đồng được Chúa triệu tập là một lời nhắc nhở mạnh mẽ rằng chúng ta được mời gọi để tiếp nối công cuộc mà Đức Giêsu đã từng hiến cuộc đời và mạng sống mình để xây dựng một

vương quốc. Vương quốc đó chính là ý nghĩa của hai chữ “Hội Thánh”.

Trước đây trong các nhà thờ, chúng ta thấy có những hàng “bao lon” ngăn cách cộng đoàn với những gì diễn ra trên cung thánh. Người ta có cảm giác rằng tất cả mọi hành động quan trọng đều xảy ra trong cung thánh – và rằng không có chỗ cho giáo dân đặt chân. Các thừa tác viên đọc sách và thừa tác viên Thánh Thể chỉ mới có sau này. Sự tách biệt quá rõ ràng giữa hàng giáo phẩm và giáo dân trong các nhà thờ làm cho giáo dân tự nhiên cảm thấy thực sự họ không có một vai trò nào trong khi cử hành phụng vụ của Giáo Hội. Và ngược lại thì phụng vụ cũng chẳng có vai trò gì trong đời sống của giáo dân.

Giáo dân có gì phải làm đâu ? Họ đến nhà thờ chủ yếu là để được Chúa ban cho họ một cái gì đó. Họ đến để đào sâu hơn mối quan hệ của mình với Chúa Giêsu, hoặc để được một ân huệ, để được soi sáng. Có thể họ cũng ước mong hiệp lễ và có được sự gặp gỡ trong bí tích. Nhưng tất cả những thái độ này hoàn toàn mang tính thụ động, không thể làm cho họ tham gia vào hoạt động của Thánh Lễ, vì như chúng ta thấy, hoạt động đó là của người khác, của linh mục hoặc của Chúa Giêsu chứ đâu phải là của họ.

Chính cách thức cử hành Thánh Thể như thế làm chúng ta không thấy được đây cũng chính là hành động của mình. Do đó, kinh nguyện Thánh Thể trở thành việc hồi tưởng hoặc kỷ niệm lại những gì Chúa Giêsu đã làm cho chúng ta cách đây gần hai ngàn năm. Tuy nhiên, cần phải biết rằng, nếu sự gặp gỡ mang tính bí tích của chúng ta với Chúa Phục Sinh có một ý nghĩa nào đó thì chính là vì Đức Giêsu gặp gỡ ta trong hành trình cuộc sống, và mời gọi ta liên đới với Người để trở thành tác nhân của ơn cứu độ.

“Anh em hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy”. Chúng ta lập lại lời này trong mỗi Thánh Lễ. Giáo dân có thói quen cho lời này chỉ là lời của linh mục chủ tế. Còn tệ hơn, chúng ta nghĩ lời này chỉ là lời truyền phép. Nhưng thực ra Chúa Giêsu không yêu cầu chúng ta lập lại lời này. Người yêu cầu chúng ta làm những gì chính Người đang làm trong lúc đó. Đó là chuẩn bị trao ban mạng sống mình để cứu rỗi nhân loại. Tin Mừng theo thánh Gioan chương 13, trình thuật việc Chúa Giêsu rửa chân cho các môn đệ như là một thí dụ về những gì

chính chúng ta phải làm cho nhau : “Nếu Thầy là Chúa, là Thầy, mà còn rửa chân cho anh em, thì anh em cũng phải rửa chân cho nhau” (Ga 13,14). Thánh Lễ yêu cầu chúng ta liên kết với Đức Giêsu trong việc cứu rỗi nhân loại.

III - THÁNH LỄ LÀ SỰ LIÊN KẾT

Thánh Lễ kêu mời chúng ta đến với bàn tiệc, và Đức Giêsu sẽ làm chúng ta phần chân trong tầm nhìn của Người, liên kết chúng ta lại với Người trong công cuộc cứu rỗi những người khác. Đó là Chiều Kịch Truyền Giáo của Hội Thánh và của Thánh Lễ. Nếu các cử hành Thánh Lễ của chúng ta trong quá khứ đã không có kết quả nào cho việc chuyển biến cuộc sống chúng ta, hay không làm cho giáo dân dần thân hơn cho công cuộc của Đức Kitô, có thể là vì giáo dân cảm thấy mình đến với Thánh Lễ là “để nhận” chứ không phải “để cho”. Chúng ta đưa bàn tay ra không chỉ để nhận Thân Mình của Đức Kitô, nhưng đến phiên mình còn phải trao ban Người cho người khác. Đây mới chính là cốt lõi của sứ mạng người Kitô hữu. Và qua Bí Tích Thanh Tẩy, sứ mạng này được giao phó cho toàn thể dân Chúa.

Chúng ta hoàn toàn xác tín về chân lý thần học dạy rằng “Thánh Thể là Suối Nguồn và Chóp Đỉnh của Đời Sống Người Kitô Hữu” nhưng đồng thời cũng nhìn nhận cái thực tế phũ phàng của đa số người tín hữu. Có thể nhiều năm sống thái độ thụ động và quá nặng tính tôn sùng đạo đức về Thánh Thể đã thực sự tách biệt Thánh Lễ ra khỏi ý thức và cuộc sống hằng ngày của giáo dân. Thánh Lễ hầu như hoàn toàn không nói gì đến nền kinh tế, chính trị của thế giới, không nói gì đến các thực tại xã hội. Biến Thánh Lễ và mối liên hệ của chúng ta với Chúa Giêsu thành một công việc hoàn toàn cá nhân là tấn công vào chính gốc rễ của bản chất cộng đoàn Kitô hữu. Chúng ta là một dân bí tích, và một Hội Thánh bí tích – và bí tích có nghĩa là quyền năng cứu rỗi của Đức Kitô.

Thánh Lễ là một Thách Thức cho chính Hội Thánh và cho Thế Giới. Các vấn đề chung chỉ được giải quyết khi nào chúng ta có thể học biết yêu thương nhau như Chúa Giêsu đã yêu thương chúng ta – một tình yêu có thể đòi hỏi phải hy sinh chính mạng sống mình cho người khác. Mỗi lần cử hành Thánh Lễ là mỗi lần chúng ta công bố sự chết của Đấng đã hy sinh mạng sống mình cho chúng ta, và Đấng đó

mong muốn chúng ta cũng sẵn sàng làm như Người. Một tình yêu tích cực, một sự dấn thân toàn diện, đó chính là tâm điểm của Thánh Lễ.

Chủ tâm của khóa học này là đến với Thánh Lễ, và từ đó đặt Thánh Lễ tại tâm điểm của Hội Thánh, để nói lên bản chất của chính Hội Thánh. Đồng thời Thánh Lễ giúp chúng ta sống được những gì chúng ta cử hành nơi bàn tiệc Chúa ở trong chính cuộc sống hằng ngày của mình.

Điều này có nghĩa là có sự giao thoa hai chiều giữa Thánh Lễ và Cuộc Sống. Có thể hiểu được mối tương giao này bằng cách đào sâu các tiết nhịp cơ bản và đặc trưng của Thánh Lễ. Và cũng chính những tiết nhịp cơ bản này là đặc trưng của cộng đoàn Kitô hữu. Dù ta có ý thức hay không, vẫn có một liên hệ hỗ tương giữa Phụng Vụ Thánh Thể và Cuộc Sống Hằng Ngày. Điều này có nghĩa là hiệu năng của việc cử hành Thánh Lễ và sức mạnh chứng tá của người Kitô hữu trực tiếp liên hệ với nhau. Không thể nào cử hành Thánh Lễ đầy đủ ý nghĩa, nếu cuộc sống chúng ta không phải là cuộc sống Thánh Thể trong ý nghĩa trọn vẹn nhất của ngôn từ.

Hơn nữa, Thánh Lễ được cử hành với đầy đủ ý nghĩa sẽ có khả năng uốn nắn cộng đoàn chúng ta thành một cộng đoàn theo như Chúa mong muốn : là chính Thân Mình của Người. Trước thế kỷ XII, nhiệm thể của Đức Kitô được hiểu là Hội Thánh. “Hội Thánh” và “Thánh Thể Đức Kitô (hoặc Nhiệm Thể, Nhiệm Thân)” thực tế là một. Nhưng từ thế kỷ XII, chúng ta đã đổi ý nghĩa : nói đến Thân Mình Đức Kitô là nói đến Thánh Thể, và nói đến nhiệm thân hay nhiệm thể (mystical body) Đức Kitô là nói đến Hội Thánh. Hơn thế nữa, chúng ta coi Hội Thánh như là một tổ chức có phẩm trật được Thiên Chúa thiết lập, và Thánh Thể như một trong nhiều hồng ân được Hội Thánh ban phát để làm cho các chi thể riêng biệt được lớn mạnh.

Chúng ta phải chân nhận rằng Thánh Thể không phải là thành quả công việc của Hội Thánh, nhưng là chính sự hiện hữu của Hội Thánh. Chân tính của Hội Thánh vừa được diễn tả và vừa được công bố cách hiệu quả khi Hội Thánh tập trung vào thực tại Mình Máu

Chúa Kitô. Do đó các Giáo Phụ đã nói: “Không những Thánh Thể làm nên Hội Thánh mà Hội Thánh cũng làm nên Thánh Thể.”

CHƯƠNG 2

HỌC BƯỚC THEO VŨ ĐIỆU CỦA THIÊN CHÚA

“Từ sáng tinh mơ của vũ trụ hoang sơ,
Ta đã cử hành vũ điệu nơi trăng sao và mặt trời.
Và từ Trời xuống hành tinh này,
Ta đã chọn Bêlem cử tiếp vũ điệu của Ta.”

I- HỌC THEO VŨ ĐIỆU CỦA THIÊN CHÚA

Cách đây khoảng 50 năm, Sydney Carter soạn lại bài nhạc cũ của Shaker có tên “Người cầm đầu Vũ Khúc.” Nét đặc biệt của bài ca là mô tả Thiên Chúa như người cầm đầu vũ khúc của công cuộc tạo dựng. Đáng đã cử hành vũ khúc nơi mặt trời, mặt trăng, và các tinh tú, cũng đã sinh ra tại Bêlem để cử hành vũ điệu trên mặt đất. Do lòng nhân hậu, Người mời chúng ta tham gia vũ điệu, và Người sẽ dìu bước chân chúng ta bất cứ ta ở vị trí nào.

Hình ảnh vũ điệu ở đây mô tả cách tuyệt vời cuộc sống người Kitô hữu trong mọi chiều kích, đó là : học theo vũ điệu của Thiên Chúa. Sống đời Kitô hữu không phải là làm nên một điều gì riêng hoặc cất bước theo vũ điệu riêng của chúng ta. Chúng ta không đơn độc trong điệu múa. Điệu múa này đã được Đức Giêsu học và múa một cách hoàn hảo với Thiên Chúa và hòa nhập với cả công cuộc tạo dựng. Những bước khác nhau của điệu múa được Kinh Thánh quảng diễn đầy đủ. Phụng Vụ Chúa Nhật không ngừng ôn tập cho chúng ta cách đầy đủ và sinh động những bước căn bản của vũ điệu. Thánh Lễ là âm chủ của một người đã luôn cất bước theo vũ điệu ngay cả trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh, khi chân tay bị treo trên thập giá, khi mặt trời đỏ đen. Vì chính Người là sự sống chẳng bao giờ và mãi mãi chẳng bao giờ tắt. Ước mong lớn nhất của Người là sông trở lại trong chúng ta để vũ khúc này được tiếp tục cử hành.

Đã nhiều năm qua, chúng ta có xu hướng nghĩ về các Bí Tích như những vật thể. Mỗi Bí Tích được quan niệm như một hồng ân đặc

biệt nào đó ban phát cho chúng ta. Công Đồng Vatican II nhắc nhở chúng ta rằng các Bí Tích không phải là những sự vật, nhưng chính là những hành động mang tính phụng vụ. Ví dụ, Thánh Lễ là một hành động của Hội Thánh cùng nhau qui tụ để làm nên, chứ không phải một cái gì do linh mục làm nên. Sở dĩ trước đây chúng ta nghĩ về các Bí Tích như các hành động của Hội Thánh, chỉ vì các Bí Tích được phân phát trong Hội Thánh và bởi Hội Thánh. Tuy nhiên, Hiến Chế về Phụng Vụ Thánh số 14 dạy chúng ta rằng : “Mẹ Giáo Hội tha thiết ước mong toàn thể tín hữu được hướng dẫn tham dự vào các việc cử hành phụng vụ cách trọn vẹn, ý thức và linh động.”

Vì các Bí Tích là những hành động, nên quan niệm Phụng Vụ như một Vũ Khúc mà Thiên Chúa mời gọi chúng ta tham gia với Người là một điều rất thích hợp. Hành động luôn ảnh hưởng trên con người. Nói rằng Phụng Vụ được quan niệm như một vũ khúc tức là công nhận Thiên Chúa là Người gióng lên điệu nhạc, soạn nên những nhịp điệu căn bản. Đối với mỗi người trong chúng ta, vũ điệu sẽ mang những sắc thái khác vì phản ảnh sự khác biệt trong bản thân mỗi người, trong cuộc sống và trong những liên hệ của chúng ta. Điều này có thể làm cho nhiều người lo ngại vì họ muốn điệu múa làm mẫu phải rõ ràng, một bài soạn sẵn đồng nhất trong từng chi tiết buộc tất cả chúng ta đều phải cất bước theo vũ điệu.

Nhưng thực ra không có một mẫu nào, một bài soạn nào nhất định mà chúng ta phải theo. Chúng ta không được yêu cầu lập lại các bước của Đức Giêsu, mặc dù chúng ta phải được điệu nhạc của Người hướng khởi. Chúng ta cần phải để tai nghe theo điệu nhạc của Người, để cho điệu nhạc đó cảm hứng và lôi cuốn chúng ta vào trong vũ điệu như Đức Giêsu đã làm với tâm hồn tràn đầy Thần Khí. Vấn đề không phải là hỏi liệu Đức Giêsu cử các bước vũ như thế nào nếu Người sống ngày hôm nay của chúng ta ? Thực tình chúng ta nào có biết! Đúng hơn, chúng ta phải hỏi chính mình sẽ cư xử như thế nào với người khác để giống cách Người đã đối xử với dân chúng trong thời của Người. Điều này có nghĩa là học vũ theo cung điệu Đức Giêsu đã gióng lên, một cung điệu đến từ Thiên Chúa. Mặc dù nhịp

điều cơ bản không thay đổi, nhưng các bước đi sẽ khác nhau tùy theo điều kiện thời gian và không gian.

II- PHỤNG VỤ QUY TỰ MỌI NHỊP ĐIỀU CỦA CUỘC SỐNG

Trong thế giới hiện đại chúng ta đang sống, điều chính yếu sẽ nâng bước chúng ta trong vũ khúc cuộc sống đó là Phụng Vụ. Trong thế giới đầy hứng sáng tạo này, qua Phụng Vụ, chúng ta có thể nghe được những nhịp điệu để kiểm soát cuộc sống của mình. Không có Phụng Vụ, chúng ta sẽ không nghe được nhịp trống, quên hẳn giai điệu, hoặc có những bước chân sai nhịp. Chỉ Phụng Vụ mới có thể qui tụ mọi nhịp điệu của cuộc sống. Không có Phụng Vụ, chúng ta sẽ bị bỏ rơi trong vũ điệu.

Người Công Giáo được gọi là dân mang tính bí tích. Thực ra điều này có ý nghĩa gì ? Có phải chỉ vì người Công Giáo thường xuyên nhấn mạnh về các bí tích và cử hành các bí tích thường xuyên hơn những người khác không ? Và làm thế nào để cử hành các bí tích cách đầy đủ ý nghĩa ? Chia sẻ các bí tích của Giáo Hội có phải như chia phần lời trên một công việc đạo đức không ? Hay có lẽ đó là việc nhập kho các công nghiệp vào tài khoản của một ngân hàng siêu nhiên nào ? Hoặc đây có phải là một cách suy tư, một đường lối chung để sống ?

Đáng tiếc thay, nhiều người vẫn nghĩ về bí tích như một cái gì chúng ta nhận được hơn là một việc gì chúng ta phải làm. Có liên hệ nào giữa cuộc đời chúng ta đang sống với các bí tích chúng ta cử hành không ? Bí tích có một ảnh hưởng nào trên cuộc sống chúng ta hay không ? Chúng ta hãy xét ba trường hợp sau đây :

1- Trong một bữa tiệc cưới tại nhà hàng sang trọng, cô dâu nâng ly rượu hồng và tuyên bố : “Tôi muốn cạn ly với chồng mới cưới của tôi, đây là lần đầu và cũng là lần cuối cùng !” Tuyên bố xong, cô ta hát hết ly rượu vào mặt chú rể và trang trọng bước ra khỏi phòng tiệc. Mọi người há hốc miệng kinh ngạc. Sau đó người ta mới hay rằng đêm trước đây cô dâu tương lai đã bắt gặp người chồng sắp cưới phản bội mình. Sự tức giận của cô ta lên đến cực độ, đến nỗi thay vì đơn giản hủy bỏ lễ cưới, cô ta đã tìm cách làm nhục chồng trước mặt bạn bè và quan khách. Mọi người đều cho cô ta đã cư xử rất thành công và ngoạn mục.

Tuy nhiên nếu chúng ta nghĩ lại, cách một tiếng đồng hồ trước khi nhập tiệc, trước sự hiện diện của đông đủ mọi người trong nhà thờ, linh mục chủ tế đã hỏi cô có muốn lấy người đàn ông này làm chồng không, thì cô đã trả lời có. Nhưng trong thâm tâm của cô lại kêu lên : không! không! Vậy khi đó cái gì đã được cử hành trong nghi thức Bí tích Hôn Phối ?

2- Trường hợp thứ hai : Một người đến xưng tội trong Tuần Thánh vì suốt năm đã không xưng tội. Người này xưng ra tội ngoại tình vì thực sự anh ta có tình nhân. Linh Mục hỏi anh ta : “Tôi nghĩ là mỗi năm vào dịp này, anh đến đây để nhận sự tha thứ, và sau khi rước lễ trong ngày Phục Sinh theo đúng luật Hội Thánh dạy, anh liền quay trở lại với tình nhân của anh phải không ?” Anh ta trả lời : “Thưa cha đúng vậy.”

Giả như không chút áy náy, không một lời khuyên dạy, Linh Mục cứ ban phép Xá Giải, thử hỏi chúng ta đã cử hành cái gì ?

3- Trường hợp thứ ba : Một cộng đoàn đầy đầu óc chia rẽ, người giàu không màng ngó đến người nghèo. Họ vẫn tụ họp nhau tổ chức một Thánh Lễ hết sức trọng thể. Ca đoàn hát tuyệt vời, trang phục long lẫy, vị chủ tế nồng nhiệt. Cái gì thực sự đã được cử hành?

Chúng ta có câu trả lời đầy thẩm quyền cho trường hợp thứ ba. Chính thánh Phaolô đưa ra câu trả lời. Tư tưởng của Phaolô có thể diễn đạt như thế này : “Quả tình tôi chẳng biết anh em nghĩ mình đang cử hành cái gì trên mặt đất này, nhưng chắc chắn một điều, đó không phải là Thánh Lễ” (1Cor 11, 20). Và chúng ta có thể thêm, những gì họ đang cử hành là tính ích kỷ, chia rẽ và tội lỗi. Chắc chắn không phải là Thánh Thể Chúa.

Những thí dụ trên đây là để nói lên rằng, không có một cái gì gọi là ảo thuật nơi các bí tích. Các bí tích không phải là những cỗ máy làm việc bất kể sự thiếu vắng tình yêu và niềm tin của chúng ta. Chúng ta không thể chia sẻ các bí tích và trồng cây được hưởng một ân huệ nào, nếu cuộc sống chúng ta đi ngược lại với ý nghĩa thâm sâu của bí tích chúng ta đang cử hành. Một số thần học gia nói về một thứ Kitô giáo chọn ô, nghĩa là một trạng thái mà kinh nguyện hầu như không có một ảnh hưởng nào trên các giá trị, các lý tưởng hoặc lối sống. Đó là một thứ đạo đức giả hình, những bí tích dỏm. Phải có một liên hệ

rất chặt chẽ giữa Phụng Vụ và cuộc sống. Trong mọi lúc, chúng ta chỉ mong được bước theo vũ điệu của Thiên Chúa.

III - LIÊN HỆ GIỮA BÍ TÍCH VÀ CUỘC SỐNG

Trong thực tế, mỗi giây liên hệ giữa Bí Tích và Cuộc Sống là một liên hệ hai chiều. Nói cách khác, các Bí Tích ảnh hưởng trên cuộc sống chúng ta (có lẽ ít hơn là nhiều) và cuộc sống của chúng ta ảnh hưởng trên việc cử hành bí tích (chắc chắn là nhiều hơn ít). Thánh Phaolô đã mạnh mẽ cảnh giác rằng nếp sống chúng ta có thể phá huỷ hoàn toàn bản chất của những gì chúng ta cử hành. Các Bí Tích là những lễ mừng của chính thực tại cuộc sống của chúng ta.

Mặc dầu các bí tích và nhất là Bí Tích Thánh Thể trước tiên là những hành động thờ phượng, nhưng cũng ảnh hưởng trên cuộc sống, uốn nắn cách suy nghĩ, và làm cho chúng ta nên những Kitô hữu trong thực tế cũng như trong danh nghĩa. Cử hành Thánh Thể có nghĩa là làm cho chúng ta được nên giống Chúa Giêsu Thánh Thể trong tư tưởng, lời nói và việc làm. Phụng vụ là một kinh nghiệm đòi buộc chúng ta phải dẫn thân, phải đáp trả với hành động của Đức Kitô. Đó là lò đúc tạo nếp tư tưởng cho người Kitô hữu. Phụng vụ giúp chúng ta suy nghĩ và hành động như người tín hữu của Chúa.

Những gì đang được cử hành trên bàn thờ phải đặt song song với cuộc sống thực tế. Những gì chúng ta đang sống phải đặt lên bàn thờ để được Thiên Chúa chuyên biến. Nhưng, như Robert Hovda, một chuyên gia về Phụng Vụ, viết với giọng mỉa mai : “Cũng như chúng ta không thể nặn máu ra từ một cây củ cải, chúng ta không thể trông mong có được một kinh nghiệm sốt sắng về việc cử hành phụng vụ từ những con người bàng quan, những con người không có chút quan tâm về kinh tế, về sức ép chính trị, và óc chia rẽ đang có mặt trong thế giới của chúng ta. Thiên Chúa sẽ không vũ theo giọng hát của chúng ta.”

Tinh thần đích thực của người Kitô hữu là tinh thần Thánh Thể. Phụng Vụ Chúa Nhật và những nỗ lực của chúng ta để nhận rõ các dấu chỉ thời đại, cung cấp cho chúng ta nguyên liệu cơ bản để xây dựng cuộc sống người Kitô hữu. Điều này giả thiết phải có một sự hợp nhất hữu cơ trong cuộc sống, một tổng thể, để rồi cuộc sống hằng ngày của chúng ta có thể được uốn nắn theo đức tin của chúng

ta, nhất là theo cách biểu hiện của Phụng Vụ. Tiết Nhịp Thánh Lễ mạc khải cho chúng ta nhịp điệu của cuộc sống Kitô hữu.

Vẫn biết nói thì dễ, làm mới khó. Trở nên thành thạo trong ngôn ngữ của việc thờ phượng không phải là một điều đơn giản. Nhiều phụng vụ đã bị các hình ảnh biểu trưng làm giảm thiểu ý nghĩa và những tập tục quá căn cơ làm biến dạng. Hơn nữa, vì chưa có một phụng vụ thực sự hội nhập với thực tế, những yếu tố trong các nghi thức phụng vụ hiện nay không luôn hài hòa phối hợp để tác động trên giác quan và trí tưởng tượng của chúng ta. Do đó chỉ rất ít biểu tượng khai triển được một nền linh đạo thực sự mang chiều kích Thánh Thể.

Tuy nhiên nhiều điều cũng vẫn còn nằm trong lãnh vực tiềm thức. Như trước đây chúng ta đã nói rằng người Công Giáo thuộc một dân mang tính bí tích. Một số người cảm thấy rằng chúng ta đưa nguyên tắc cử hành bí tích đến điểm cực đoan. Trí tưởng tượng của người Công Giáo cũng cực đoan. Chúng ta thường có khuynh hướng xem các thụ tạo như có khả năng nói cho chúng ta về Thiên Chúa. Chúng ta sử dụng bánh và rượu, hợp mặt nhau để dùng chung bữa ăn, sử dụng dầu, nước, tượng ảnh và tràng hạt, như những phương thức để nói lên niềm tin của chúng ta rằng Thiên Chúa có thể thực sự chạm đến cuộc sống hàng ngày của chúng ta, để làm cho cuộc sống đó mang lấy sự hiện diện thần linh.

Điều này nói lên cách thức độc nhất để nhìn thực tại cuộc sống. Có thể nêu lên hai nhãn quan chính trong việc nhận định thế giới chúng ta đang sống. Chúng ta có thể nhận định thế giới, trong căn bản, là một thực thể hoặc tốt hoặc xấu. Những người quá bị ấn tượng về sự bất công và đau khổ, tội lỗi và đau buồn trong cuộc sống, thường xem vũ trụ như một thực thể tội bại từ trong bản chất. “Nhân chi sơ, tính bản ác”! Họ quan niệm thế giới này như một nơi bị Thiên Chúa bỏ rơi, đối kháng lại sự sống đích thực trong Thần Khí. Từ đó việc cứu chuộc trở thành một vấn đề. Có vẻ như, bất kể những gì Đức Giêsu đã thực hiện, thực sự đã không có gì thay đổi đối với chúng ta. Thế gian này vẫn xấu, chúng ta vẫn là những con người đòi trụ, và Thánh Thần phải chiến đấu ác liệt để lôi kéo chúng ta về hợp tác với ân sủng của Thiên Chúa.

Chúng ta có thể cho đây là lập trường của nhóm Tin Lành cực đoan. Lập trường này nói lên cách mạnh mẽ thực tại của tội lỗi và những hậu quả do tội gây ra, những thực trạng làm hoen ố vẻ đẹp công trình tạo dựng của Thiên Chúa, và làm cho tạo vật trở thành một cám dỗ trên đường đời. Thái độ này có thể kéo theo vô số hệ lụy trong thực tế. Ví dụ, các nhà thờ Tin Lành thường khai trừ những “cảm quan” của Giáo Hội Công Giáo. Không ảnh hưởng và rất ít trang hoàng. Tất cả nói lên tính chừng mực và nghiêm khắc.

Bản năng người Công Giáo lại khác. Người Công Giáo có trực cảm, có xu hướng hiểu các trình thuật về tạo dựng trong sách Sáng Thế theo nghĩa bóng, không quá theo nghĩa đen như những biến cố thực. Chúng ta nhận thức rằng sau mỗi ngày tạo dựng, Thiên Chúa đã có thể nhìn lại và lấy làm hãnh diện về công việc của mình, và nói “điều này thật tốt đẹp”. Mọi sự từ lúc ban sơ cho đến nay, kể cả việc Adam có khả năng nhìn Eva trần truồng và cảm ơn Chúa vì bà là xương của xương ông và thịt của thịt ông, tất cả đều tốt lành. “Nhân chi sơ, tính bản thiện”!

Quan điểm này gây phức tạp khi nói về sự dữ vốn cũng là thành phần rõ ràng trong thế giới chúng ta. Nhưng đây là lỗi của chính nhân loại, không phải lỗi của Chúa, Đấng luôn có mặt với tạo vật của Người và mạc khải chính mình trong và qua thế giới được tạo thành. Vì thế mọi thụ tạo đều có thể nói cho chúng ta về Thiên Chúa. Nhờ anh mặt trời và chị mặt trăng mà Thánh Phanxicô đã được nâng lên gần Thiên Chúa hơn. Trong quan niệm Công Giáo, công cuộc cứu rỗi mà Đức Kitô đã mang đến là một cái gì rất nội tại. Qua việc làm cho chúng ta trở nên con cái của Ngài, Thiên Chúa đã làm cho chúng ta nên cao quý và ban tràn đầy Thần Khí Ngài cho chúng ta.

Vì lý do đó mà thế giới có thể là một bí tích của Thiên Chúa trong đúng nghĩa của bí tích. Thế giới vẫn tiếp tục nói với chúng ta về lòng nhân hậu, tình yêu, cũng như về lòng cảm thương và sự quan tâm của Thiên Chúa đối với công trình tạo dựng của Ngài. Và cũng vì thế mà chúng ta là một dân mang tính bí tích; chúng ta thấy mình bị tước đoạt hơn là suy đồi, mang tính cộng đoàn hơn là theo cá nhân chủ nghĩa trong việc đạo đức, có thể thường thức được tiếng cười, mùi

ngon của rượu vang mà thánh Hilariô Belloc dùng để ngợi khen Thiên Chúa!

Ý nghĩa này của hai từ bí tích ít được đề cao. Nhưng không vì thế mà phủ nhận là không có. Nếu ý thức hơn có lẽ chúng ta sẽ thấy dễ dàng để hòa nhập cuộc sống vào sự thờ phượng của chúng ta. Và theo cách này chúng ta có thể phát huy một linh đạo mang tính toàn diện hơn hơn. Bằng cách nhấn mạnh trên những tiết nhịp cơ bản làm nổi bật nét đặc trưng của các nghi thức, chúng ta có thể cất bước nhịp nhàng hơn theo cùng một nhịp điệu. Điều này có nghĩa là chúng ta nhìn vào cuộc sống và tự hỏi ta phải theo cách nào để thể hiện các nhịp điệu của Thánh Lễ.

IV- TIẾT NHỊP NỘI TẠI CỦA THÁNH LỄ

Cách tiếp cận được sử dụng ở đây có vẻ hơi đơn giản. Nhằm mục đích trình bày cho dễ hiểu, xem ra chúng ta không biết đến hoặc bỏ qua một bên sự phong phú của toàn bộ phụng vụ, để chỉ chú tâm đến những thành phần trong cái toàn thể đó. Tuy nhiên, khi nói về nghi thức nhập lễ như một tiết nhịp triệu tập, chúng ta không muốn nói rằng chiều kích cộng đoàn không thể tìm ở đâu khác trong Thánh Lễ. Cũng thế, khi nhấn mạnh trên cách thức Lời Chúa được hình thành và thách thức những ai nghe Lời, chúng ta cũng không muốn nói rằng Lời Chúa chỉ có trong phần phụng vụ Lời Chúa. Lời Thiên Chúa tác động cách mạnh mẽ nhất trong Kinh Nguyện Thánh Thể.

Trong khi làm nổi bật các phần khác nhau của nghi thức, ý chúng ta là muốn tách rời các tiết nhịp cơ bản đặc trưng của các phần cũng như của cả phụng vụ. Hy vọng việc này sẽ giúp chúng ta cảm nhận sâu hơn về phụng vụ, về những tiết nhịp được lặp đi lặp lại trong cuộc sống. Điều này sẽ cho phép ta xét lại các liên hệ của ta, sự dẫn thân của ta, để xem chúng ta có thể làm thế nào để thể hiện rõ ràng hơn tiết điệu của kinh nguyện và lời ca khen của chúng ta.

Vậy những gì chúng ta tiến hành nghiên cứu ở đây vượt lên trên những thực tập đạo đức đặc biệt hoặc những chương trình tu đức nào đó, để tập trung vào một cách thức suy nghĩ khác có thể tác động trên toàn bộ đời sống chúng ta. Các lối sống của chúng ta sẽ tiếp tục mang tính đa dạng cũng như các môi trường chung quanh ta luôn khác biệt nhau. Chính Chúa Thánh Thần trao ban cho chúng ta nhiều

quà tặng, cho ta chính sự sống và mời gọi mỗi người cùng hoà nhịp với vũ điệu.

Phụng vụ Thánh Thể bao gồm 5 tiếp nhịp nội tại như sau :

1- Tiết Nhịp Triệu Tập. Trước hết, phụng vụ là trình thuật việc Thiên Chúa tụ họp dân chúng thuộc đủ mọi sắc dân sắc tộc. Cộng đoàn Kitô hữu là một cộng đoàn mà ở đó không còn ai là Do Thái, Hy Lạp, nô lệ, nam, nữ, nhưng là nơi mà tất cả đều trở nên một trong Đức Giêsu Kitô. Chiều kích cộng đoàn hay xã hội này không chỉ là một khía cạnh của sự thờ phượng của chúng ta, nhưng nó còn là nét đặc thù của Kitô Giáo. Như Tertulien đã nói cách đây gần 2000 năm: “Một Kitô hữu cô độc không phải là Kitô hữu” (Unus Chirstianus, nullus Christianus).

2- Tiết Nhịp Kể Chuyện. Có người đã giảm thiểu các tiết nhịp phụng vụ trong ba tiết nhịp : tụ họp dân chúng, kể chuyện, và chia sẻ thực phẩm. Điều này thực quá giảm thiểu. Không ai phủ nhận chúng ta là dân của chuyện kể – không những là dân thích nghe kể chuyện nhưng còn là một dân chỉ có thể hiểu được nếu dựa trên chuyện kể về việc Thiên Chúa tự mạc khải mình cho chúng ta trong Kinh Thánh. Huyền thoại Kitô Giáo (Christian myth) là nền tảng cơ bản để chúng ta hiểu mình là ai, và Thiên Chúa muốn chúng ta phải như thế nào.

3- Tiết Nhịp Ngôn Sứ. Lời Chúa không chỉ đơn thuần là để thông tin hoặc an ủi chúng ta. Lời Chúa còn lôi kéo chúng ta múa theo điệu vũ của Người chứ không phải theo vũ điệu của chính chúng ta. Một yếu tố quan trọng trong phụng vụ Lời đó là luôn có sự thách đố để làm sao cho thế giới mà chúng ta đang sống cũng hòa vào điệu vũ của Thiên Chúa chúng ta. Thiên Chúa không bao giờ muốn thế giới làm chúng ta thay đổi, nhưng muốn chúng ta đổi thay thế giới để con người có thể cư ngụ trong một nơi mang đầy dấu ấn của Triều Đại Thiên Chúa.

4- Tiết Nhịp Nuôi Ăn. Chúng ta có thể sát nhập tiết nhịp này với nghi thức hiệp lễ. Một điều chúng ta không nên bao giờ quên là Thiên Chúa chỉ nuôi dưỡng chúng ta khi ta có cái gì để nuôi sống nhau. Trong bất cứ cộng đoàn nào mà tất cả đều là anh chị em với nhau, thì nhu cầu của một người là mối quan tâm của tất cả.

5- Tiết Nhịp Sai Đi. Tiết Nhịp sau cùng thường hay bị quên lãng. Chức năng chính của việc thờ phượng là làm cho chúng ta có thể ra đi và làm chứng cho thế giới về công trình của Thiên Chúa qua cuộc sống chúng ta. Toàn thể Giáo Hội được sai đi để đem Tin Mừng của Đức Kitô đến cho trần gian. Hình ảnh về thế giới mà ta gặp trong sách Khải Huyền là một thế giới trong đó mọi thụ tạo đều tham gia vào điệu múa hoàn vũ của Thiên Chúa. Trách nhiệm quan trọng của người Kitô hữu không chỉ là cứu rỗi linh hồn mình nhưng còn cứu rỗi linh hồn của những anh chị em khác, và để cho Thiên Chúa cơ hội sử dụng chúng ta dạy cho thế giới vũ điệu của Người.

Điều hiển nhiên là không phải chúng ta chú tâm xây dựng một lối sống cụ thể nào, cho bằng tạo cho mình một lối suy tư, một lối nhìn về chính cuộc sống – bằng cách học cho được Vũ Điệu của Thiên Chúa. Các tiết nhịp của vũ điệu này bằng bạc trong hết những gì chúng ta “là” và chúng ta “có”. Các Tiết Nhịp đó vạch rõ con đường tu đức cụ thể của riêng chúng ta trong mọi nơi, mọi lúc. Theo giáo huấn của thánh Phaolô, chúng có thể tạo cho chính mình cơ hội để dâng xác thân ta như một hy lễ sống động lên Thiên Chúa (Rm 12:1-2).

Theo thánh Phaolô thì việc này chỉ có thể xảy ra khi chúng ta không còn sống theo tinh thần của thế gian, nhưng phân định rõ ràng đâu là ý của Chúa, biết được những gì là tốt đẹp, là làm đẹp lòng Chúa, là trở nên hoàn thiện. Tất cả sẽ không xảy ra cùng một lúc, nhưng nếu chúng ta đúc khuôn hành trình cuộc sống của mình theo phụng vụ của Giáo Hội, chúng ta sẽ được chuyển biến từ từ vào trong sự viên mãn của Đức Kitô, và làm cho ta có khả năng dâng lên Thiên Chúa một việc thờ phượng hoàn hảo. Việc thờ phượng thiêng liêng này chỉ có thể có được khi chúng ta cất bước theo các tiết nhịp mà chính Thánh Thần Chúa khởi xướng, và mong muốn dạy từng bước đi cho mỗi người chúng ta.

CHƯƠNG 3

TIẾT NHỊP TRIỆU TẬP

“Ta đã vũ cho kinh sư và biệt phái,
nhưng họ không nhích bước theo Ta.
Ta đã vũ cho các người chài lưới,
cho Giacôbê và Gioan,
Họ đã nhập cuộc với Ta và vũ điệu tiên hành.”

I- Ý NGHĨA CỘNG ĐOÀN QUY TỰ CỬ HÀNH THÁNH THỂ

Nghi thức Nhập Lễ ít khi được xem như thành phần quan trọng của phụng vụ. Quả thực nghi thức này chỉ xuất hiện vào thế kỷ XV. Trước đó, vị chủ tế chỉ bước vào cung thánh và mọi sự bắt đầu với phần Phụng Vụ Lời Chúa. Rất đơn giản, gọn gàng, không chút rườm rà.

Nói cách tự nhiên thì phụng vụ phải khởi đầu từ chỗ nào đó. Nhưng trong suốt 15 thế kỷ qua, đã có nhiều loại nghi thức dẫn nhập khác nhau. Các loại hình này phục vụ cho nhiều mục đích. Một trong những mục đích là mời gọi cộng đoàn hãy cầu nguyện, chuẩn bị tâm hồn cho việc thờ phượng sắp được cử hành long trọng. Các nghi thức này cũng là để chào mừng cộng đoàn tụ họp lại cùng nhau chia sẻ bữa ăn hy tế của chính Đức Kitô.

Sự kiện quan trọng này có thể dễ dàng bị bỏ qua để chỉ tập trung vào việc chia sẻ bàn tiệc Lời Chúa và Mình Chúa. Tuy nhiên, để hiểu chính xác về Thánh Lễ, cần phải đánh giá cho đúng về cộng đoàn được quy tụ để cử hành Thánh Thể.

Cộng đoàn không phải là một đám người hỗn tạp. Cuộc họp mặt Chúa Nhật khác và phải khác với đám người tụ họp lại xem trận đấu thể thao hoặc xem chiếu bóng. Ở sân vận động hoặc nhà hát, tất cả đều làm một việc, cùng một lúc, nhưng mỗi người làm theo cá nhân, cho cá nhân mình. Họ họp mặt nhau, như những khối cẩm thạch trong một cái bao, lạnh lùng, vô cảm, không ai quan tâm đến sự hiện

diện của người khác cũng có mặt bên họ. Cộng đoàn Kitô hữu tham dự phụng vụ không thể so sánh như một đám khán giả thụ động ngồi theo dõi việc gì đang xảy ra trên cung thánh.

Sau Công Đồng Vatican II, chiều kích cộng đoàn trong việc cử hành Thánh Thể được nhấn mạnh hơn nhiều. Ở những thế kỷ đầu, mỗi thành phố chỉ có một nhà thờ, và tất cả thành viên phải có mặt trong một thánh lễ độc nhất được cử hành trong ngày đó. Do đó họ biết tên nhau, và từ sự quen biết đó họ quan tâm lo lắng cho nhau.

Sự kiện này khác xa với các thành phố lớn của chúng ta ngày nay, nơi có rất nhiều người Kitô hữu sinh sống. Các nhà thờ trông rất đồ sộ, và có nhiều buổi cử hành phụng vụ. Tuy nhiên, thực sự thì người này không biết người kia. Chẳng những ý nghĩa tự nhiên của một cộng đoàn đã khó thực hiện rồi mà nhiều người lại chẳng hứng thú gì để hình thành một cộng đoàn như thế. Họ thích những gì là vô danh mà cuộc sống thành thị đem lại hơn. Và họ không thấy được cộng đoàn phải làm cái gì đó để có thể giúp đỡ những người khác qua thánh lễ.

Tình trạng lạc lõng này không chỉ là một vấn đề xã hội, nhưng còn là vấn đề thần học (cần phải đặt lại vấn đề). Nó phản ánh một nền thần học bắt nguồn từ thời Trung Cổ, thời mà phân đông giáo dân không sao hiểu nổi ý nghĩa của phụng vụ, cho nên họ chỉ biết làm những việc sùng kính theo sở thích cá nhân để nuôi dưỡng lòng đạo của mình.

Thay vì đặt quan tâm trên cộng đoàn họp mặt bên bàn tiệc của Chúa, thì đã có một xu hướng chủ yếu nhấn mạnh về sự hiện diện huyền bí của Chúa Giêsu trong bánh và rượu. Ngay cả ngày nay chúng ta cũng thường hiểu Thánh Lễ dựa trên những gì xảy ra cho bánh và rượu, và phải sử dụng đúng đắn “chất thể” (matter) và “mô thể” (form). Thay vì nhấn mạnh vào những khía cạnh trên thì Giáo Hội tiên khởi chủ yếu quan tâm đến việc dân chúng chia sẻ bánh và rượu để tưởng nhớ Đức Kitô. Lại một lần nữa, điểm nhấn là dân và chiều kích tích cực của việc cùng nhau họp

Tuy nhiên, vào thời Trung Cổ, nhất là sau khi việc dâng Mình Thánh Chúa lên lúc truyền phép được đặt lên hàng đầu trong Thánh Lễ vào thế kỷ XIII, sự nhấn mạnh được chuyển đổi. Một sự cung kính khép

nép đối với màu nhiệm sau khi bánh lễ được truyền phép đã phát triển. Như đã nói trước đây, nhiều người thậm chí chạy từ nhà thờ này qua nhà thờ nọ chỉ để bắt cho kịp đúng thời điểm linh mục dâng Mình Thánh lên lúc truyền phép, mà thường thường chủ tế lại không dâng cao lên cho những người tụ họp trên quảng trường chỉ vì mục đích chiêm ngắm.

II – Ý NGHĨA CỦA NHÀ THỜ – NƠI DÂN CHÚNG TỤ

Từ sự nhấn mạnh này trên sự hiện diện của Đức Kitô (lễ Mình Thánh Chúa được thiết lập vào thời đó) người ta bắt đầu hiểu về nhà thờ bằng cách khác. Từ ý nghĩa nguyên thủy là nơi cho dân chúng tụ họp, nhà thờ trở thành nơi ở của Chúa. Việc phát huy lòng sùng kính Đức Kitô hiện diện trong nhà tạm biện minh cho quan niệm này. Dĩ nhiên tập tục viếng Thánh Thể đáp ứng cho một nhu cầu rất cần thiết của dân chúng. Họ cảm thấy phải thiết lập một quan hệ riêng tư với Chúa Giêsu. Phụng vụ chủ yếu là lời kinh nguyện chung của cộng đoàn, không có nhiều thời gian cho kinh nguyện cá nhân. Giờ cầu Thánh Thể trước và sau Thánh Lễ giúp nội tâm hóa những gì được cử hành trên bàn thờ.

Nhưng thực tế trong lúc cử hành Thánh Lễ, nhà tạm trở thành một lúng túng mang tính chất phụng vụ. Chúng ta được dạy là khi đi ngang qua nhà tạm, hay mỗi lần bước vào và ra khỏi nhà thờ phải kính bái, bằng không thì chúng ta quên khuấy nhà tạm. Mọi chú ý đều phải tập trung trên bàn thờ và trên bục giảng. Do đó cách giải quyết hay nhất là nên có một nhà nguyện riêng cho Thánh Thể. Đây cũng là nét đặc biệt cho các nhà thờ đầu tiên, và cũng rất tiện cho việc cầu nguyện riêng tư với bầu khí bình an và thanh lặng.

Hầu hết chúng ta lớn lên với niềm tin tưởng rằng sự bình an và yên tĩnh này là đặc tính của tất cả các nhà thờ. Vì thế đã có những phản đối khi yêu cầu cộng đoàn hãy chào hỏi nhau lúc bắt đầu thánh lễ. Đối với hầu hết người Công Giáo, hình như có một cái gì đó có vẻ theo Tin Lành, nếu chúng ta vào trong nhà thờ để tìm người này người nọ, hoặc chuyện trò thăm hỏi nhau thay vì quỳ gối nghiêm trang thanh lặng để cầu nguyện riêng tư.

Điều này không phải là để phá quan niệm về việc cầu nguyện riêng tư. Mọi người chúng ta đều cần nội tâm hóa việc cử hành buổi

tưởng niệm Đức Kitô bằng việc cầu nguyện để làm cho toàn diện cuộc sống chúng ta thành một Thánh Lễ kéo dài. Sau khi nói đến điều này rồi, thì cũng phải nhấn mạnh rằng thời gian dành cho việc cầu nguyện riêng tư chủ yếu là thời gian trước hoặc sau Thánh Lễ. Khi họp mặt với nhau để cử hành phụng vụ thì trung tâm chú ý là chính cộng đoàn và tất cả những gì liên quan đến cộng đoàn.

Để minh họa điều này, xin chia sẻ một câu chuyện có thật. Đức Giám Mục Dom Helder Camara trong lúc còn làm giám mục ở Recife, thì một ngày kia mấy tay đao chích vào một nhà thờ cạy cửa nhà tạm. Vì chỉ muốn lấy cắp các chén thánh mạ vàng, nên khi ra khỏi nhà thờ, họ đổ hết bánh thánh trên đất lầy, tẻ hơn thế, họ còn dẫm nát lên trước khi đi. Việc này làm giáo dân rất hoang mang và phải dành một ngày cầu nguyện đền tạ cho tội phạm sự thánh này. Họ mời Đức Giám Mục Dom Helder đến cầu nguyện chung với họ, và xin ngài cho vài lời phát biểu. Đức Giám Mục lên tiếng : “Anh chị em thân mến, hôm nay chúng ta tụ họp ở đây để làm việc đền tạ vì tội phạm thánh đã xảy ra trong nhà thờ chúng ta. Người ta đã cạy cửa nhà tạm, lấy cắp chén thánh và chà đạp Mình Thánh Chúa xuống bùn, ngay nơi cổng nhà thờ. Điều này làm chúng ta rất đau buồn và chúng ta đau buồn là rất đúng. Nhưng thưa anh chị em, trên đất nước chúng ta đây, hằng ngày, Đức Kitô vẫn bị chà đạp xuống bùn trong những con người là chi thể của Người, thế mà chẳng ai cảm thấy đau buồn và nhỏ cho một giọt nước mắt !”

Thánh Augustin sẽ hoàn toàn đồng ý điều này. Trong bài giảng số 272, ngài nói : “Nếu anh em là thân mình Đức Kitô và là chi thể của Người, thì chính mầu nhiệm của anh em được đặt trên bàn thờ. Anh em chịu lấy chính mầu nhiệm của anh em, và đáp trả bằng tiếng Amen với chính mầu nhiệm của bản thân anh em.” Rất tiếc, quan niệm này về Thân Mình Đức Kitô, một thần học có từ thời thánh Phaolô lại không phải là quan niệm trọng tâm đối với nhiều người trong thời đại chúng ta. Tuy nhiên, quan niệm này diễn tả ý nghĩa trung tâm của việc được cứu rỗi. Được cứu rỗi không chỉ đơn giản là nhận Chúa Giêsu là Đấng Cứu Tinh của bản thân mình. Trong Kinh Thánh không tìm đâu ra được một bảo đảm cho quan niệm về ơn cứu rỗi bị cá nhân hóa này. Đúng hơn, chúng ta được cứu rỗi do việc

được sát nhập vào một cộng đoàn được Thần Khí Đức Kitô nuôi sống.

Trong Cựu Ước cũng như trong Tân Ước, ý định cứu rỗi của Thiên Chúa được biểu lộ qua việc Người chọn một “Dân”. Giavê đã chọn Abraham và dòng tộc ông. Môsê đã đưa toàn thể Dân được chọn đó ra khỏi Ai Cập. Thiên Chúa đã thiết lập với họ một quan hệ đặc biệt, một giao ước. Chính bởi giao ước đó họ được nhìn nhận là dân của Người, và Người sẽ mạc khải Luật của Người cho họ và giúp họ biết được đường lối của Người. Hồng Ân Cứu Rỗi mang tính xã hội.

Trong Tân Ước, mỗi trình thuật về việc thiết lập bí tích Thánh Thể đều nhắc nhở chúng ta về tính cách xã hội này khi Phaolô và Luca nói đến “Giao Ước trong Máu Đức Kitô”¹, còn Marcô và Mathêu dùng “Máu của Giao Ước”. Hành động của Đức Kitô được hiểu như hành động khai mào cho Giao Ước mới đã được Giêrêmia báo trước (Gr 31, 31-34), một cộng đoàn được cứu rỗi để tiếp nối các lời hứa và hành động của Thiên Chúa trong quá khứ.

III – Ý NGHĨA THÂN MÌNH ĐỨC KITÔ

Thánh Phaolô đã khai triển thần học về Thân Mình Đức Kitô, và làm cho thần học đó rõ ràng hơn bằng cách dùng nhiều hình ảnh. Đúng hơn, Phaolô đã đặt một cầu nối giữa các chi thể của thân mình, và một sự tùy thuộc lẫn nhau giữa các chi thể. Một chi thể bị đau, toàn thân đều bị đau. Mỗi chi thể phải thể hiện phần hành của mình cho lợi ích toàn thân. Các ân huệ của Thần Khí không dành cho cá nhân, nhưng để cho toàn thân được hưởng.

Cụm từ “trong Đức Kitô” mà thánh Phaolô dùng hơn 48 lần là một thí dụ cụ thể khác để thấy Phaolô hiểu thế nào về việc chuyển thông ân sủng Thiên Chúa. Vấn đề cụ thể mà Phaolô phải đối diện là làm cách nào để “gieo tinh thần của Đức Kitô” vào não trạng của dân ngoại trở lại. Điều này thật khó vì họ là những người đến từ môi trường bị bao vây do bè bạn, láng giềng, thân thích ngoại đạo mà những giá trị và tính cách hoàn toàn ngoại đạo.

Đối với Phaolô, họ chỉ có thể thực sự trở lại nếu họ sống “trong Đức Kitô”. Qua từ ngữ này Phaolô muốn nói đến cộng đoàn Kitô hữu, một cộng đoàn có thể làm trung gian cho một hệ thống giá trị mới, cung cấp mẫu phần hành mới, gồm những người có thể nâng đỡ nhau

bằng gương sáng và sự trợ giúp lẫn nhau. Chính “trong cộng đoàn” mà một người trở lại có thể gặp gỡ Đức Kitô. Chúng ta đã được cứu rỗi nhờ cuộc tử nạn của Đức Kitô, và được cứu thoát khỏi cõi đời xấu xa hiện tại nhờ việc trở nên thành phần của một cộng đoàn luôn biết quan tâm đến nhau, và cộng đoàn đó là hiện thân của Thân Mình Đức Kitô ở đây, trên mặt đất này (x. Gl 1,4).

Từ vài trăm năm trở lại đây, chúng ta đã bị ảnh hưởng bởi một đường hướng đạo đức cá nhân đã ngấm ngấm ảnh hưởng trên sự hiểu biết của chúng ta về bản chất thực của Giáo Hội. Đường hướng đạo đức này làm chúng ta tưởng tượng đến một Triều Đại của Thiên Chúa như một thực thể nội tâm trong tâm hồn của những cá nhân có lòng tin đang sống rải rác trên toàn thể mặt đất. Nhưng không phải trong tư cách những cá nhân, mà đúng hơn chính trong tư cách một dân mà Giáo Hội mới có thể là một dấu chỉ đáng tin cho tất cả thế giới về hồng ân cứu rỗi.

Cuộc cải cách của Tin Lành đã cố gắng đặt giáo dân trong một tiếp xúc trực tiếp với Thiên Chúa. Phong trào cải cách này mong muốn giải thoát giáo dân khỏi cơ cấu tôn giáo cường quyền, tự cho mình có toàn quyền trên mọi phương tiện cứu rỗi, điều này thật đáng trân trọng. Nhưng khi Adolf Von Harnack, một nhà thần học rất có ảnh hưởng, đã mô tả thế kỷ cuối cùng như một thế kỷ của tôn giáo cá nhân và chủ quan, đó chỉ vì ông đã xác tín rằng điều này cũng diễn đạt đúng giáo huấn của Chúa Giêsu.

Theo Harnack, Triều Đại Thiên Chúa đến với từng cá nhân, bằng cách đi vào trong tâm hồn họ và được họ đón nhận. Đó là Luật của Thiên Chúa trong trái tim mỗi người. Theo cách hiểu này thì chúng ta thực sự không cần đến Giáo hội. Giáo hội chỉ còn là một hội ái hữu gồm những người hiểu biết trên toàn mặt đất này. Nếu vậy Kitô giáo chỉ còn quan tâm đến đời sống nội tâm, chiều kích xã hội của đức tin chúng ta dứt khoát chỉ còn là một bình diện phụ thuộc.

Tất cả chúng ta, trong mức độ nào đó, đều bị ảnh hưởng bởi điều này. Dù cố giữ lại một thần học chung chung về cộng đoàn, thế nhưng trong thực tế, chúng ta cũng chỉ sống ý tưởng đó với một lối sống cá nhân chứ không phải như nó đã được thai nghén từ nguyên sơ. Thế kỷ XVII đã phát động mạnh mẽ một đường hướng tu đức cá

nhân. Mục vụ và cách hiểu của chúng ta về Giáo Hội và Phụng vụ Giáo Hội vẫn còn quá mang tính cá nhân.

Tôi nghĩ đến một sự kiện mà chắc chắn nhiều người sẽ thấy rất quen thuộc. Đến giờ lễ, chỉ có khoảng 50 người hiện diện. Tôi bắt đầu thánh lễ với câu thường lệ: “Nhân danh Cha và Con và Thánh Thần.” Không ai đáp lại. Tôi tiếp, “Chúa ở cùng anh chị em.” Lại một lần nữa tôi chỉ được đáp trả bằng một sự thinh lặng. Tôi đưa mắt nhìn quanh giáo dân. Họ ngồi rải rác khắp nơi trong nhà thờ như phiên chợ chiều, càng cách xa nhau càng hay. Tôi còn thấy một vài người ở phía sau đang thấp nền khăn vái trước toà vị thánh bồn mạng nhà thờ. Những người khác chúi mũi trên những trang sách kinh xưa cũ. Người khác tay đang vân vê cổ tràng hạt, miệng lầm rầm đọc kinh.

Như bị khiêu khích, tôi bỏ hết những gì đã chuẩn bị cho bài giảng. Thay vào đó tôi nói : “Tôi chỉ có một câu hỏi gửi đến anh chị em sáng nay. Anh chị em đang làm gì ở đây ? Đức tin cho chúng ta biết rằng khi tụ họp nhau để dâng thánh lễ thì tất cả mọi người cùng họp mặt nơi bàn tiệc của Chúa. Chính nơi bàn tiệc này, Chúa Giêsu nuôi dưỡng chúng ta bằng Lời và Mình Máu Người. Thế mà hình như tất cả anh chị em ai cũng mang theo phần ăn riêng của mình. Chẳng ai để tâm đến ai. Còn đâu ý nghĩa của cộng đoàn dân Chúa !”

“Vác túi đây đến bàn tiệc Chúa”, nghe ra quá khiêm nhã, thế nhưng người ta làm việc đó mỗi ngày. Họ đến nhà thờ để làm những việc riêng của họ chứ không phải để làm những việc của Chúa. Lòng đạo cá nhân đã bỏ qua một thực thể hết sức quan trọng : đó là sự hiện diện của Đức Kitô trong cộng đoàn.

Sự hiện diện của Thánh Thể không xảy ra trong một khoảng không. Công Đồng Vatican và Đức Thánh Cha Phaolô VI (trong *Mysterium fidei* và *Instruction on Eucharistic Worship*) đã khẳng định rõ điều này : Sự hiện diện của Thánh Thể biểu hiện trong toàn bộ một mạng lưới tương quan liên hệ. Chính trong tương quan liên hệ đó mà Đức Kitô thực sự hiện diện với chúng ta. Trong phụng vụ, chúng ta thường đặc biệt quan tâm đến sự hiện diện của Chúa nơi linh mục, trong việc công bố Lời, trong các việc bác ái nhân danh Chúa, và nơi bánh và rượu. Nhưng, để bắt đầu với tất cả những sự hiện diện đó, Chúa hiện diện nơi những ai đến để cùng nhau tưởng niệm Người.

“Ở đâu hai hoặc ba người tụ họp với nhau vì danh Thầy, Thầy có mặt ở giữa họ” (Mt 18, 20).

Chúng ta hãy cảnh giác về ý nghĩ cho rằng Đức Kitô, cách nào đó, vắng mặt cho đến lúc truyền phép. Một bài ca cũ của Pháp diễn đạt tư tưởng này rất có thú vị lớp lang. Bài ca mời gọi chúng ta thờ lạy Chiên con và Bánh các Thiên Thần đã đến từ Trời. Đối với chúng ta, Chúa Giêsu không cần phải “đến từ” bất cứ nơi đâu. Người đã có mặt giữa chúng ta rồi trong nhiều cách thức. Dấu chỉ mạnh mẽ nhất và hữu hình nhất của sự hiện diện này là chính cộng đoàn tụ họp lại, nhất là họp mặt trong tình yêu và bình an.

Rõ ràng chính sự hiện diện này trong cộng đoàn, một sự kiện chủ yếu của tính chất cộng đoàn người Kitô hữu, mà mỗi phụng vụ phải cố làm nổi bật. Việc họp mặt cùng nhau mỗi Chúa Nhật đòi hỏi một đức tin tích cực, một hành động nhận biết phần việc chúng ta phải làm. Chúng ta được mời gọi để nhận biết sự hiện diện của Đức Kitô trong tất cả mọi người đang họp mặt nhau. Chính vì sự hiện diện đó của Người mà chúng ta không còn phân biệt là Do Thái hay Hy Lạp, nô lệ hay người tự do, nam hay nữ. Đúng hơn, tất cả chúng ta là một trong Đức Giêsu Kitô (x. Gl 3, 26-28).

IV – Ý NGHĨA NGHI THỨC NHẬP LỄ

Sự họp nhất và nên một này là điều mà chúng ta cầu nguyện trong mỗi Thánh Lễ khi kêu xin Chúa Thánh Thần biến đổi để chúng ta “thực sự trở nên một thân mình, một tinh thần trong Đức Kitô.” Lời nguyện đặc biệt cầu xin Chúa Thánh Thần này luôn được đem vào trong tất cả các kinh nguyện Thánh Thể sau này. Làm như vậy là Giáo hội quay trở về với việc sử dụng những kinh nguyện cổ xưa nhất. Trong những kinh nguyện đó, Chúa Thánh Thần luôn được kêu xin để thánh hóa Giáo hội, để “làm cho chúng ta họp nhất nên một.”

Tiếc thay, cách thức mà lời kinh nguyện này được sắp xếp như chúng ta có hiện nay có thể làm khuất mờ đi ý nghĩa của nó. Lời kinh đó đã bị cắt ra làm hai phần. Ngay trước khi đọc lời truyền phép, chúng ta xin Chúa Thánh Thần “đến thánh hóa lễ vật này để biến thành Mình và Máu Đức Giêsu Kitô Chúa chúng con.” Điều này không gây vấn đề gì. Chúng ta thường có quan niệm về Thánh Lễ như sự biến hóa

bánh và rượu thành Mình và Máu Đức Kitô. Chúng ta tin chắc chắn việc đó sẽ xảy ra.

Tuy nhiên, chúng ta không thể quên phần thứ hai của kinh nguyện Thánh Thể. Trong phần này, chúng ta xin Chúa Thánh Thần biến hóa thêm một lần nữa. Chúng ta cầu xin Chúa Thánh Thần biến đổi lễ vật trên bàn thờ và “tất cả những ai tụ họp lại để cùng chia sẻ một tấm bánh và một chén rượu này”. Rõ ràng là chúng ta xin được trở nên một như Đức Giêsu đã cầu nguyện trong bữa ăn cuối cùng (x. Ga 17). Chúng ta bực mình không chấp nhận nếu có ai nói Chúa Thánh Thần không thể biến hóa những lễ vật. Chúng ta nghĩ rằng sự bất lực này làm hỏng hết Thánh Lễ. Nhưng điều gì xảy ra nếu Chúa Thánh Thần không thể biến đổi được cộng đoàn? Ở phần cuối giáo huấn của thánh Phaolô về Thánh Thể, trong 1 Côrintô, có một câu đầy ý nghĩa. “Ai ăn và uống mà không phân biệt được Thân Mình Chúa, là ăn và uống án phạt của chính mình” (11, 29). Người Công Giáo thường có khuynh hướng hiểu câu này như muốn nhấn mạnh đến hiểu biết của chúng ta về sự hiện diện của Đức Kitô trong những yếu tố Thánh Thể, hoặc được xem như việc khắc sâu vào tâm trí chúng ta lòng tôn sùng và thái độ xứng hợp trước sự hiện diện này. Nhưng Phaolô không đề cập đến sự hiện diện của Đức Kitô trong bánh và rượu mà nhấn mạnh trên sự hiện diện của Đức Kitô trong những ai “đang gặp gỡ nhau như một Giáo Hội” (11, 17).

Vấn đề chính mà Phaolô nói đến trong chương 11 là việc người ta đã không nhận ra Đức Kitô trong những người đang tụ họp, và sự xấu hổ mà những thành viên nghèo hơn trong cộng đoàn phải chịu vì thái độ của những người giàu. Phaolô nói rằng sự không nhận biết này đem lại chẳng những án phạt trên chính chúng ta mà còn làm hỏng cả buổi cử hành. Quả thực việc nhận ra toàn thể Đức Kitô, đầu và thân mình của Người, là nền tảng không thể thiếu được trong bất cứ cuộc cử hành Thánh Thể nào cách đúng đắn và mang lại ơn ích. Chỉ như vậy, chúng ta mới cảm nhận được mầu nhiệm chúng ta đang cử hành, một mầu nhiệm mà qua đó, Đấng vắng mặt trở thành hiện diện trong một thế giới che giấu Ngài.

Vậy đây là những gì nghi thức nhập lễ nhắc nhở chúng ta. Nghi thức này bắt đầu ngay cả trước khi cất bài ca nhập lễ. Tại nhiều nhà

thờ, chúng ta chào hỏi nhau ở ngưỡng cửa. Đôi khi chúng ta cũng được mời gọi chào hỏi nhau khi nghi thức vừa bắt đầu. Nhưng ở đâu không có tập tục này thì điều cần thiết là chúng ta phải diễn tả cách nào đó sự nhận biết về sự hiện diện của những người ở những hàng ghế bên cạnh chúng ta khi họ bước vào.

Rồi đến việc cất lên bài ca nhập lễ. Mục đích của bài ca này không phải là lấp đầy thời gian trống khi chủ tế cùng đoàn tùy tùng bước vào cung thánh. Chúng ta đã bao lần nghe lời dẫn như thế này: “Xin mời cộng đoàn đứng dậy đón chào vị chủ tế...” Bài ca này không phải để chào đón linh mục hay mời chủ tế bước lên bàn thờ. Đúng hơn đây là bài ca triệu tập đầy vui tươi, nói lên ý lực của việc cử hành hôm nay. Tất cả chúng ta đều tham gia vì tất cả đều là những người cử hành. Đây là phụng vụ của chúng ta. Linh mục hướng dẫn hay chủ tọa buổi lễ, nhưng chính toàn Thân Mình Đức Kitô là chúng ta dâng lên Thiên Chúa việc tôn thờ chung.

Có lẽ chúng ta muốn thấy Chúa thực sự đang ở với ai đó như Đức Maria, hoặc với bất cứ một người thánh thiện nào một cách hiển nhiên. Nhưng khi thấy chính Chúa đang ở với người bên cạnh tôi, hoặc với chính tôi thì điều này làm tôi càng sùng sớt hơn. Quan điểm này đòi hỏi chúng ta nghiêm chỉnh ý thức được giá trị của mình. Chúng ta phải nhận ra rằng khi họp mặt nhau nhân danh Đức Kitô thì chúng ta hình thành chính Thân Mình Người. Chúa Giêsu thực sự đang ở với chúng ta. Nếu không thì có thể chúng ta không bao giờ tiến hành việc làm cho Người hiện diện trong bánh và rượu được.

Kế tiếp, nghi thức phụng vụ cho phép chủ tế nói vài lời nhập đề. Có thể chỉ cần một câu để nhắc rằng chúng ta cùng nhau họp mặt nơi đây làm nên một thân mình để thờ phượng Thiên Chúa, và tập trung chú ý của chúng ta vào phụng vụ của ngày hôm đó. Dù sử dụng công thức sám hối nào, chúng ta cũng được mời gọi để nhận ra rằng cuộc sống chúng ta bên ngoài nhà thờ khác với những gì chúng ta cử hành. Chúng ta có trách nhiệm đối với nhau. Chúng ta không đơn độc hiện diện nơi đây.

Nghi thức nhập lễ chấm dứt với lời mời, “Chúng ta hãy cầu nguyện.” Mấy giây thỉnh lặng sau đó không cho chúng ta có cơ hội để nhìn quanh và chia trí, nhưng là để chúng ta hòa nhập vào việc cử hành

đặc biệt này, tại nơi này, trong lúc này. Dù ở bất cứ nơi nào trên cuộc hành trình trần gian này, chúng ta vẫn có thể xin Chúa nhận chìm cuộc sống chúng ta ngày càng sâu hơn trong Đức Kitô. Chúng ta nhìn nhận Người là Chúa chúng ta, bằng cách xin Người cho ta quan tâm hơn đến vũ điệu của Người. Sau đó, linh mục thâm tóm tắt cả lời kinh nguyện cá nhân của chúng ta trong lời cầu nguyện mở đầu, và chúng ta sẵn sàng lắng nghe lại câu chuyện tuyệt vời về ơn cứu độ của chúng ta trong tiết nhịp kế tiếp : Tiết Nhịp Kể Chuyện.

CHƯƠNG 4

VỚI CÔI LÒNG RỘNG MỞ : LIÊN ĐỐI TRONG ĐỨC KITÔ

“Đavít và toàn thể dân Israel nhảy múa vui mừng hết sức trước nhan Giavê theo tiếng hát, với đàn cầm, đàn sắt, với trống đệm cùng chũm chọe và kèn loa” (1 Ks 13,8)

I- PHỤNG VỤ NỐI NHỊP VỚI CUỘC SỐNG

Rõ ràng là đối với nhiều Kitô hữu, mối tương quan với Đức Kitô không quyết định được các chọn lựa căn bản trong cuộc đời họ. Sự dẫn thân trong đức tin ít khi là yếu tố quyết định loại công việc nào mà họ đang đi tìm, hoặc địa điểm và loại nhà nào mà họ sống, hay thậm chí lối sống nào mà họ phải lựa chọn. Đôi khi sự dẫn thân trong đức tin có thể ảnh hưởng trong việc chọn vợ gả chồng, hoặc kết nạp bạn bè. Nhưng đối với phần đông, tất cả những chọn lựa cơ bản trên được thực hiện trước, sau đó mới “rửa tội” cho những chọn lựa đó bằng cách đặt Đức Kitô vào sự việc đã rồi, để “thánh hóa” cho những quyết định mà dù sao họ cũng đã chọn lựa rồi. Đức Giêsu chỉ đến sau những tính toán con người.

Nguyên nhân là vì giữa phụng vụ và cuộc sống có một nhịp cầu nối quá mỏng manh. Những gì được cử hành trong nhà thờ không liên quan gì với thực tại mỗi ngày trong cuộc sống con người ngày nay. Ở nhà thờ, chúng ta chỉ quan tâm đến lãnh vực thiêng thánh, nhưng khi rời nhà thờ, chúng ta trở về với thực tế trần gian. Nếu kinh nguyện giúp chúng ta có nghị lực hơn để sống mỗi ngày thì tạ ơn Chúa! Nhưng ít khi chúng ta đặt cơ bản nơi phụng vụ để có một cái nhìn, hay một thâm định sâu sát hơn về cách chúng ta phải sống thế nào để cuộc sống có ý nghĩa và có mục đích hơn.

Phụng vụ Chúa Nhật có cái gì có thể nâng đỡ chúng ta trong cuộc sống gia đình không ? Có nhịp cầu nào nối giữa đức tin của chúng ta được diễn tả trong phụng vụ và công ăn việc làm của chúng ta ngoài phố chợ không ? Các câu hỏi này không bao giờ có câu trả lời nếu chúng ta hiểu phụng vụ Thánh Thể Chúa Nhật với những tư tưởng

nặng về cá nhân mà xã hội tiêu thụ thường dạy cho chúng ta. Nếu Giáo Hội chủ yếu cung cấp những dịch vụ để thỏa mãn nhu cầu cá nhân của chúng ta, thì sẽ rất khó để hiểu rằng mục đích chính của Phụng Vụ là làm cho chúng ta ngoan ngoãn theo sự hướng dẫn của Chúa, giúp chúng ta bước theo nhịp điệu của Người để vũ hội có thể tiếp diễn.

Phụng vụ Giáo Hội, với nhiều âm giai tiết điệu, dẫn bước hành trình đời sống chúng ta hoàn toàn khác hẳn với cách dạy phát huy nhân bản của các minh sư Ấn Giáo. Bởi lẽ phụng vụ Giáo Hội chìm sâu chúng ta trong màu nhiệm cuộc đời, mà ở đó ý nghĩa và ơn cứu độ chỉ tìm thấy nơi Đấng đã bị đóng đinh trên thập giá trong một hành động tự hiến hoàn toàn.

Theo Công Đồng Vatican II, canh tân phụng vụ là nhằm đổi mới cuộc sống người Kitô hữu. Vì là biểu hiện và tóm lược sự phong phú niềm tin của chúng ta, cho nên phụng vụ có khả năng đón nhận cuộc sống hằng ngày của chúng ta, biến đổi, thánh hóa bằng cách đưa nó tiếp cận với những hành động cứu rỗi của Đức Kitô. Nhưng Phụng vụ sẽ không có quyền lực nào nếu chúng ta cứ hiểu đó như là một hành động thánh thiện, hoàn toàn tách rời khỏi cuộc sống hiện thực.

Sáu mươi năm trước đây, chúng ta hẳn đã hết sức bàng hoàng trước sự kiện xảy ra ở Canada. Một linh mục đã công khai rời bỏ Giáo Hội và khước từ chức linh mục đang đứng ở góc đường thì một chiếc xe tải chở bánh mì chạy đến chỗ đó và dừng lại. Vị này đưa tay ra và đọc lời truyền phép “Đây là Mình Thầy...”

Sự việc này làm cho cả giáo phận hoang mang về vấn đề thần học. Dù gì đi nữa thì ông này là một linh mục đời đời thuộc phẩm hàm Melchizedek. Trong xe tải là bánh thật, và ông đọc thật đúng những lời truyền phép. Vậy thì cả xe bánh đó có trở thành Mình Thánh không ? Dư luận bất đồng ý kiến với nhau. Để an toàn, người ta mua hết xe bánh và đem phân phát cho trẻ mồ côi để tránh việc phạm sự thánh có thể xảy ra.

Ngày nay chúng ta có thể bật cười về một câu chuyện như thế. Nhưng câu chuyện này là để nói lên việc người ta đã quá dễ dàng gọt gọt phụng vụ vào những lời hầu như ma thuật, vào những câu thần chú đầy quyền năng, hoàn toàn tách khỏi thực tại cuộc sống. Trong

Thánh Lễ không có cái gì gọi là ma thuật hoặc máy móc hết. Để có ý nghĩa nào đó, phụng vụ Thánh Thể phải phản ánh được cuộc sống chúng ta, một cuộc sống chấp nhận Thiên Chúa là một thực tại siêu nhiên, trong Người chúng ta sống, hít thở và hiện hữu.

II- CHIỀU KÍCH CỘNG ĐOÀN CỦA THÁNH LỄ

Từ quan niệm về tiết nhật triều tập, chúng ta có thể đặt ra câu hỏi liệu bí tích của cộng đoàn có cử hành được hay không, khi mà cộng đoàn không hề được nhắc đến ? Nhiều người cảm thấy khó chịu khi thấy rằng trong nhà thờ, hình như không ai để ý đến sự có mặt của họ. Hình như có một biểu hiện hoàn toàn mâu thuẫn với những gì cuộc sống người Kitô hữu phải nhắm đến.

Chúng ta cần phải khẳng định rằng chiều kích cộng đoàn hay các Tiết Nhật Thánh Lễ đòi hỏi chúng ta phải có một cố gắng đầy ý thức, phải thực sự sống mỗi tình hiệp nhất mà chúng ta cử hành. Kitô giáo cần phải tác động trên cách chúng ta hiểu biết về chính mình. Hiểu biết giáo huấn trung tâm của Kitô giáo về tình yêu như thế nào là tùy vào cách hiểu đúng đắn bản chất đích thực của cộng đoàn Kitô hữu.

Phải công nhận đây là một đề xuất khá khó khăn, nhất là trong xã hội hiện đại. Nhiều hình ảnh liên quan đến cộng đoàn có vẻ như hoàn toàn xa lạ đối với chúng ta. Có lẽ lý tưởng về cộng đoàn có thể chỉ còn là một hoài niệm về thời vàng son nào đó, khi mà mọi sự đều rất đơn giản! Sự việc vẫn còn đó : chúng ta cần diễn tả bằng những ngôn từ có thể hiểu được ý tưởng về cộng đoàn vốn là ý tưởng căn bản đằng sau tiết nhật triều tập.

Các giáo xứ của chúng ta ngày nay thường là những cấu thể vô danh, cách nào đó phản ánh tính vô danh và khuynh hướng cá nhân chủ nghĩa trong xã hội. Có lẽ ta chỉ biết tên của một số nhỏ giáo dân trong giáo xứ. Ranh giới giáo xứ mập mờ, và ít người cảm thấy gắn bó với giáo xứ của họ! Và nghi thức nhập lễ có lẽ không cho ta cảm nhận được mình thuộc về một gia đình thực sự vốn rộng lớn hơn gia đình tự nhiên của mình.

Tuy nhiên, thực là một điều không bình thường nếu buổi họp mặt không phát huy được bất kỳ liên hệ nào giữa những người đang có mặt với nhau. Trong những ngày đầu của Giáo Hội tiên khởi, khi người Do Thái và kẻ ngoại đạo đông hơn các tín hữu, thì chắc chắn

rằng các tín hữu đã phát huy được mối liên hệ đó. Có lẽ cần phải có một cuộc hoán cải trong cách nhìn để có thể giúp chúng ta biết được chân tính Kitô hữu của mình như là một trách nhiệm chung đối với xã hội rộng lớn hơn mà chúng ta tùy thuộc. Hình như đây là việc mà Giáo Hội sơ khai đã cố gắng thực hiện trong lòng đế quốc Rôma.

Trong hai bài báo tựa đề “Thánh Lễ và Cộng Đoàn”, đăng trên tạp chí “Worship”, Jerome Murphy O’ Connor trình bày một nghiên cứu tỉ mỉ về cộng đoàn theo tư tưởng thánh Phaolô. Tác giả hai bài viết đó đã cho thấy chiều sâu và nét thực tiễn của tư tưởng thánh Phaolô. Chính cộng đoàn đem lại ơn cứu độ mà Đức Kitô tạo nên. Lời rao giảng của Đức Kitô đã không thể lọt đến tai con người của thế giới đương thời nếu không được cộng đoàn công bố lên. Vậy cộng đoàn trở thành sự tiếp nối bằng xương bằng thịt sứ vụ cứu độ của Đức Kitô.

Murphy O’ Connor cũng nêu lên được điểm quan trọng này là Phaolô xem Đức Giêsu như hiện thân của một nhân loại đích thực. Đức Kitô là tất cả những gì mà nhân loại ngay từ thuở ban sơ muốn đạt đến, một thực tại đã bị tội lỗi làm vẩn đục. Không giống như bản liệt kê các nét xấu của những người cùng thời với Ngài, khi Phaolô liệt kê những tội lỗi chính của nhân loại (gồm 40 tội xấu), thì tuyệt đại đa số nhân loại phạm cái tội chống lại tính xã hội. Phaolô xác tín rằng tội lỗi chế ngự nhân loại bằng cách chia thế giới ra thành từng mảng tách biệt, ở đó các mối tương giao chỉ đặt nền trên ích lợi của bản thân.

Trong thư thư nhất gửi tín hữu Côrintô chương 10, nói về việc tham dự Thánh Thể, Phaolô nhắc nhở chúng ta : “Khi nâng chén tạ ơn mà cảm tạ Thiên Chúa, há chẳng phải là dự phần vào Máu Đức Kitô đó ư ? Khi chúng ta bẻ bánh, chẳng phải là tham dự vào Thân Mình của Đức Kitô sao ?” (1Cr 10,16). Từ “dự phần” (participation) ở đây được dịch bởi từ “koinonia”, một ý niệm then chốt trong sách Tân Ước. Ví dụ, chúng ta cũng gặp lại từ này trong sách Công Vụ khi tóm tắt những gì mà cộng đoàn Kitô hữu nhắm đến.

Công Vụ 4,32 (cũng như 2,42 và tiếp theo) cho biết “cộng đoàn các người tin chỉ có một lòng một ý, và không ai coi bất cứ cái gì mình có là của riêng, nhưng tất cả đều là của chung.” Không có bóng dáng

nào là lòng đạo cá nhân ở đây hết. Họ thường tự xưng là “ekklesia của Thiên Chúa”, một cụm từ mà ngày nay chúng ta dịch ra là “Giáo Hội”. Điều này cho thấy một ý thức lạ thường về bản thân mình, qua ý thức này họ chấp nhận trách nhiệm làm trung gian cho quyền năng cứu rỗi của Đức Giêsu Kitô cho thế gian.

Việc làm trung gian này được thực hiện qua nhiều cách. Cách rõ ràng nhất có lẽ là việc tiêu trừ các rào cản xã hội. Thánh Phaolô đã khuyên nhủ tín hữu Galát rằng do Phép Rửa họ không còn là Do Thái hay Hy Lạp, nam hoặc nữ, nô lệ hay tự do. Họ có những liên hệ mới, thoát khỏi mọi phân biệt chia rẽ. Chung chung, Giáo Hội tiên khởi là một xã hội không giai cấp. Điều nổi bật nhất trong cộng đoàn Kitô hữu tiên khởi trong những thế kỷ đầu là khả năng của họ trong việc xóa bỏ mọi phân biệt giai cấp xã hội và kinh tế. Sự khác biệt về sắc dân làm cho con người tách biệt nhau. Lý lịch cá nhân thường rất khác biệt, tất cả những thứ đó đặt thành những giai cấp khác nhau trong cái thế giới chúng ta đang sống. Phụng vụ Thánh Thể đòi hỏi chúng ta phải hòa lẫn tất cả với nhau làm thành một Thân Mình Đức Kitô, bất kể mọi yếu tố phân rẽ. Việc con người từ mọi mức độ sống có thể ngồi chung bàn với nhau là một sự kiện chưa từng nghe thấy ở những thời xa xưa. Sự kiện này đã làm cho dân ngoại thân phục đến phải thốt ra : “Xem họ thương yêu nhau biết chừng nào !”

Trước Công đồng Vatican II, người ta ít khi nghĩ về Giáo Hội theo chiều hướng này. Chúng ta thường nghĩ về Giáo Hội như là một xã hội hoàn hảo nặng về cơ cấu và giáo điều. Tạ ơn Chúa, với Công Đồng này, yếu tố cơ cấu và giáo điều không còn được nhấn mạnh nữa, điều này hứa hẹn nhiều khả năng sẽ không còn một mẫu thống trị nào. Tuy nhiên chắc chắn rằng sẽ tồn tại kiểu mẫu mang tính Thánh Thể, nhất là kiểu mẫu của cộng đoàn các môn đệ. Khi quây quần bên bàn tiệc của Chúa, người ta có thể xác định lại căn tính chung của mình, và cùng nhau dần thân cho việc xây dựng triều đại mà Đức Giêsu đã sống và chết cho triều đại đó.

Ở đây, Phép Rửa đem lại cho chúng ta chân tính cơ bản. Gia nhập Kitô Giáo không giống như gia nhập một loại câu lạc bộ cứu rỗi nào đó. Đúng hơn, việc sát nhập vào gia đình Thiên Chúa là đón nhận một quốc tịch mới, với đòi hỏi của những tương quan mới với mỗi

người anh chị em khác trong Đức Kitô. Với ý nghĩa này, Kitô Giáo không đơn giản là một nhãn hiệu dính thêm vào lý lịch của một người là Việt Nam, Mỹ, Phi Luật Tân hay gì khác. Đó chính là cái xác định một ai đó như chính là bản vị của mình. Bản vị tính, theo nghĩa Kitô Giáo, chủ yếu là liên hệ tính.

Công Đồng Vatican II làm sáng tỏ ý tưởng chúng ta là một dân lữ khách. Tư tưởng này ít nhất ngụ ý rằng chúng ta chưa đạt đến cứu cánh hay vận mệnh của mình. Chúng ta vẫn còn đang trên đường, chưa đến đích. Nhưng chúng ta tay trong tay cùng nhau tiến bước trên con đường đó. Chúng ta không cần tìm sự trọn hảo nơi tất cả những người bạn đồng hành với mình. Cộng đoàn chúng ta không phải là nơi vắng bóng mọi trở ngại, mọi bất toàn và tội lỗi. Đó là qui luật. Một vị linh mục đã có câu đáp rất hay cho một người phát biểu rằng anh ta không muốn đến nhà thờ, vì nhà thờ toàn là những kẻ giả hình. Linh mục đó trả lời : “Đúng đấy, luôn luôn vẫn còn chỗ cho một tên giả hình nữa.”

Trong thời buổi đa dạng này, chúng ta không đòi hỏi nghi thức Nhập Lễ phải nói lên được tinh thần đồng nhất với tổng thể xã hội chúng ta đang sống. Nhưng ít nhất phụng vụ phải liên kết chúng ta chặt chẽ hơn trong việc phụng thờ của cộng đoàn. Phụng vụ cũng có thể giúp chúng ta biết chính bản thân mình hơn, như là những bản vị. Sức mạnh của phụng vụ có thể làm cho mỗi cá nhân chúng ta trở thành anh chị em của Đức Kitô.

Điều này được ứng dụng cụ thể như thế nào trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta ? Điều cần thiết đầu tiên là một cách xét mình mới. Hãy bắt đầu bằng cách không chỉ xét mình theo Mười Điều Răn. Ở đây không có ý nói là chúng ta không cần giữ Mười Điều Răn, nhưng là hãy bỏ đi ý tưởng cho rằng Mười Điều Răn tóm tắt toàn bộ đời sống Kitô hữu. Tại sao chúng ta không được dạy để lấy Tám Mối Phúc, hay là quang cảnh Ngày Phán Xét Chung trong Mt 25, 31-36, hay là Giới răn duy nhất “hãy yêu thương nhau” mà Chúa Giêsu ban cho chúng ta trong Ga13, 34-35 để làm chuẩn mực cho đời sống Kitô hữu của mình ? Tuy nhiên để phát triển một linh đạo về phụng vụ ở đây, chúng ta nên sử dụng những tiết nhip của Thánh Lễ như tài liệu này đang cố gắng thực hiện.

III – TÍNH CỘNG ĐOÀN VÀ TÌNH THÂN HỮU

Việc chăm chú đến tiết nhịp triệu tập nói lên điều gì ? Nó cho thấy việc thiếu tính duy nhất và cộng đoàn chẳng phải là từ nơi Chúa, và sự thiếu sót đó có thể không bao giờ đưa chúng ta trở về với tấm lòng của Đấng tạo thành chúng ta. Như thế, cần phải phát triển mối tương quan với nhau, nhất là với người nghèo và người bị áp bức. Đây là điều cần thiết và có thể được diễn tả bằng nhiều cách. Điều chúng ta đang nói đến ở đây là khả năng bẻ gãy bất cứ cái gì làm cho con người trở nên xa lạ đối với nhau, cũng như những gì phá vỡ tính cộng đoàn và tình thân hữu.

Nhiều người đã làm điều đó trong cuộc sống gia đình, cũng như đã có những nỗ lực để chữa lành vết thương, để vươn đến các bệnh nhân, để bắc những nhịp cầu và trở thành sứ giả hòa bình. Những nỗ lực đó chẳng phải dễ dàng mà có. Trước hết phải có sự đồng cảm đích thực. Chúng ta phải trở thành những người biết-hướng-đến-người-khác, để cho những nhu cầu và nỗi đau của họ chạm đến trái tim ta. Nếu không, ta sẽ chẳng mấy may lưu tâm tới đau người khác đang phải đổ máu. Khó khăn hơn nữa, chúng ta còn phải học biết tha thứ.

Đối với nhiều người, tha thứ là điều hết sức khó khăn, thế nhưng đó lại là điều Chúa Giêsu dạy ta phải làm cách vô giới hạn. Chúng ta phải tha thứ bảy mươi lần bảy (Mt 18, 22). Chúng ta còn phải yêu thương cả kẻ thù, và làm ơn cho những người thù ghét chúng ta (Mt 5, 44). Trong kinh Lạy Cha, chúng ta xin Chúa “tha nợ chúng con, như chúng con cũng tha kẻ có nợ chúng con”. Và chúng ta phải làm điều đó với tất cả sự chân thành, đến nỗi như Chúa Giêsu, ta có thể cầu xin Thiên Chúa tha thứ cho họ vì “họ không biết việc họ làm” (Lc 23, 34).

Chỉ đức tin mới có thể dẫn chúng ta đến lối nhìn này. Cứ dừng lại ở bề mặt và chỉ thấy nỗi đau riêng của mình đó là chuyện dễ. Chúng ta rất nhanh nhạy khi nhận diện tội lỗi của người khác. Chỉ cần chút tinh tế là đủ để nhận ra những yếu đuối và khiếm khuyết của kẻ khác, và tất cả chúng ta đều có sự tinh tế đó. Thế nhưng để nhìn sâu vào bên trong, để thấy được ánh lửa thần linh Thiên Chúa đặt trong lòng ta, để nhận ra Chúa Kitô nơi những chi thể bầm dập trong Thân Mình

Người, thì phải có một đức tin sống động mới có thể nhận thức được.

Điều chúng ta đang bàn ở đây là nỗ lực để làm cho những hoàn cảnh và con người trở nên toàn diện. Nghĩa là học xây dựng hơn là phá đổ. Trong cuộc sống hằng ngày, có nhiều cơ hội cho chúng ta làm được việc này, dù trong gia đình hay trong những quan hệ xã hội, nghề nghiệp. Tất cả những gì cần đến ở đây là có được sự nhạy bén với những cách thể trải rộng tình yêu Chúa Kitô, hơn là chỉ ngừng lại ở chỗ nghĩ rằng nếu ta thành công trong việc “tránh tội” thì coi như đã là Kitô hữu tốt rồi.

IV – TRÁCH NHIỆM LIÊN ĐỐI XÂY DỰNG THẾ GIỚI HOÀ GIẢI VÀ BÌNH AN

Thế rồi còn có vấn đề lớn hơn nữa, đó là trách nhiệm của chúng ta trong việc làm cho thế giới này trở thành một thế giới của hoà giải và bình an. Chúng ta cần có nhận thức sâu sắc hơn về nhiều cách sống, qua đó, bằng sự im lặng hay đồng lõa, chúng ta đã a tòng với việc khai thác tha nhân. Tội lỗi thường dễ bị nhận diện khi nó mang tính cá nhân và liên quan đến những chuyện đơn giản như trộm cắp, giết người hay ngoại tình. Thế nhưng ngày nay người ta khám phá ra rằng tội lỗi có thể vượt lên trên bình diện cá nhân, và gắn liền với chính những cơ cấu của thế giới chúng ta đang sống.

Những tội mang tính xã hội này xem ra mới mẻ đối với chúng ta. Chỉ gần đây thôi, chúng ta mới nghe nói đến những tội danh như kỳ thị giới tính, kỳ thị chủng tộc và bao nhiêu hình thức của tội định kiến. Chúng ta chỉ mới bắt đầu đối diện những vấn đề như tại sao người Mỹ, chỉ là một thiểu số dân cư của mặt đất, mà có thể cho mình quyền sử dụng hơn một nửa tài nguyên của hành tinh này ? Liệu cá nhân chúng ta không làm gì tổn hại người khác thì đã đủ chưa ? Đã đến lúc chúng ta phải làm một cái gì tích cực để khai trừ những điều xấu xa đó chưa ?

Chúng ta có thể lạnh lùng nói chúng ta không làm gì được. Nhưng đã có biết bao nhiêu gương mặt sáng lên trong thế giới này, chỉ vì họ là những người luôn trăn trở. Những gương mặt đó có thể phát xuất từ môi trường Giáo Hội, học đường, hoặc môi trường chính trị mọi cấp.

Dù chỉ viết các văn thư thông báo cho nhà hữu trách về mối bận tâm của mình, cũng còn hơn là khoanh tay không làm gì.

Chắc chắn các giáo xứ có thể trở thành những cộng đoàn tự chăm lo cho nhu cầu của mỗi thành viên. Tại sao chỉ các linh mục mới phải viếng thăm bệnh nhân, phải chăm sóc kẻ liệt, chào đón những người mới gia nhập giáo xứ, giải gỡ cho người bối rối, hướng dẫn học Kinh Thánh, trợ giúp người nghèo, đến bệnh viện thăm bệnh nhân, đến nhà dưỡng lão thăm người già yếu, và làm bất cứ điều gì nhu cầu giáo dân đòi hỏi ?

Giáo xứ phải là một đơn vị hữu cơ, trong đó mọi người tương quan với nhau qua việc thông chia một đời sống chung. Bằng cách chia sẻ trách nhiệm trong việc chăm sóc và quan tâm đến nhau, người giáo dân có thể giúp nhau trở thành những con người tự do như Chúa muốn, những con người được giải thoát khỏi tính ích kỷ mà chính nó đã sinh ra biết bao tội lỗi và xung khắc. Một nhóm người thực sự mặc lấy “tinh thần của Đức Kitô” (1 Cr 2, 16) và dần thân làm cho cộng đoàn của họ tốt lành hơn, là chứng tá hùng hồn về quyền năng Thánh Thần Chúa đang hoạt động giữa chúng ta.

Nếu có một điểm nào đó nói lên đặc tính sứ vụ của Đức Kitô đó chính là sự quan tâm của Người đối với người khác, nhất là những người lầm đường lạc lối. Không như các thầy tư tế khác, Đức Kitô không chỉ biết đặt cái bàn và ngồi đó chờ thiên hạ đến với mình. Đúng hơn, Người thấy có trách nhiệm phải bươn chải tìm đến với “con chiên lạc của nhà Israel” (Mt 10, 6). Vậy thì các chi thể của Người có thể làm điều gì khác hơn ?

Tại nhiều nước trong thế giới thứ ba, Giáo Hội đã có một chọn lựa ưu tiên cho người nghèo. Điều này làm cho bao nhiêu người lên tiếng công kích vì cho rằng Giáo Hội không có bổn phận phải chường mặt vào trong những đấu trường công khai. Có một thứ đạo đức chỉ biết cố gắng làm sao cho từng cá nhân có một tương quan đúng đắn với Thiên Chúa, nhưng rất ít quan tâm đến tương quan tốt mà họ phải có đối với nhau. Giáo Hội mà dính dấp vào các lãnh vực công bằng xã hội, thì bị chế diễu và bị gọi là Mác-Xít, bị kết án là đi xa đường hướng Phúc Âm. Dom Helder Camara có câu trả lời này : “Khi tôi cho người đói khổ ăn, thì mọi người cho tôi là thánh. Nhưng khi tôi

lên tiếng hỏi tại sao người nghèo không có cơm ăn, thì họ cho tôi là Mác-Xít.”

Chúng ta quan tâm đến người nghèo không chỉ vì Đức Giêsu đã sinh ra như một người nghèo khó, nhưng còn vì trong đời hoạt động, Người đã tự đồng hóa mình với người nghèo. Đức Giêsu liên tục bị người Pharisêu công kích vì đã mon men gần gũi với những người mà họ cho là ngoài lề xã hội, những người sống ngoài lề luật. Đức Giêsu đến với họ không phải vì thương hại họ, nhưng vì yêu mến họ. Họ là anh chị em của Người.

Thầy hỏi các môn sinh “Khi nào thì ánh sáng đủ để nhìn ?” – Một môn sinh trả lời : “Ánh sáng đủ để nhìn khi con có thể phân biệt được cây dừa với cây cau.” Thầy nói “Chưa đúng.” Môn sinh thứ hai tình nguyện đáp : “Con biết là có đủ ánh sáng khi con có thể phân biệt con ngựa với con bò.” – “Cũng sai” – Không còn ai có câu trả lời nào. Cuối cùng Thầy nói : “Ánh sáng đủ để nhìn khi tôi có thể nhìn thẳng vào một người và nhận ra người đó là anh em hoặc chị em của tôi.”

CHƯƠNG 4

TIẾT NHỊP KỂ CHUYỆN

“Ta đã vũ ngày Thứ Sáu, khi mặt trời sẫm đen...

Thật khó theo bước nhịp đều, khi quỹ dừ dề nặng trên vai.

Chúng chôn ta xuống mồ, tưởng đời ta đã hết,

Nhưng ta chính là điệu vũ, và vẫn đều chân bước.”

I- VAI TRÒ CỦA CHUYỆN KỂ TRONG CỘNG ĐOÀN

Một khi cộng đoàn tụ họp lại, đó là thời gian để kể những câu chuyện. Vì chính Lời Chúa mời gọi chúng ta quy tụ lại bên nhau và đồng hành với chúng ta như đèn soi bước chân ta. Chúng ta “là một dân của sách,” và đức tin chúng ta được biểu hiện trong Kinh Thánh. Đó là một đức tin đã bắt rễ trong hàng ngàn năm trước và vẫn luôn xác tín rằng Thiên Chúa đã chọn chúng ta làm dân của Người.

Mạc khải Kinh Thánh mà chúng ta có thể chia sẻ với nhau trong Thánh Lễ vượt lên trên cả lịch sử Thiên Chúa giao tiếp với một dân. Chủ yếu đó là mạc khải về Một Con Người. Khởi đầu tác giả thư gửi tín hữu Do Thái viết : “Thuở xưa, nhiều lần và nhiều cách, Thiên Chúa đã phán dạy cha ông chúng ta qua các ngôn sứ, nhưng vào thời sau hết này, Thiên Chúa đã phán dạy chúng ta qua Thánh Tử” (Dt 1,1-2). Chúng ta tụ họp lại để trầm mình vào, và được biến đổi bởi câu chuyện Đức Kitô.

Robert Bellah, trong cuốn “Habits of the Heart” (Thói quen của con tim) ghi nhận rằng, các cộng đoàn, trong nghĩa nào đó, được cấu thành do quá khứ của mình. Tác giả thêm, để đừng quên quá khứ đó, một cộng đoàn phải để hết tâm trí vào việc kể lại lịch sử của mình, kể lại câu chuyện thành lập cộng đoàn của mình. Trong khi làm như vậy, chúng ta nêu lên mẫu gương của những người đã biểu hiện và minh họa cho ý nghĩa của cộng đoàn. Những câu chuyện kể về lịch sử này và những mẫu gương cá nhân là một phần quan trọng của truyền thống, là trung tâm của bất cứ cộng đoàn nào.

Hiển nhiên là các chuyện kể của cộng đoàn Kitô hữu vượt lên trên những câu chuyện của một bộ lạc, một đất nước, hoặc bất kỳ một nhóm nào khác. Các chuyện kể của chúng ta chủ yếu là những câu chuyện được cất giữ trong Thánh Kinh. Chúng ta đều biết các trình thuật Thánh Kinh được Thiên Chúa linh hứng. Chúng ta có Thánh Kinh Do Thái (Cựu Ước), vì Đức Giêsu không bao giờ phủ nhận rằng lịch sử cứu độ bao gồm trong đó. Chính Thánh Kinh của người Do Thái đã giúp Đức Giêsu hình thành sự hiểu biết riêng của Người về Thiên Chúa Cứu Độ. Dĩ nhiên, đối với chúng ta, Tân Ước được nhấn mạnh hơn, vì Tân Ước là thành tựu của mạc khải Cựu Ước và là câu chuyện về chính Đức Giêsu.

Tân Ước còn đặc biệt quan trọng vì chứa đựng chính trọng tâm của “huyền thoại Kitô giáo”. “Huyền thoại” ở đây không có nghĩa là một chuyện thần tiên. Tuy nhiên, thuật ngữ này là một yếu tố quan trọng vì nói lên được sự kiện là có một số câu chuyện là trung tâm để nhóm tự hiểu mình hơn các nhóm khác. Rõ ràng chính vì tầm quan trọng đó cho nên các chuyện kể trở thành trục quay của cộng đoàn và xác định lý do sống còn của họ.

Mỗi nhóm tôn giáo đều có một huyền thoại cơ bản của mình để làm nổi bật nền thần học, việc thờ phượng và lối sống cụ thể. Ví dụ như huyền thoại tâm điểm của thời hậu Thánh Kinh Do Thái là Giao Ước của Môisê. Mọi trình thuật khác trong Kinh Thánh đều được kể trong tương quan với biến cố cơ bản này, vì chính biến cố cơ bản đó đem lại ý nghĩa cho toàn bộ Cựu Ước.

Đối với các Kitô hữu cũng thế. Trình thuật về cuộc tử nạn, phục sinh và lên trời của Đức Kitô là nền móng mà trên đó tất cả những điều khác được xây dựng. Thánh Phaolô nhắc nhở các tín hữu Côrintô : “Tôi đã truyền lại cho anh em điều mà chính tôi đã nhận lãnh, đó là : Đức Kitô đã chết vì tội chúng ta, rồi Người đã được mai táng, và ngày thứ ba đã chỗi dậy, đúng như lời Thánh Kinh” (1 Cr 15, 3-4).

Gán cho cuộc tử nạn, phục sinh và lên trời của Đức Kitô một giá trị thần thiêng không có nghĩa là loại bỏ yếu tố thực tại lịch sử. Trái lại, việc chúng ta đòi hỏi các yếu tố đích xác về lịch sử, làm cho yếu tố thần thiêng sát cận hơn với kinh nghiệm sống hằng ngày của chúng ta. Robert Bellah cho thấy rằng ký ức nổi kết chúng ta lại với quá

khứ thì cũng hướng chúng ta đến tương lai như những cộng đoàn của niềm hy vọng. Robert Bellah nói : “Những ký ức đó chuyển tải một bối cảnh ý nghĩa, cho phép nối kết tâm tư nguyện vọng của chúng ta, và của những người gần gũi nhất của mình, với tâm tư nguyện vọng của một tổng thể rộng lớn hơn, và một phần nào làm cho các nỗ lực hiện nay của chúng ta là những đóng góp cho lợi ích chung.”

Tập trung vào cuộc tử nạn, phục sinh và lên trời không làm giảm bớt giá trị của phần còn lại trong Thánh Kinh. Mọi điều trong Thánh Kinh giúp chúng ta cảm nhận đầy đủ hơn về huyền thoại chính yếu đang qui tụ tất cả. Điều quan trọng là phải hiểu đầy đủ hơn những giá trị khác nhau đang bao quanh và làm phong phú huyền thoại của chúng ta. Chúng ta luôn có nhu cầu cảm nhận ngày càng ý nghĩa hơn việc chúng ta là thành viên của cùng một cộng đoàn tôn giáo. Đó là Tin Mừng!

II- CHUYỆN KỂ VỀ TIN MỪNG PHỤC SINH

Nếu chúng ta nói về ơn cứu rỗi chỉ trong khuôn khổ của những sự đau đớn và cái chết của Đức Giêsu, thì trình thuật xem ra không mấy hứng khởi. Nhiều tín hữu đầu tiên đã bị ngã lòng vì điều này, đến nỗi có người đã quyết định bỏ cộng đoàn mà về nhà. Về nhà, họ có thể gặm nhấm những mảnh vụn tan tác của đời mình. Ý nghĩ về “những gì đã xảy ra tại Giêrusalem trong những ngày vừa qua” đã làm họ nản lòng và làm tiêu tan hết mọi hy vọng của họ. Đối với họ thì đây là tin buồn.

Tin buồn vẫn mãi là tin buồn nếu như không có việc phục sinh. Nếu như Đức Giêsu bị rơi từ trên mái nhà và chết đi, hoặc bị chết vì tai nạn giao thông thì đó cũng chỉ là một thảm kịch. Tuy nhiên, cái chết của Đức Giêsu không phải là một tai nạn. Đó là hệ lụy của những chọn lựa và mạo hiểm mà Người đã dẫn thân vào. Từ bỏ mình để thi hành ý Cha, đã trở nên cái giá của lòng trung tín với sứ mệnh và ơn gọi của Người.

Cái chết của Đức Kitô cũng là cao điểm của cả một đời phục vụ. Trong các sách Tin Mừng, chúng ta thấy Đức Giêsu đã làm cho các ký lục và người biệt phái tức giận khi Người dong duỗi đi tìm “những con chiên lạc của nhà Israel.” Người liên tục bị lên án vì đã ăn uống với những người tội lỗi, những quân thu thuế. Làm như thế

cũng chỉ vì Người đã quá quan tâm đến những người nghèo, những người bị áp bức, và Người muốn chết để cứu họ. Không ai có tình yêu lớn hơn tình yêu của Đức Kitô. Đó là Tin Mừng cho chúng ta.

Khi nói đây là “huyền thoại tâm điểm” của chúng ta, điều này có ý muốn nói đây là mẫu mực của mọi lối sống của người Kitô hữu. Ai trong chúng ta đã được Đức Kitô đụng chạm đến, đều cần phải có những thái độ, những dần thân và lựa chọn như Người. Và chúng ta có thể chọn lựa những điều này vì biết rằng làm như thế đem lại cho chúng ta sự sống, cho chúng ta một cái nhìn về dân được quy tụ và được Đức Kitô nuôi dưỡng. Điều này rất quan trọng, vì nếu làm mất ý nghĩa huyền thoại cơ bản của chúng ta, thì mọi nghi thức trở thành trò ảo thuật.

III- VAI TRÒ CỦA LỜI CHÚA TRONG THÁNH LỄ

Trong chương trước chúng ta có nói về câu chuyện một linh mục đã hồi tục đọc lời truyền phép trên chiếc xe chở bánh mì, và những vấn đề thần học nảy sinh từ việc đó. Một trong những điểm có thể được nói tới trong trường hợp này, đó là rõ ràng đã không có việc công bố Lời Chúa khi sự việc xảy ra. Do đó không có một chủ ý đích thực muốn đặt những lời truyền phép vào trong huyền thoại làm nền tảng cho nghi thức của chúng ta. Thiếu điều này mà cho rằng chỉ cần những lời truyền phép kia là có thể làm cho Chúa Kitô hiện diện trong Thánh Thể thì hóa ra là đã cho những âm thanh rỗng tuếch đó một giá trị độc lập. Làm như thế chắc chắn biến phụng vụ thành trò ảo thuật, một trò bịp bợm.

Chỉ riêng sự việc này cũng giúp ta nhận định được vị trí quan trọng của Lời Chúa trong việc cử hành phụng vụ. Tự nó, nghi thức không thể có sự sống độc lập nếu không có Lời Chúa. Điều này cũng nói lên quyền năng của Lời Chúa. Về mặt tâm lý cũng như thần học, hoàn toàn giống như sự kiện chúng ta đọc thấy trong câu chuyện hai môn đệ trên đường Emmau. Họ đã có thể nhận ra Chúa Phục Sinh khi Người bẻ bánh chỉ sau khi tâm hồn họ rực cháy nhờ việc giải thích Thánh Kinh xảy ra trước đó.

Trong trường hợp này, việc công bố Lời Chúa là một thực tại có năng lực giúp chúng ta mở lòng trí, và giúp chúng ta trở nên thành viên của cộng đồng tưởng niệm cũng như cộng đồng hy vọng trong

thế giới hôm nay. Trên dặm đường bôn ba kiếm tìm ý nghĩa cuộc đời, chúng ta có thể tìm ra ý nghĩa đó trong việc bẻ bánh, vì qua sự kiện này ta nhận chân rằng sự sống thực sự chỉ tìm thấy được khi trao ban chính mình cho người khác.

Như vậy, vừa khi cộng đoàn tụ tập, chúng ta một lần nữa kể lại câu chuyện cứu độ. Và nếu chính cộng đoàn biểu lộ sự hiện diện của Đức Kitô, thì Người cũng được tỏ hiện cách đích thực trong việc công bố Lời Chúa. Đây là một sự hiện diện mà chúng ta bỏ quên từ lâu nay.

Từ sau Công Đồng Vatican II, chúng ta bắt đầu hiểu Thánh Lễ được chia làm hai phần chính : Phụng vụ Lời Chúa và Phụng vụ Thánh Thể. Cả hai phần đều thiết yếu trong việc cử hành Thánh Thể. Ai cũng thấy điều này rất dễ hiểu, nhưng trong quá khứ không phải rõ ràng như thế. Trong nhiều thế kỷ, chúng ta đã không mang lại cho Thánh Kinh tầm quan trọng tương xứng. Từ thời phục hưng, vì phía Tin Lành nhấn mạnh đến Lời thì ta nhấn mạnh trên Bí Tích. Cứ thế cả hai bên đều trở nên nghèo nàn, cần cỗi.

Trước Công Đồng Vatican II, chúng ta thường nói đến “những phần quan trọng” của Thánh Lễ. Nhưng khía cạnh luật được nhấn mạnh, có nghĩa là, không ai có thể bỏ một trong những phần đó mà không mắc tội. Phụng vụ Lời Chúa không được sát nhập vào trong những phần quan trọng này. Bây giờ thì chúng ta phải công nhận rằng những cách thức cử hành phụng vụ Lời như ngày nay, không có vẻ gì buộc người giáo dân phải tham dự bằng không thì mắc tội. Tuy nhiên, phần Phụng vụ Lời Chúa trong Thánh Lễ cũng quan trọng không kém phần phụng vụ Thánh Thể.

Để giúp chúng ta ý thức tầm quan trọng của Kinh Thánh hơn, việc canh tân phụng vụ xảy ra sau Công Đồng Vatican đã quyết định sử dụng ba bài đọc trong ngày Chúa Nhật và lễ trọng thay vì chỉ hai, và chu kỳ phụng vụ là ba năm thay vì chỉ một năm như trước kia. Tất cả mục đích của việc canh tân này nhằm cung cấp cho cộng đoàn dân Chúa bàn tiệc Lời phong phú hơn. Để chúng ta có thể đem về nhà và sống Lời Chúa, bài giảng cũng cần phải có trong mọi cộng đoàn cử hành Thánh Lễ.

Buồn thay, chỉ từ khi có Công Đồng Vatican chúng ta mới thấy Giáo luật buộc phải thuyết giảng trong tất cả thánh lễ Chúa Nhật. Trước

đó, việc thuyết giảng chỉ khuyên nên làm chứ không bắt buộc. Hội Thánh bây giờ đã nhìn nhận rằng Lời Chúa cần phải được giải thích để ý nghĩa được sáng tỏ hơn cho ngày hôm nay. Khác với bài giảng dạy đơn thuần, bài giảng lễ Chúa Nhật không chỉ là một sự thuyết trình có tính nghiên cứu về ý nghĩa của Kinh Thánh vào thời điểm Kinh Thánh được viết ra. Đứng hơn, bài giảng cố gắng làm cho cộng đoàn đối diện với ý nghĩa của Lời Chúa cho ngày hôm nay, bất luận chúng ta ở trong trạng huống nào. Nếu Đức Giêsu có mặt trong những buổi công bố Lời của chúng ta, chắc hẳn Người chỉ dùng thì hiện tại khi nói với chúng ta. Vì không muốn đi cho đến cùng lô-gích nói trên, cho nên đối với các bài giảng lễ ngày thường, Giáo luật chỉ khuyên nên làm chứ không bó buộc. Sự kiện này cho thấy là ở một mức độ thực hành, chúng ta vẫn chưa nhận thức được tầm mức hết sức quan trọng của việc giảng Lời Chúa. Tuy nhiên, nếu cứ tiếp tục giảm thiểu các bài giảng, ta chỉ làm cho Phụng Vụ nghèo nàn hơn. Lời Thiên Chúa chưa thực sự được công bố, bao lâu Lời ấy chưa trở thành hiện thực cho ngày hôm nay.

Phụng vụ Lời, trong nghĩa nào đó, là cuộc đối thoại giữa Thiên Chúa và chúng ta. Mọi chi tiết trong phụng vụ đều xây dựng trên bài Tin Mừng và hướng về bài Tin Mừng. Với chu kỳ ba năm mà hiện giờ đang có, chúng ta có cơ hội để tập trung vào bức chân dung của Đức Kitô được mỗi tác giả Tin Mừng Nhất Lãm thay phiên nhau trình bày mỗi năm với Matthêu, Marcô và Luca. Các bài đọc ít nhiều liên tục đưa ta vào sâu trong đời sống công khai của Đức Giêsu với phụng vụ các ngày Chúa Nhật thường niên.

Trước hết chúng ta nghe một bài đọc từ Cựu Ước. Bài đọc này luôn được lựa chọn để có liên hệ với bài Tin Mừng. Các bài đọc II từ Tân Ước có hơi phiền phức một chút. Các bài đọc này như tự đi theo con đường riêng của mình, và đôi khi xem ra ít liên hệ với chủ đề chung của bài Tin Mừng. Chúng ta cần phải chấp nhận như thế như là nguyên liệu để chúng ta sống và suy niệm trong suốt một tuần.

Sau các bài đọc, có một thời gian tĩnh lặng suy niệm. Đây là lúc chúng ta có thể bắt đầu nhận thức Chúa đang nói gì với ta hôm đó. Những khoảnh khắc tĩnh lặng đó rất quý báu, không được phép biến nó thành những lúc để chia trí lo ra. Bài đọc I luôn có bài thánh vịnh

đáp ca tiếp theo để giúp chúng ta tập trung cho sự đáp trả Lời Chúa. Chúa nói và chúng ta đáp lại.

Câu tung hô Aleluia đi trước bài Tin Mừng, và đôi khi có hương nến đi theo, là để giúp chúng ta nhớ rằng mục đích của Tin Mừng còn đi xa hơn việc những thông tin hiểu biết được nhét đầy vào đầu chúng ta. Khoảnh khắc đó được dành cho giác quan và tâm hồn ta cảm nhận để chúng ta có thể được đẩy đi theo tiếng rên khôn tả của Thần Khí.

Dĩ nhiên, chính bài thuyết giảng cố gắng liên kết toàn bộ phụng vụ Lời Chúa lại với nhau cho lợi ích của cộng đoàn. Chúc năng của bài thuyết giảng chính là làm cho Đức Giêsu hiện diện trong ý thức – đức tin của cộng đoàn. Và cũng như Phụng vụ đề cập mọi tình huống trong mọi lúc mọi thời, từ việc ca khen Thiên Chúa vì những kỳ công tạo dựng, đến cảm tạ về công trình Cứu Rỗi trong Đức Kitô, và cầu xin Chúa Thánh Thần biến đổi chúng ta trở nên Thân Mình của Đức Kitô, thì bài giảng cũng làm như thế khi đề cập đến quá khứ, hiện tại và tương lai.

IV – CÁCH THỨC CÔNG BỐ LỜI CHÚA

Các sách Tin Mừng nói về các hoạt động quá khứ của Đức Giêsu. Chúng ta nghe những trình thuật đó nhưng luôn với ý thức rằng, một cách nào đó, câu chuyện của Người cũng liên quan đến câu chuyện của chúng ta ở đây và bây giờ. Chúng ta mãi mãi là những đối tượng của tình yêu và sự quan tâm của Người. Với thách đố làm cho thái độ, lý tưởng, ý nghĩa của sứ điệp và lời mời gọi của Người được nhập thể một lần nữa, Chúa Giêsu trở nên hiện diện một cách sâu đậm trong tâm trí chúng ta. Người không còn là một ký ức xa vời, vì chúng ta biết rằng các hoạt động cứu rỗi của Người trong quá khứ vẫn đang hiện thực trong ngày hôm nay.

Hơn nữa chúng ta được triệu tập nơi bàn ăn mà chính Đức Kitô là chủ tiệc. Chúng ta chia sẻ nơi bàn ăn của Người với tư cách là thành viên của gia đình Người. Trong ý nghĩa này, với tư cách là Đấng Phục Sinh thì Chúa Giêsu là thành tố của dự án tạo dựng lớn hơn nữa của Thiên Chúa, một dự án vẫn còn đang chờ được tỏ hiện. Chính Chúa Giêsu đem lại ý nghĩa cho dự án này cũng như cho việc tham dự của chúng ta vào trong đó. Chỉ trong Đức Kitô mà chúng ta đang được cứu độ ngay cả khi chúng ta lắng tai nghe Lời Ngài.

Bài thuyết giảng cũng hướng về tương lai. Chúng ta biết rằng Triều Đại của Chúa vẫn chưa đến, và tất cả tạo vật vẫn còn đang rên siết chờ sự viên mãn của công trình cứu chuộc tỏ hiện. Cộng đoàn Thánh Thể tự mình là tiêu vũ trụ của bàn tiệc thiên quốc. Như chúng ta vẫn hát trong thánh lễ sau lời Truyền Phép : Chúa Kitô sẽ trở lại. Sự bảo đảm đó là quà tặng của Thánh Thần, là bảo chứng của vinh quang tương lai.

Việc đáng buồn là nhiều cử hành Thánh Thể vẫn chưa làm cho chúng ta đối diện được với Đức Kitô. Ý nghĩa về sự hiệp thông với Chúa phục sinh ít khi được nổi bật trong các cử hành phụng vụ. Vậy cần phải làm gì để câu chuyện của chúng ta có đủ lực thúc bách ?

Martin Buber kể đi kể lại câu chuyện về ông nội của mình, một người bị bại liệt. Là người thuộc phong trào mộ đạo Do Thái, ông cụ rất ngưỡng mộ Baal Shem Tov là vị sáng lập phong trào này. Baal Shem Tov có một cách cầu nguyện xuất thần, trong đó ông có thể nhảy múa trong khi hứng khởi vui mừng. Ngày kia có người xin ông nội của Martin Buber diễn tả việc cầu nguyện đó xảy ra như thế nào. Khi ký ức của ông cụ trở nên càng ngày càng sống động thì sinh khí của ông bắt đầu gia tăng. Ngay sau đó, ông cụ rời chiếc xe lăn, đứng dậy để minh họa những gì ông đang kể. Ông cụ đã hết bại liệt. Một câu chuyện hay phải được thuật lại như thế đó.

Tôi đã từng biết một người có cách đọc các bài đọc trong Thánh lễ rất tuyệt vời. Vốn có được chất giọng trầm ấm truyền cảm, anh cũng là một xướng ngôn viên được huấn luyện trong nghề, một giáo sư môn diễn thuyết ở đại học. Người ta luôn cảm thấy thích thú khi nghe anh đọc sách thánh. Có lần tôi nói với anh rằng tôi rất ưa nghe giọng đọc của anh, tuy nhiên tôi thấy rằng dường như khi đọc bài đọc thứ hai trong Thánh Lễ, anh luôn luôn đọc hay hơn. Tại sao vậy ?

Anh ta bẽn lẽn mỉm cười và nói : “Có lẽ vì tôi rất thích thánh Phaolô.” Thì ra chẳng những anh rất hâm mộ thánh Phaolô, mà còn có cả đầy đủ bộ chú giải các thư thánh Phaolô. Anh ta không bao giờ đứng lên công bố Lời Chúa, mà không đọc trước phần chú giải và cầu nguyện trên những bài đọc. Anh ta đã trình bày thánh Phaolô từ trong sâu thẳm nội tâm mình.

Những người đọc sách thánh là các thừa tác viên Lời Chúa của cộng đoàn. Do đó nên chọn những người có đặc sủng về truyền thông. Việc lựa chọn bất cứ ai, dù tốt hay xấu, dù có chuẩn bị trước hay không, là coi thường Lời Chúa. Nhất là nếu tiêu chuẩn lựa chọn người công bố Lời Chúa lại dựa trên những người có chức có quyền, có vai vế trong giáo xứ, hay là những người hay tài trợ hay rộng tay đóng góp cho cộng đoàn thì coi chừng biến việc thiêng thánh đó thành hình thức mua danh, đáp lễ ! Cũng khó mà xác tín đó là “Lời Chúa” khi chúng ta đọc từ một tờ giấy hoặc từ một cuốn sách lễ nhỏ xíu.

V - ĐẶC TÍNH HIỆU NĂNG CỦA VIỆC KỂ CHUYỆN

Bên cạnh những nhận xét tỉ mỉ đó, John Shea đã cố gắng phân tích ba đặc tính đầy hiệu năng của việc kể chuyện.

- Đặc tính thứ nhất rất đơn giản, đó là kể đi kể lại. Việc này không bao giờ nhàm chán. Chúng ta chỉ cần lấy kinh nghiệm mà chúng ta đều có nơi các trẻ nhỏ. Chúng luôn vui sướng nghe đi nghe lại những câu chuyện chúng ưa thích. Nếu bất cứ ai dám bỏ đi một trang hay thay đổi một đoạn, chúng sẽ la toáng lên là người đó đã thay đổi câu chuyện. Đối với chúng điều đó luôn luôn không thể chấp nhận được. Những câu chuyện hay cần phải được kể đi kể lại càng nhiều lần càng tốt.

Đó là lý do vì sao chúng ta nhớ được hầu hết các sách Tin Mừng, là nhờ những câu chuyện của Đức Giêsu. Giáo dân rất quen thuộc với câu chuyện người con hoang đàng (hoặc người cha phung phí!), người Samari nhân hậu, và nhiều mẩu chuyện khác, dù họ có thể không quen lắm với nhiều giáo huấn khác chứa đựng trong Tin Mừng. Thực khó mà quên một câu chuyện hay.

- Đặc tính thứ hai là hình thức kể chuyện làm lan tỏa ra thái độ và quan điểm về màu nhiệm của sức sống trong cộng đoàn. Các câu chuyện hay luôn mở ra những lối giải thích sâu xa hơn, đụng chạm đến cốt lõi con người chúng ta. Càng nghe những chuyện kể đó, chúng ta càng khám phá ra được những ý nghĩa thâm sâu. Các chuyện kể đó bắt chộp chúng ta trong nhiều cách thức khác nhau và mới mẻ.

- Đặc tính sau cùng là ngoài việc giúp chúng ta suy tư về mầu nhiệm của sự sống, tạo nên niềm xác tín và thái độ kiên vững, câu chuyện kể hay còn đem lại một sự nhạy bén luân lý nào đó trước những giá trị Tin Mừng. Điều này thường đưa đến một cuộc chiến đấu luân lý đạo đức khi chúng ta đối chiếu cuộc sống của mình với những lý tưởng nổi cộm trong chuyện kể, hoặc đối chiếu giá trị trong chuyện kể với những giá trị của xã hội chúng ta sống. Việc này sẽ được đề cập đến đầy đủ hơn khi chúng ta tiếp tục theo dõi những tiết tấu mang tính tiên tri trong Thánh Lễ.

Vậy yêu cầu của phụng vụ không chỉ là làm cho Lời Chúa được công bố, nhưng phải làm sao cho tất cả những người có mặt phải dính dấp, phải liên đới với Lời. Làm sao đạt yêu cầu này? Chúng ta phải thực hiện những bước cần thiết sau đây :

- Bước đầu tiên là phải nhận thức thức rằng Chúa Giêsu được tỏ hiện cho chúng ta qua việc công bố Lời. Nếu không có một quan tâm, một xác tín về điều này, chúng ta có thể coi phụng vụ Lời như một nghi thức phải có (và đôi khi nhằm chán), trước khi đi vào phần chính thức là hiệp lễ. Lời Chúa phải được quan tâm cách đặc biệt vì Lời có thể biểu hiện Chúa Giêsu cho chúng ta.

- Kế tiếp là chúng ta phải lắng nghe Lời Chúa cách tích cực. Có nghĩa là chúng ta phải để cho Lời Chúa thách đố chuyện đời riêng tư của mình. Chúng ta truy tìm sứ điệp Chúa gửi đến cho ta qua những bài đọc khác nhau. Chúng ta bắt đầu tìm hiểu những bài đọc, nối kết với những đoạn Kinh Thánh khác, để cảm nhận tính thời sự của những đoạn Kinh Thánh đó ngày hôm nay. Lời Chúa đem lại một sứ điệp về cuộc sống và niềm hy vọng cho con người trong một không gian và thời gian cụ thể. Lời Chúa thách đố từng cộng đoàn trung tín với đường lối riêng của mình.

- Sau cùng, mỗi người chúng ta phải lãnh nhận trách nhiệm cá nhân với chuyện kể. Thực ra, Lời Chúa đụng chạm đến mỗi cá nhân chúng ta trong khuôn khổ cộng đoàn. Chúng ta chỉ có thể bổ sung cho sức sống của cộng đoàn Kitô hữu của mình khi bắt đầu đáp trả nghiêm túc những đòi hỏi của Tin Mừng,

Đó là điều chúng ta có thể thực hiện được dù có cảm thấy thỏa mãn hay không trong việc công bố Lời Chúa trong nhà thờ. Đầu cần phải

than vãn kê ca nếu bài giảng dường như không thích hợp hoặc không được chuẩn bị chu đáo. Nếu đã chuẩn bị những bài đọc trước khi đến tham dự phụng vụ, thì chúng ta sẽ ở trong tư thế vật lộn với các bài đọc, sẽ tự hỏi các bài đọc thách đố chúng ta cụ thể về điều gì? Chúng ta sẽ rao giảng nội dung các bài đọc đó lại như thế nào? Tại sao? Biết đặt những câu hỏi như thế, chúng ta sẽ thấy một khác biệt rõ ràng giữa một sự tham dự nhàm chán và một sự tham dự đầy ý nghĩa.

Tiết nhịp chuyện kể là một trong những động tác nhận chìm con người chúng ta trong biển cố Đức Kitô. Tiết nhịp này có thể giúp chúng ta cảm nhận được cuộc tử nạn và Phục Sinh của Đức Kitô như là một Tin Mừng. Vì ngôi mộ đã không thể giữ Đức Kitô được lâu, và vũ điệu vẫn là của Người đồng thời cũng có thể là của chúng ta.

CHƯƠNG 6

VỚI TÂM TRÍ MỞ RỘNG : Ở TRONG SỰ THẬT

“Và trong vũ điệu ngày đại lễ,
mọi người sẽ cất tiếng hát:
Nơi Ta cư ngụ là trong tâm hồn các người”
(Tv. 87,7)

I – TÂM QUAN TRỌNG CỦA LỜI CHÚA

Nhấn mạnh rằng chúng ta phải là một cộng đoàn được thành lập bởi Lời Chúa có thể làm cho một số người lấy làm lạ. Kinh Thánh là một nhân tố quan trọng đối với Kitô Giáo. Tuy nhiên, mãi cho đến thời gian gần đây, lòng đạo của người Công Giáo chỉ được nuôi dưỡng bởi các Bí Tích và những việc đạo đức như tuần cửu nhật, lần hạt mân côi, đi dâng thánh giá, kinh nguyện cá nhân... Cả ngàn năm qua, chúng ta đã không đặt trọng tâm nhiều trên Lời Chúa. Ngay cả trong thế kỷ XX, người ta cũng không thể thừa nhận một cách tự nhiên rằng mỗi gia đình Công Giáo đều có một cuốn Kinh Thánh. Ít nhất cho đến Công Đồng Vatican II, dường như người ta vẫn quan niệm Kinh Thánh là sách của Tin Lành. Vì sợ có những thái quá trong việc hiểu Kinh Thánh cách cá nhân, nên chúng ta có khuynh hướng để việc đó cho hàng giáo sĩ, và chỉ tin và hành động như được dạy.

Rồi bây giờ chúng ta được dạy rằng đức tin và lòng đạo đức phải đặt căn bản trên Lời Chúa. Mỗi nghi thức Bí Tích đều được canh tân lại để có phần phụng vụ Lời Chúa trong đó. Có rất nhiều chọn lựa trong những bài đọc khác nhau, và có thể chọn những bài đọc khác xem ra phù hợp hơn. Cho dầu điều này có lẽ chẳng có gì mới về mặt thần học, nhưng từ quan điểm thực hành thì tiêu biểu cho một sự thay đổi lớn.

Giờ đây, Công Đồng và Đức Thánh Cha dạy rằng Kinh Thánh chẳng những rất quan trọng đối với chúng ta, mà ngay trong việc công bố Lời Chúa còn có sự hiện diện đích thực của Đức Kitô. Dù sự hiện

diện đó có khác, nhưng cũng đích thực như sự hiện diện của Đức Giêsu trong Thánh Thể. Khi hai môn đệ trên đường Emmaus kêu lên : “Đọc đường, khi Người nói chuyện và giải thích Kinh Thánh cho chúng ta, lòng chúng ta đã chẳng bùng cháy lên sao ?” (Lc 4, 32), điều này ngụ ý rằng họ sẽ không thấy tâm hồn bùng cháy lên, nếu họ đã không nhận ra Đức Giêsu khi Người bẻ bánh. Không nên giới hạn những cách thức Chúa dùng để tỏ hiện ra cho chúng ta, vì như vậy có thể làm cho ta mất khả năng nhận ra Chúa.

Trở lại câu chuyện hai môn đệ trên đường Emmaus, chúng ta có thể khám phá ra ở đó một khuôn mẫu quen thuộc. Câu chuyện bắt đầu cũng giống như hầu hết các câu chuyện thật khác, với việc người ta phân đầu để tìm ra ý nghĩa của cuộc sống. Điểm khởi đầu là những câu hỏi “tại sao” về cuộc sống con người. Khó mà có những giải đáp rõ ràng trước những câu hỏi như thế, mặc dầu thực tế là chúng ta đã phải rất nhiều lần vật lộn với mâu nhiệm đau khổ và sự chết, hoặc với những hoàn cảnh mà dường như sự dữ đã chiến thắng.

Tại sao một đứa trẻ thành linh bị chứng bệnh tê liệt ngay lúc mới lọt lòng mẹ ? Tại sao một người mẹ thân yêu phải bao nhiêu năm quần quai đau đớn vì bệnh ung thư trước khi thực sự bị cái chết đánh gục ? Tại sao có những người đã bị tước đoạt mất phương tiện để có thể chăm sóc cho gia đình mình vì những quyết định không có tình người ? Tại sao Thiên Chúa cứ để cho sự dữ và tội ác tung hoành mà hình như không có một biện pháp trừng trị ? Tại sao ? Chính những câu hỏi “tại sao” về cuộc sống đó đem lại mục đích và hướng đi cho chính cuộc sống.

Vấn đề mà hai môn đệ trên hành trình Emmaus đang cố gắng tìm câu giải đáp minh họa rõ điều này. Tại sao Đức Giêsu đã phải chịu đau khổ và phải chết khi mà vương quốc của Người xem ra như sắp được thiết lập ? Tại sao kẻ thù của Người lại có thể nhảy bổ vào Người cách tàn nhẫn như thế ? Cuộc sống của họ giờ đây có ý nghĩa gì khi mà mọi nguồn hy vọng đã tiêu tan ? Tại sao và tại sao ?

Khi bắt đầu cuộc hành trình, họ đã không sao tìm được giải đáp cho những câu hỏi này. Vì thế họ đành bó tay ! Khi rời cộng đoàn Kitô hữu ở Giêrusalem, họ thực sự bế tắc vì không sao tìm ra được một ý nghĩa nào từ những sự kiện vừa xảy ra. Họ chán nản ngã lòng đến

nổi không nhận ra ngay cả người mà họ đang than khóc chính là người đang thấp tùng họ trong cuộc hành trình.

Vì thế Đức Giêsu đã cố dẫn họ đến với những suy tư sâu sắc hơn. Chúng ta lưu ý rằng những suy tư của họ đã được tỏ bày ra chung với nhau. Cuộc đời dễ hiểu hơn, dễ giải quyết hơn khi chúng ta có thể chia sẻ những nỗi bận tâm và vấn đề của mình với những người cùng cảnh ngộ. Khi một mảnh đời bị tan vỡ, chúng ta cần phải có một tổng hợp mới về cuộc đời. Vì vậy mới cần phải suy tư. Đối với người Kitô hữu, Kinh Thánh cung cấp chìa khóa cho những suy tư này. Vì vậy Đức Giêsu hướng dẫn họ cố gắng hiểu những gì đang xảy ra bằng cách “mở Kinh Thánh” cho họ.

Điều này giúp họ chẳng những hiểu được những gì đã xảy ra và hiểu sâu sát hơn thực tại cuộc sống của họ, mà còn làm cho họ có thể hành động như những người Kitô hữu. Khi đã đến làng Emmaus, họ không quay lại chính mình để than khóc số phận một lần nữa, nhưng với lòng hiếu khách, họ đã mời người khách lạ ở lại chia sẻ nơi ăn chốn ở với họ. Thực hành bác ái yêu thương vẫn luôn là trọng tâm của Tin Mừng, là chính bản chất của Kitô giáo. Thánh Gioan đã có thể tóm kết những gì Đức Giêsu muốn chúng ta làm với lệnh truyền đơn giản này : “Anh em hãy yêu thương nhau như Thầy đã yêu thương anh em” (Ga 13, 34).

Trình thuật kết thúc với việc hai môn đệ nhận ra Đức Giêsu khi Người bẻ bánh. Khám phá này giúp họ quay về Giêrusalem nhận lấy cuộc sống mà họ đã bỏ lại đó. Trước đây họ đã bị cám dỗ từ bỏ ơn gọi làm Kitô hữu, thì nay họ lại quay về sát nhập với các môn đệ.

Chúng ta có thể ghi nhận rằng đây là một tiến trình tái diễn nhiều lần. Chúng ta liên tục được mời gọi để khôi phục sự hiểu biết của mình về cuộc sống. Giêrusalem không phải là đoạn kết câu chuyện Emmaus. Khi hai môn đệ kể lại cho các anh em những gì đã xảy ra trên bước đường đời của họ, thì họ cũng được nghe anh em kể lại những câu chuyện của những người vẫn ở lại Giêrusalem. Khả năng suy tư sâu hơn về biến cố trên đã dẫn họ đến quyết định rời khỏi Giêrusalem để đem Tin Mừng “đến mọi dân nước” (Lc 22, 47). Tuy nhiên đó lại là câu chuyện kể khác, một câu chuyện chất chứa những

kinh nghiệm thử thách lòng tin và quyết tâm của họ, và như vậy, vẫn cung cấp thêm nhiều chất liệu cho việc suy tư.

II- LỜI CHÚA TRONG PHỤNG VỤ THÁNH LỄ CHÚA NHẬT

Nếu chúng ta thực sự là thành viên một cộng đoàn của ký ức sống động thì tổng hợp cuộc đời chúng ta phải dựa trên kinh nghiệm và sự khôn ngoan của nhóm. Mỗi Chúa Nhật, chúng ta tụ họp nhau lại để “nghi thức hóa” cuộc đời và giáo huấn của Đức Kitô, Đấng là nền tảng của ký ức đó. Tuy nhiên, sứ điệp của Người phải được phản ánh và thể hiện trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Bằng không thì sứ điệp đó sẽ không thể thâm nhập vào sự hiểu biết và lối sống của chúng ta. Nếu nguyên lý hội nhập của chúng ta phát xuất từ Không Giáo, Thiên hoặc từ những phong trào hiện đại nào khác, thì chúng ta khó có thể xưng mình là Kitô hữu, vì có một sự khác biệt rất lớn.

Linh Mục Paul Bernier chia sẻ kinh nghiệm của mình như sau :

“Cách đây nhiều năm, bố tôi bị ung thư và tôi buộc phải nói cho ông cụ biết bệnh tình của cụ đã đến giai đoạn cuối cùng rồi. Lúc đó khoảng 5 giờ sáng, mọi người trong nhà đều đang ngủ. Bố tôi và tôi thường có thói quen dậy sớm. Chúng tôi dùng khoảng thời gian yên tĩnh đó để bàn về những vấn đề thời sự trên thế giới. Ngày hôm đó, đề tài bàn thảo của chúng tôi gần gũi hơn. Vừa nhấm nháp cà phê, chúng tôi vừa chia sẻ về màu nhiệm sự sống và sự chết. Từ thâm sâu tôi linh cảm được rằng bố tôi đã biết bệnh tình của mình. Đó là buổi sáng Chúa Nhật Phục Sinh.

“Sau đó trong ngày, tôi dâng thánh lễ cùng với gia đình và những người bà con đến thăm. Khi chia sẻ Kinh Thánh, mọi người có vẻ rất thận trọng không muốn bàn đến cái chết sắp đến của bố tôi. Sau cùng, ông cụ thốt lên : “Bố nghĩ rằng các con đang trông chờ bố nói một điều gì.” Những gì bố tôi chia sẻ hôm ấy chỉ đơn giản là niềm ủi an mà ông cảm nhận được bởi niềm tin của ông nơi sự sống lại. Điều đó có nghĩa là sự chết chỉ là ngưỡng cửa để bố tôi bước vào một cuộc sống mới tốt đẹp hơn, nơi mà một ngày nào đó, tất cả chúng tôi có thể đoàn tụ bên nhau. Chia sẻ cùng một niềm tin và chấp nhận những bài Kinh Thánh vừa đọc về chiến thắng của Đức Giêsu trên sự chết, đã giúp chúng tôi thấy được rằng cái chết của người cha thân yêu như là một phần của tất cả chúng tôi để cả gia đình có thể bàn đến

hay cùng nhau khóc thương. Nhưng điều quan trọng nhất là có thể lấy niềm hy vọng từ nơi mầu nhiệm của Đức Kitô Phục Sinh để chúng tôi sống và nâng đỡ nhau. Từ lúc đó, tôi cảm thấy nhẹ nhàng hơn khi nghĩ đến cái chết của chính bản thân tôi.”

Phụng vụ Chúa Nhật cố gắng đem lại một nền tảng cơ bản cho ký ức Kitô giáo của chúng ta. Mặc dù Phụng vụ Chúa Nhật cố gắng làm điều đó bằng cách đọc cả bốn Phúc Âm cách tương đối có hệ thống, nhưng vẫn không thể cho rằng như thế là đủ. Nếu việc làm quen với Kinh Thánh chỉ ngưng lại ở những gì ta nghe trong nhà thờ, thì ta vẫn đang sống ở mức “chết đói”. Cuộc sống của chúng ta phải là cuộc sống được xây nên vững chắc trên mạc khải Kinh Thánh.

Có được một nền linh đạo theo Kinh Thánh có nghĩa là chúng ta ít nhất phải quen thuộc với Kinh Thánh như chúng ta quen thuộc với thị trường chứng khoán, hoặc những biến cố trên thế giới. Hầu hết mọi người đều có thể ngồi hàng giờ ngấu ngiến những tờ báo hoặc xem truyền hình, trong khi đó cuốn Kinh Thánh vẫn bị bụi phủ đầy nằm tro bụi trên kệ sách. Cuốn Kinh Thánh chỉ để đó cho chúng ta ngưỡng mộ và chiêm ngắm từ xa, thay vì là cuốn sách gối đầu giường phải được đọc đi đọc lại, vì Kinh Thánh mang lại cho chúng ta niềm vui sâu lắng tinh tuyền.

Tình trạng này cũng có nhiều lý do. Một trong những lý do có liên quan đến chính việc cử hành Thánh Lễ. Giáo dân thường than phiền rằng phụng vụ quá nhàm chán, hoặc các bài đọc Kinh Thánh gần như vô nghĩa. Phải công nhận rằng không phải bất cứ vị chủ tế nào cũng có khả năng giảng giải làm cho các bài đọc đi sát với thực tế cuộc sống. Nhưng ngay cả những vị giỏi giang nhất cũng không thể nào làm tròn tất cả mọi phần việc. Điều này vượt quá khả năng của họ.

Để có những lợi ích mà phụng vụ Chúa Nhật đem lại, điều quan trọng là chúng ta không đến nhà thờ với tâm hồn “băng đá”. Nếu chúng ta chưa có một ý tưởng nào về những gì các bài đọc Kinh Thánh nói với ta cho đến khi nghe đọc, thì giống như ta nghĩ đến sự hiện hữu của mình ít hơn là nghĩ đến việc chọn quần áo chúng ta sẽ mặc. Như vậy thì làm sao ta có thể thực hiện một cuộc đối thoại trong tâm trí với những bài đọc hoặc bài giảng vừa nghe nếu tất cả

những gì chúng ta phải cậy dựa vào là chính những ấn tượng ban đầu ?

Chuẩn bị trước cho phụng vụ Chúa Nhật là một công việc gồm hai mục đích. Mục đích cận kề nhất là chuẩn bị rồi suy tư trên nội dung của những bài đọc mỗi tuần. Điều này đòi hỏi chúng ta phải đọc một hai ngày trước để bắt đầu suy tư về ý nghĩa của các bài đọc, và tìm xem chúng liên hệ với cuộc sống của ta như thế nào. Một thói quen như thế có thể làm cho Lời Chúa đi vào trong tiềm thức và thẩm thấu ngày càng sâu trong tâm hồn chúng ta. Thói quen này, khi phối hợp với những gì tiếp theo sau thánh lễ, giúp cho ý nghĩa của bài đọc ghi sâu hơn trong tâm trí chúng ta. Tuy nhiên việc chuẩn bị các bài đọc mới chỉ là một phần. Điều quan trọng hơn nữa là suy niệm trên những bài đọc ngày Chúa Nhật cũng như những tuần lễ kế tiếp. Với cách thức đó, hy vọng là nhờ được bài giảng hướng dẫn, chúng ta có thể áp dụng sứ điệp cách cụ thể vào cuộc sống để các bài đọc cắm rễ sâu hơn trong ý thức chúng ta.

Mục đích thứ hai của việc chuẩn bị trước cho cuộc cử hành phụng vụ Chúa Nhật có thể gọi là chuẩn bị xa. Đây đơn giản là khả năng làm quen và cảm thấy thoải mái với Lời Chúa đến mức độ Kinh Thánh trở thành cuốn sách gối đầu giường của chúng ta. Tiến trình làm quen với Kinh Thánh xem ra xa vời với bất cứ nghi thức phụng vụ cụ thể nào, tuy nhiên chắc chắn nó không phải là xa xôi gì, vì việc làm quen này chính là một nỗ lực liên tục ngày càng tập trung cuộc sống chúng ta vào những giá trị được trân trọng cất giữ trong Kinh Thánh.

Trong vấn đề liên quan đến phụng vụ, điều quan trọng là biết được cái nền và bối cảnh của những câu chuyện Kinh Thánh mà chúng ta nghe đọc tuần này qua tuần nọ. Các đoạn Kinh Thánh ngày Chúa Nhật được cắt xén ra khỏi bối cảnh của nó. Tất cả những gì chúng ta nghe đọc chỉ là trích đoạn, và thường dưới hình thức rất ngắn gọn đến nỗi nhiều đoạn trong Cựu Ước nghe như rất xa lạ với chúng ta. Nhưng nếu đặt những trích đoạn đó trong hoàn cảnh xưa kia của đời sống đức tin cộng đoàn, chúng ta sẽ có thể thấy được Kinh Thánh là một tổng thể đang sống và từng bước tự mạc khải cho chúng ta. Kinh Thánh sẽ giúp chúng ta nhận thức được, như tác giả Thánh Vịnh nói, nguồn mạch của mọi thiện hảo thực sự là ở trong Chúa.

Kinh Thánh biểu lộ ý muốn luôn tích cực và đầy hiệu năng của Thiên Chúa là cứu rỗi chúng ta qua lịch sử nhân loại. Càng làm quen với Kinh Thánh, chúng ta càng thấy được những mối dây liên hệ. Các tác giả sách Tin Mừng giả thiết người đọc đã quen thuộc rất nhiều với Kinh Thánh. Trong Tân Ước có quá nhiều tham chiếu từ Cựu Ước đến nỗi chúng ta không sao hiểu được Tân Ước cách đầy đủ nếu không biết toàn bộ Kinh Thánh.

Vì là một mạc khải của chính Thiên Chúa, nên Kinh Thánh phải là nền tảng tự nhiên lời cầu nguyện của chúng ta. Các sách khác cũng có thể hữu ích, nhưng không thể nào thay thế được Lời của Chúa. Nếu cuộc sống cá nhân và linh đạo của chúng ta không đặt nền trên Kinh Thánh thì ta có nguy cơ làm mất đi chuyện kể của chúng ta. Thay vì biết được kho tàng ở đâu, chúng ta trở thành những người lưỡng lự chạy đầu này đầu nọ tìm lương thực không có nền tảng vững chắc để cậy dựa và đánh giá việc làm của chúng ta.

III- LÀM QUEN VỚI KINH THÁNH

Có vài cách làm cho Kinh Thánh trở thành trung tâm lòng đạo đức của chúng ta. Cách đầu tiên đơn giản là làm quen với Kinh Thánh. Và để quen với Kinh Thánh, ít nhất mỗi tuần, nếu không nói là mỗi ngày, chúng ta phải đọc Kinh Thánh. Rất hữu ích nếu chúng ta có dự định đọc toàn bộ cuốn Kinh Thánh trong vòng một năm. Để làm được điều này, đòi hỏi chúng ta chỉ cần đọc bốn chương trong một ngày, không kể những thời gian tạm gián đoạn vì bận rộn chuyện này chuyện khác.

Cách thứ hai, chúng ta nên kết hợp một vài nghiên cứu với việc đọc Kinh Thánh. Nhiều sách Thánh có phụ thêm những ghi chú quan trọng giúp chúng ta hiểu rõ hơn bản văn hoặc những bài đọc khác. Ngoài ra còn có những phần dẫn nhập cho những phần chính và cho từng cuốn sách trong bộ Kinh Thánh. Các hướng dẫn này giúp đọc cách tinh tế hơn, ý thức được thể loại văn chương, thời điểm cũng như tác giả cuốn sách, và nhiều vấn đề cơ bản quan trọng khác mà chúng ta đang tiếp cận.

Chúng ta không thể ngây ngô như trước đây. Nhờ đó chúng ta biết rằng không phải Phaolô đã viết thư gửi tín hữu Do Thái, rằng các tác giả sách Tin Mừng không nhất thiết phải là những nhân chứng sống

về những sự việc họ viết ra. Chúng ta sẽ thấy một sự khác biệt nếu Tin Mừng của Marcô được viết trước các sách Tin Mừng khác, cũng như Môsê đã không viết toàn bộ Ngũ Thư.

Ngoài những điểm ghi chú, chúng ta cũng sử dụng những bản chú giải trên mỗi quyển sách riêng biệt. Có nhiều loại sách chú giải. Có những loại đơn giản chỉ nhằm giúp chúng ta hiểu hơn điều mà các tác giả cố gắng truyền đạt. Không phải tình cờ mà các tác giả Tin Mừng Nhất Lãm kể cùng câu chuyện nhưng với cách thức hơi khác nhau. Những câu chuyện này đóng những vai trò khác nhau trong các sách Tin Mừng của họ. Biết được dụng ý của các tác giả giúp chúng ta giải thích tốt hơn, và ý thức được rằng một sứ điệp của Đức Kitô có thể được diễn tả qua nhiều cách thức, và áp dụng cho nhiều hoàn cảnh sống khác nhau như thế nào.

Nếu mỗi năm chúng ta chỉ tập trung vào một cuốn Tin Mừng, thì trong 5 năm, chúng ta có thể đọc hết được bốn cuốn Tin Mừng và sách Công Vụ Tông Đồ. Một chương trình đọc như thế cũng có thể áp dụng với những thư của thánh Phaolô. Theo trình tự như thế chẳng những chúng ta hiểu sâu xa hơn mà còn phát triển sự xác quyết hơn khả năng của chúng ta để đối thoại với bản văn và phân định những giá trị tiềm ẩn trong đó.

Không có lý do nào buộc tất cả những việc này phải được làm riêng tư một mình. Ngày nay có nhiều nhóm học Kinh Thánh khác nhau giúp chúng ta hiểu sâu hơn về ý nghĩa của bản văn. Có những nhóm chuyên học hỏi nghiên cứu; những nhóm khác nghiêng về việc cầu nguyện. Nhóm nào tùy chúng ta chọn, luôn luôn là một sự điều chỉnh đúng đắn khi để cho sự hiểu biết của người khác tác động trên sự hiểu biết của mình. Đọc Kinh Thánh với một cái nhìn hạn hẹp, ngăn chặn bớt ý nghĩa của bản văn thì quá dễ. Những người khác giúp chúng ta trung thực hơn trong nỗ lực tìm hiểu Lời Chúa và cho ta cảm nghiệm được sự khôn ngoan của Thần Khí hướng dẫn cộng đoàn như thế nào.

IV- CẦU NGUYỆN VỚI KINH THÁNH

Tiến trình của việc dần dần làm quen với Kinh Thánh sẽ ảnh hưởng trên lời cầu nguyện của chúng ta. Quả thế, Kinh Thánh sẽ hình thành những nền tảng việc cầu nguyện của chúng ta. Trong thời Giáo Hội

sơ khai, các tu sĩ thường đọc “kinh thần vụ”. Có nghĩa là họ vừa đọc Lời Chúa vừa cầu nguyện. Đọc một đoạn Kinh Thánh chậm rãi, để cho bất cứ tư tưởng và lời cầu nguyện nào đến trong trí ta đều được dâng lên Thiên Chúa. Nếu gặp một đoạn thích hợp và có ý nghĩa hơn, tất cả những việc chúng ta cần làm là thỉnh lặng trong chốc lát, và để cho bất cứ tâm tình cảm mến, ngợi khen hoặc hối tiếc và kêu xin trong những hoàn cảnh thích hợp được bộc lộ ra.

Cầu nguyện theo Kinh Thánh mở rộng cửa cho tác động của Chúa Thánh Thần. Vì tột trung, chúng ta thấy rằng chính Thánh Thần là sức mạnh linh hứng trong toàn bộ Kinh Thánh. Để cho lời cầu nguyện của chúng ta nương theo đức tin đầy ý thức của bao thế hệ những người tin, giúp chúng ta nhẹ nhàng để bàn tay Chúa dẫn đi, giúp qui hướng các tư tưởng và việc làm của ta theo đường lối bình an của Thiên Chúa, và làm ta thỏa mãn khi biết rằng mình đang mở rộng cõi lòng theo sự hướng dẫn của Đấng Tạo Thành và Cứu Độ.

Trong một ý nghĩa rất xác thực, Kinh Thánh là sự mạc khải của chính Thiên Chúa và sự thông hiệp của Người đối với chúng ta. Nếu tin rằng chúng ta không phải là trung tâm của vũ trụ, nhưng đã được Thiên Chúa yêu thương và cho hiện hữu, thì tại sao chúng ta lại quá ngoan cố không chịu sống theo Kinh Thánh là cuốn sách đến từ Thiên Chúa ? Thật lạ lùng nếu chúng ta bỏ không thèm đọc những lá thư của người yêu. Nhưng khôn nổi, đó lại là điều chúng ta đang làm khi rất ít cố gắng để cảm mến ý muốn và tấm lòng yêu thương của Thiên Chúa.

Những nỗ lực truyền thông của Thiên Chúa bao gồm nhiều mức độ khác nhau, giống như cách truyền thông của con người chúng ta. Các bức thư gửi đến những người thân yêu đang ở xa chúng ta được đón nhận cách trân trọng. Tuy nhiên các bức thư đó vẫn thiếu vắng hơi ấm và sự hiện diện gần gũi của chính người viết lá thư đó. Chúng ta cũng có thể nhờ bạn bè nhắn tin cho gia đình và những người thân yêu ở nhà. Ít nhất những người bạn đó có thể truyền đi một cái gì gần gũi hơn vì họ đã tiếp xúc, đã sống với chúng ta. Tuy nhiên, hay hơn hết là chúng ta có thể đích thân đến viếng thăm, chia sẻ niềm hy vọng và tình yêu cho người chúng ta yêu thương cách trực tiếp.

Thư gửi tín hữu Do Thái mở đầu với lời nhắc nhở rằng Thiên Chúa đã cố gắng dùng cả ba cách thức trên để nói với tâm hồn chúng ta. Kinh Thánh ghi lại cuộc đấu tranh đức tin của một dân tộc nỗ lực vươn đến việc đối diện với Thiên Chúa. Tuy nhiên, bên cạnh những từ ngữ đã được viết ra đó, chúng ta còn biết rằng, trong thời xa xưa, Thiên Chúa đã nói với chúng ta qua qua các ngôn sứ. Dù là những người cận kề bên Chúa, nhưng họ cũng không luôn luôn được đón nhận. Sau cùng, trong thời đại của chúng ta, Thiên Chúa đã mặc lấy xác phàm và nói với chúng ta qua Con của Người, Đấng mà thánh Gioan gọi cách chính xác là Lời Nhập Thể.

V- CON NGƯỜI VÀ SỨ ĐIỆP CỦA ĐỨC GIÊSU

Nơi Đức Giêsu chúng ta tiếp cận với Lời sống động của Thiên Chúa. Điểm then chốt nơi uy quyền và khả năng của Người để giảng dạy như “Đấng có uy quyền” là ở chỗ không có mâu thuẫn nào giữa lời Người nói và việc Người là ai. Con người của Đức Giêsu chính là một sứ điệp. Người ta không đặt vấn đề Đức Giêsu đã thực hành như thế nào những gì Người giảng dạy, nhưng đúng hơn, Người đã giảng như thế nào những gì chính Người đã thực hành và đã sống. Con người và sứ điệp của Người cũng là một. Như người ta thường nói, Đức Giêsu đã làm cho con người và sứ điệp luôn đi đôi với nhau.

Vấn đề là chúng ta ít khi áp dụng bài học này cho chính mình. Đoạn Kinh Thánh nói rằng chúng ta có thể làm những điều cao cả hơn Đức Giêsu, đã không được đón nhận cách nghiêm chỉnh (Ga 14,12). Cũng như đoạn văn trong lời tựa Tin Mừng Gioan (Ga 1,13), bảo đảm rằng kẻ nào đón nhận Đức Kitô thì cũng giống như Người, được trở nên con cái Chúa, được sinh ra không do nhục thể hoặc ý muốn con người, nhưng do Thiên Chúa. Những ẩn ý đó rất đơn giản : môn đệ được mong đợi trở nên giống như thầy. Chúng ta không đọc Lời Chúa để trở thành các nhà chuyên môn về Kinh Thánh. Chúng ta đọc Lời Chúa để có thể thực sự trở nên những biểu hiện của Đức Kitô và của cách sống như Thiên Chúa. Bằng cách mở cõi lòng ra cho sự thật của Thiên Chúa, chính chúng ta có thể trở nên sự thật, nên ánh sáng, nên muối men và nên lời cứu độ. Trong cuộc sống của chúng ta, Lời Chúa phải trở nên gần như toàn phần con người của mình đến nỗi

chúng ta có thể được đồng nhất với Lời. Chỉ như vậy người ta mới nhận ra đó chính là lời của sự sống.

CHƯƠNG 7

TIẾT NHỊP NGÔN SÚ

“Ta cất bước theo điệu vũ trong ngày Sabát
Và Ta cứu chữa người què quặt bệnh tật.
Dân tộc thánh thiện cho việc Ta làm là điều ô danh.
Họ quất roi, lột trần và treo Ta lên cao;
và họ để Ta chết nhục nhã trên cây thập tự.”

I- TƯƠNG QUAN THÁNH LỄ VỚI CUỘC SỐNG

Có một câu chuyện thích hợp cách đặc biệt kể từ khi ta đánh giá lại ảnh hưởng việc khám phá tân lục địa của Columbus. Câu chuyện kể về Francisco Pizzaro, một trong những anh hùng đã giúp để chiếm được lục địa Châu Mỹ cho Tây Ban Nha. Dù đã chinh phục được đế quốc Incas, nhưng Pizzaro vẫn sẵn sàng cho Incas một cơ hội. Ông nói với vua Incas là Atahualpa nên tuân phục cả Đức Giáo Hoàng và hoàng đế Tây Ban Nha.

Atahualpa không hài lòng với lựa chọn nào. Theo những gì ông biết về đạo Công Giáo thì những người Kitô hữu tin vào một vị Thiên Chúa đã bị giết bởi chính dân của Người, trong khi đó những vị thần của ông vẫn còn sống và mạnh khỏe, vậy lý do nào để từ bỏ các thần ấy? Còn đối với hoàng đế Tây Ban Nha, Atahualpa chẳng thấy có lý do nào phải triều cống hoàng đế cả. Vậy câu trả lời phải tuân phục hoàng đế cũng là không.

Pizzaro và quân lính của ông, những người trước đó đã xưng tội, dự lễ và rước lễ để được Chúa ban thêm sức dũng cảm, liền quay súng bất ngờ tấn công Atahualpa, tiến hành cuộc thảm sát hơn ba ngàn thanh niên không vũ trang, không kể phụ nữ và trẻ em.

Họ đã có một Thánh Lễ như thế đó !

Câu chuyện này có thể là một điển hình kinh khủng, nhưng trong bề dày lịch sử, đã có biết bao nhiêu câu chuyện về Thánh Thể đã được sử dụng để biện minh cho những cách ăn ở hết sức ngoại đạo. Để rõ

ràng hơn, chúng ta đưa mắt nhìn lại lịch sử, và thật xấu hổ khi thấy những người chủ nô lệ đã sốt sắng rước Minh Thánh Chúa trước khi đem bán đàn bà và trẻ em như bán đàn gia súc. Chúng ta có thể kể từng chi tiết những người đi chinh phục đất đai, những người đàn áp, và những kẻ bóc lột có hạng đã họp nhau lại nơi bàn tiệc của Chúa để cử hành Thánh Lễ như thế nào !

Trở về với thời đại này, chúng ta có thể vạch mặt những kẻ chiếm dụng đất đai, những người âm mưu làm người khác bị phá sản, bóc lột sức lao động của công nhân, những người làm giàu trên xương máu người khác. Thế mà những hạng người này vẫn thấy lương tâm thanh thản đến nhà thờ tham dự phụng vụ của Giáo Hội. Tại sao vậy ?

Câu trả lời rất đơn giản : chúng ta đã đánh mất quan niệm về Tiết Nhịp Ngôn Sứ của Thánh Lễ. Giản lược phần này vào một nghi thức làm chúng ta cảm thấy an tâm dễ chịu, và nó được sử dụng chính yếu là để vỗ về an ủi chúng ta. Tuy nhiên, Đức Giêsu đã không lập nên bí tích Thánh Thể để xoa dịu con người. Người muốn Thánh Thể trở thành năng lực giúp chúng ta sống tốt lành hơn. Thánh Thể không phải là phần thưởng cho những người công chính, Thánh Thể là lương thực cho kẻ lữ hành.

Tin Mừng có một góc cạnh sắc bén. Cho nên đến với Thánh Thể chúng ta thực sự cảm thấy sợ hãi, run rẩy vì nhận thức được đường hướng của Chúa hoàn toàn khác với chúng ta (Is 55, 8-9). Thánh Thể được cử hành đúng mức phải đem lại một thay đổi toàn diện trong cách suy nghĩ và hành động của chúng ta. Đó là ý nghĩa câu thánh Phaolô nói: “Anh em hãy có những tâm tình như chính Đức Giêsu Kitô...” (Pl 2, 5)

II- TƯƠNG QUAN HAI CHIỀU TRONG THÁNH LỄ

Phần cốt yếu của phụng vụ Lời Chúa là Tiết Nhịp Ngôn Sứ. Lời Chúa thách đố chúng ta dám đặt mình thực sự vào cách sống của Đức Giêsu, cho dù “dân tộc thánh thiện” có cho đó là điều xấu hổ. Lời Chúa không phải chỉ đơn thuần đem lại cho chúng ta sự an toàn, nhưng còn để lay động và giúp chúng ta tạo dựng một thế giới như Chúa đã mong muốn từ lúc bắt đầu việc tạo thành. Ngày nay chúng

ta, những người môn đệ Chúa, có bổn phận tiếp tục dần thân xây dựng Nước Trời mà Đức Giêsu đã sống và chết cho Nước Trời đó.

Trước Công Đồng Vatican II, phụng vụ Thánh Thể được hiểu chủ yếu như một nghi thức do linh mục cử hành. Chúng ta đã đánh mất ý thức vai trò của cộng đoàn, và nhìn linh mục như một người tế lễ theo mẫu các thầy tế lễ trong Cựu Ước. Vai trò hy tế này được sử dụng một cách đặc biệt suốt trong Kinh Nguyện Thánh Thể, nhưng kinh nguyện này thường chỉ được đọc thầm, vì đây là phần riêng của linh mục. Thánh Thể được quan niệm như thế chỉ nhấn mạnh trên tương quan chiều dọc giữa Thiên Chúa với thụ tạo, chỉ chú tâm đến việc phượng thờ mà thụ tạo phải có đối với Đấng Tạo Thành của mình, bỏ quên mất tương quan chiều ngang, tương quan thụ tạo phải có đối với nhau.

Khác với việc nhấn mạnh Thánh Thể như là một hy tế muôn đời, sau Công Đồng Vatican II, thấy chớm nở một hướng nhấn mạnh đặc biệt hơn trên tương quan chiều ngang của Thánh Thể. Trong việc khám phá lại các phương diện liên quan đến bữa ăn của Phụng Vụ, với ý thức về tình liên đới giữa những người đến tụ họp chung quanh một bàn tiệc, Thánh Lễ đã trở thành một buổi cử hành và diễn tả tình huynh đệ.

Sự quá nhấn mạnh trên tương quan hàng ngang, nghĩa là tập trung trên yếu tố con người, có chiều hướng làm cho Thánh Lễ mang tính cách quá bình dị. Dù có tính năng động hơn so với cử hành phụng vụ có thể nói là nặng hình thức của thời gian trước, nhưng việc quá nhấn mạnh tương quan chiều ngang này có thể dẫn đến sự tập trung thái quá trên những hành động của chúng ta hơn là các hành vi của Đức Kitô. Điều này làm cho phụng vụ xa hẳn với tương quan chiều dọc là dâng lên Thiên Chúa một nghi thức thờ phượng. Để dung hoà hai thái cực, một sự hiểu biết về Tiết Nhịp Ngôn Sứ của Thánh Lễ có thể giúp chúng ta nối kết cả hai phương diện đó của phụng vụ để củng cố và hỗ trợ lẫn nhau.

Tiết Nhịp Ngôn Sứ nhắc nhở chúng ta về cả hai phương diện : sự tùy thuộc của chúng ta vào Thiên Chúa, và trách nhiệm chúng ta phải có đối với anh em. Phương diện này bổ túc cho phương diện kia. Tiết nhịp Ngôn Sứ có thể giúp chúng ta tránh những thái quá của lòng sốt

sống cá nhân chủ nghĩa hoặc lòng đạo đức quá nhân bản, cũng như tránh được đường hướng quá nghiêng về siêu nhiên của chủ thuyết nghi thức hy tế. Thiên Chúa ước mong một sự thờ phượng đích thực được biểu lộ khi chúng ta “hiến dâng thân mình làm của lễ sống động, thánh thiện và đẹp lòng Thiên Chúa” (Rm 12,1).

Việc thờ phượng “trong Thần Khí” của chúng ta không phải là vấn đề của những thực hành đặc biệt, nhưng là vấn đề lối sống của chúng ta. Đó cũng không phải là một lối sống do tự chúng ta nghĩ ra, nhưng là một lối sống đến từ Thiên Chúa. Do đó Thánh Lễ không phải là một cái gì chúng ta dâng lên Thiên Chúa, nhưng là những gì Thiên Chúa ban cho chúng ta trong Đức Kitô mà chúng ta phải đón nhận trong tâm tình khiêm nhu, tạ ơn, thờ phượng. Những gì ta đón nhận phải được đáp trả, được phản ánh trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

III- TÍNH NGÔN SÚ TRONG PHỤNG VỤ THÁNH LỄ

Một phụng vụ mang tính Ngôn Sứ giúp tránh khỏi việc tạo nên những vách tường ngăn cách mà chúng ta thường có khuynh hướng dựng lên trong các việc đạo đức của mình. Nếu chúng ta đóng kín Thiên Chúa trong chiếc thùng của siêu việt hoặc siêu nhiên, đức tin của chúng ta bị niêm phong tách khỏi cuộc sống hằng ngày. Chỉ khi nào các mối dây liên hệ bình thường của chúng ta được đức tin và việc thờ phượng diễn tả ra bên ngoài, thì lúc đó chúng ta mới bắt đầu hội nhập phụng vụ vào với cuộc sống một cách sinh động. Phụng vụ cung cấp cho chúng ta năng lực để tiếp tục lớn mạnh theo như cách Đức Giêsu đã lớn mạnh.

Câu chuyện thật của Thánh Thể là câu chuyện của một sự sống được trao ban cho người khác. Chúng ta luôn được đem đến đối diện với việc Đức Kitô trao ban chính bản thân mình, và đó cũng trở thành mẫu mực cho việc chúng ta trao ban cho người khác. Khi nhớ lại lời kinh của Đức Giêsu đêm trước khi Người chịu nạn : “Xin cho tất cả chúng nên một” (Ga 17, 21), rõ ràng không thể nào thông chia bàn tiệc của Chúa, nếu chúng ta vẫn còn có những ngăn cách đối với bất cứ thành phần nào của Thân Mình Người. Đức Giêsu đã sẵn sàng dâng hiến mạng sống mình cho sự “nên một” đó.

Tiết Nhịp Ngôn Sứ trong Thánh Lễ ngăn cản chúng ta khỏi tình trạng thỏa mãn, đình trệ dậm chân tại chỗ, không cho phép chúng ta cứ hành Thánh Thể để khỏi bị thách đố. Tiết Nhịp Ngôn Sứ làm cho ta thấy được sự cần thiết phải luôn tăng trưởng trong đời sống Kitô hữu, khi ngày càng ý thức hơn những cách thức khác nhau mà chúng ta phải biểu hiện đối với những giá trị của thế giới ta đang sống hơn là chỉ dừng lại ở những giá trị được Đức Giêsu nêu ra làm điển hình. Tiết Nhịp Ngôn Sứ còn giúp ta có thái độ nghiêm chỉnh hơn đối với phụng vụ, khi chúng ta cầu nguyện cho tất cả những ai thông phần bánh và rượu này được qui tụ lại thành một Thân Mình của Đức Kitô, một hy lễ ngợi khen chúc tụng sống động.

Bài giảng trong thánh lễ phải giúp chúng ta hiểu nhiều hơn về chiều kích ngôn sứ của phụng vụ. Đức Giêsu đến rao giảng “Thời giờ đã mãn, Nước Thiên Chúa đã gần đến. Hãy sám hối và tin vào Tin Mừng” (Mc 1, 15). Đức Giêsu hướng về thời Messia đã được hứa từ lâu, thời mà các lời hứa của Giao Ước Thiên Chúa được thực hiện. Lời kêu gọi sám hối của Người triệt để như một lệnh truyền.

Giáo huấn của Đức Giêsu làm cho người ta coi Người như một Rabbi hoặc như một ngôn sứ. Khi Đức Giêsu hỏi các môn đệ dân chúng nói Người là ai, họ chỉ có thể trả lời chung chung : Người là một vị ngôn sứ như Gioan Tẩy Giả, hoặc như Êlia. Chính các môn đệ Người cũng thú nhận rằng họ đã tưởng Người là một “ngôn sứ đầy uy thế trong việc làm và lời nói” (Lc 24,19). Phương diện ngôn sứ của giáo huấn Đức Giêsu nổi bật rõ ràng cho người nghe.

Việc giảng thuyết, dù là một bài giảng không xuất sắc, giống như một câu chuyện trong một câu chuyện. Bất cứ đoạn Tin Mừng nào cũng là thành phần của toàn bộ câu chuyện : chuyện của Thiên Chúa với dân Israel của Người. Diễn tiến câu chuyện bắt đầu với ơn gọi của Abraham và lên đến tột đỉnh nơi Ngôi Lời mặc xác phàm. Đây vẫn chỉ là thành phần của một câu chuyện lớn hơn : chuyện của Thiên Chúa và con người. Câu chuyện này đem chúng ta từ công cuộc tạo thành đến viễn tượng một trời mới đất mới. Chúng ta đi từ lời hứa của Thánh Linh là đã bay lượn trên nước của hỗn mang, đến việc kiện toàn công cuộc của Đức Kitô trong thời sẽ đến.

Vì chúng ta tin rằng Đức Giêsu đã là người thực sự, Người được hiểu và rao giảng như một nhân vật trong câu chuyện của nhân loại. Trong khi tập trung vào nhân tính của Đức Giêsu, chúng ta thấy câu chuyện của Người cũng như chuyện của ta. Đức Kitô được liên kết với thực tại lịch sử của chúng ta. Hiểu Đức Giêsu tức là hiểu được toàn bộ lịch sử nhân loại. Đức Giêsu là tâm điểm và đích điểm của chính lịch sử nhân loại.

IV- VIỄN CẢNH TƯƠNG LAI CON NGƯỜI TRONG THÁNH LỄ

Từ sau Công Đồng Vatican II, nhân tính của Đức Kitô được đặc biệt chú trọng hơn. Linh đạo trước đây dường như vẫn cho cuộc sống con người cơ bản là tội lỗi. Ngay cả ngày nay nhiều người vẫn giữ quan niệm con người đương nhiên là tội lỗi, là xấu xa. Trong quan điểm này, Đức Giêsu đến thay đổi sự đồng đẳng đó bằng cách đem lại cho chúng ta thực tại của ân sủng, đưa ta ra khỏi mức độ tự nhiên là tội lỗi, và nâng chúng ta lên mức độ siêu nhiên. Dĩ nhiên, ở đây đời sống con người được tắm gội trong ân huệ của Thánh Thần, và chúng ta có thể thực hiện được những điều tốt lành và đẹp lòng Thiên Chúa.

Thánh Phaolô đã triển khai rất mạnh mẽ ý tưởng Đức Giêsu Kitô là con người hoàn hảo nhất. Nếu muốn biết con người của chúng ta có thể làm gì và Chúa muốn ta làm gì, chỉ cần nhìn vào Đức Kitô. Đức Giêsu là hiện thân của những gì Thiên Chúa muốn cho toàn thể thụ tạo của Người trở thành ngay từ thuở ban đầu.

Bằng cách mang trong mình sự kiện toàn của nhân loại, Đức Kitô có thể giúp chúng ta thấu hiểu ý nghĩa của hai từ “con người”. Do đó thánh Irênê mới có lời khẳng định nổi tiếng này: “Vinh quang của Thiên Chúa là con người sống dồi dào”. Không cần thiết phải vươn đến một cấp bậc cao hơn để trở thành mẫu mực đạo đức. Chúng ta chỉ cần thực hiện những gì trong khả năng con người của mình. Tất cả những gì chúng ta nghe biết về Đức Giêsu trở thành một thách đố cho sự hiểu biết và lớn mạnh của chính chúng ta. Tội lỗi không làm cho ta trở thành người, nhưng làm ta từ bỏ chức năng làm người và hạ thấp xuống mức độ loài vật.

Sự hiểu biết như thế về Đức Kitô đem ta vượt lên trên khung cảnh hiện tại để hướng đến một viễn cảnh tương lai, đến những gì có thể là và những gì Chúa mong muốn. Chúng ta thường nói Thánh Thể là sự

cảm nếm trước bàn tiệc thiên sai trong Nước Trời. Đây là cách đơn giản để nói rằng Thánh Thể không phải là thực tại cuối cùng. Đúng hơn Thánh Thể hướng chúng ta đến một một tương lai viên mãn khi Thiên Chúa sẽ là tất cả trong tất cả.

Vậy trong phụng vụ Thánh Thể, chúng ta họp nhau lại chia sẻ Lời Chúa và bẻ bánh. Nhưng khi cố tìm hiểu toàn cảnh về mối liên hệ của Thiên Chúa với vũ trụ Người dựng nên, thì mỗi cuộc cử hành phụng vụ là lời kinh nguyện xin cho chúng ta trung thành với những gì Chúa đã hoàn thành trong lịch sử, với những gì Thánh Thể hướng tới và đòi hỏi chúng ta phải cử hành.

Tuy nhiên, không phải chỉ Lời Chúa hay bài giảng đem lại cho chúng ta sự thách đố mang tính tiên tri đó nhưng là toàn bộ phụng vụ. Chính việc tụ họp của cộng đoàn đã là một lời xác quyết mang tính ngôn sứ rồi. Vì ở đây chúng ta thấy đủ mọi thành phần : người giàu, người nghèo, người già, người trẻ; ở đây không còn phân biệt người Do Thái hay Hy Lạp, nam hay nữ nữa. Sự kiện những người chưa từng tụ họp nhau để tham gia một công việc hoặc một trò chơi, lại có thể ngồi cùng bàn tiệc cách dễ dàng như vậy, đó là một bằng chứng hùng hồn về quyền năng Chúa Thánh Thần biến đổi chúng ta.

V- TÍNH NGÔN SỨ TRONG KINH NGUYỆN THÁNH THỂ

Kinh nguyện Thánh Thể cũng mang tính ngôn sứ. Tụ họp nhau, nghe Lời Chúa và chúc tụng Thiên Chúa vì những kỳ công Người thực hiện trong thế giới, và những gì Người đã hoàn thành cho chúng ta trong Đức Kitô, chúng ta cầu xin Chúa Thánh Linh tiếp tục công việc biến đổi của Người. Lời nguyện xin Chúa Thánh Thần này luôn được diễn tả dưới dạng cần phải có sự biến đổi để đem sự hiệp nhất cho cộng đoàn. Chúng ta cũng xin Chúa Thánh Thần biến đổi bánh và rượu dâng trên bàn thờ. Và ít nhất cũng có ngụ ý xin Chúa biến đổi thế giới chúng ta đang sống, để mọi thụ tạo thoát khỏi ách nô lệ của sự hư nát để được thông dự vào sự tự do vinh quang của con cái Thiên Chúa (Rm 8, 19- 23).

Trong lời kinh khẩn cầu Chúa Thánh Thần, chúng ta nài xin “cho chúng con nên một nhờ Chúa Thánh Thần.” Hoặc như trong kinh nguyện Thánh Thể III : “Và khi chúng con được Mình và Máu Con Cha bổ dưỡng, được tràn đầy Thánh Thần của Người, xin cho chúng

con nên một thân thể và một tinh thần trong Đức Kitô.” Về mặt này những Kinh Nguyện Thánh Thể mới đều theo mẫu những lời kinh xưa nhất của Giáo Hội. Tất cả những kinh nguyện này đều nhìn nhận rằng đời sống trong Chúa Thánh Thần sẽ liên kết chúng ta lại với nhau.

Kinh Nguyện Thánh Thể xưa nhất mà chúng ta có ở trong cuốn “Didache” vào thế kỷ thứ nhất. Trong lời Kinh Tạ Ơn này, nhận thức về sự nên một được nối liền với những của lễ dâng trên bàn thờ. Trong đó chúng ta cầu nguyện rằng : “Cũng như tám bánh đang được bẻ ra ở đây, trước khi được kết hợp lại để làm nên một tấm bánh, cũng đã từng bị tản mác trên núi đồi, thì xin cho Hội Thánh Chúa trên khắp cùng trái đất được cùng nhau sum vầy trong Nước Chúa.” Quan niệm này là điểm đặc trưng bất biến trong giáo huấn của các Giáo Phụ.

Tuy nhiên, rất tiếc trong phụng vụ hiện nay Kinh Nguyện Thánh Thể của chúng ta dâng lên Chúa Thánh Thần tự nhiên bị chia ra làm hai phần. Phần một bắt đầu với việc kêu xin Chúa Thánh Thần biến đổi của lễ, rồi ngưng tại đó để nhắc lại trình thuật thiết lập Thánh Thể. Đến mãi phần sau, chúng ta mới nhớ lại để xin Chúa Thánh Thần biến đổi cộng đoàn nên một trong thân mình Đức Kitô là Hội Thánh. Điều này rất dễ làm cho chúng ta nghĩ rằng mọi việc đều xong xuôi tốt lành một khi bánh và rượu trở thành Mình và Máu Đức Kitô, mà quên rằng chúng ta cũng xin Chúa Thánh Thần cho cộng đoàn đang cử hành phụng vụ được biến đổi nên một như vậy.

VI- CỘNG ĐOÀN PHỤNG VỤ : DẤU CHỈ CỦA THÁNH LỄ

Về mặt này có lẽ chúng ta nên nhớ rằng các dấu chỉ của Thánh Lễ vượt lên trên bánh và rượu. Cộng đoàn những người đang cử hành phụng vụ cũng là thành phần của dấu chỉ. Bởi vì cử hành Thánh Lễ là một hành động chứ không phải là một thực thể nào đó không chuyển động, cho nên chúng ta có thể nói cộng đoàn tham dự là phần quan trọng nhất của dấu chỉ. Rõ ràng là nếu cộng đoàn trở nên một, luôn ý thức cố gắng sống trung thực với Tin Mừng, và lớn mạnh trong hiểu biết và tình yêu của Thiên Chúa, thì Thánh Thể sẽ đầy quyền năng và mang tính tiên tri.

Nhưng chắc chắn các đòi hỏi của Tin Mừng và phụng vụ sẽ không bao giờ sinh hoa kết trái nếu chúng ta không vun trồng ý thức về những yếu tố được biến đổi trong Thánh Thể. Điều này đòi phải có một cách nhìn hoàn toàn mới về phụng vụ Thánh Thể. Đó là điều mà mỗi người chúng ta có thể và phải làm.

Chúng ta nên bắt đầu với việc ý thức rằng chính bánh và rượu là cuộc sống của chúng ta được dâng trên bàn thờ, để Thánh Thần có thể biến đổi thân xác hay chết đó vào trong vinh quang của một cuộc sống mới. Không cần phải giả thiết rằng tất cả mọi người đến cử hành Thánh Thể đều sẵn sàng để được phong thánh. Nhưng thực ra tất cả những ai hiện diện nơi bàn thờ đều là những người cần được chữa lành và cần đến ơn của Chúa. Chúng ta cách này hay cách khác, đều đã bị nát tan vì tội lỗi hoặc vì những hoàn cảnh trái ngang của cuộc sống.

Tuy nhiên, Thánh Lễ dám khẳng định rằng không phải “quyền lực” đang cai trị thế giới này, nhưng chính là “sự yêu đuối, bất lực”. Những kẻ có quyền lực đã có thể giết hại Đức Giêsu, nhưng chính “sự yếu đuối, bất lực” của Đức Kitô đã chiến thắng hết mọi quyền lực của trần gian này. Mỗi lần cử hành phụng vụ Thánh Thể chúng ta tuyên xưng điều tương phản tội bực này. Thành công dưới mắt Thiên Chúa rất khác với thành công dưới mắt trần gian.

Những suy nghĩ, những quan niệm khác nhau luôn làm trở ngại tất cả những người họp nhau lại để cử hành phụng vụ, đó là nét đặc thù của dân Chúa. Tuy nhiên chúng ta có thể dần dần lên bàn thờ chính sự tan nát của chúng ta, và biết rằng nó sẽ được chấp nhận như của lễ là chính Đức Kitô. Không những thế, mà chính mọi tan vỡ mà chúng ta đặt trên bàn thờ còn có thể, và sẽ được biến đổi theo khuôn mẫu như chính sự chết của Đức Kitô.

Phương diện ngôn sứ của Thánh Thể có thể được ví von như một động tác thể thao tập cơ duỗi. Tính cách ngôn sứ đó thách đố chúng ta vận động cơ bắp đã nằm yên lâu ngày không sử dụng để vươn lên trên những cái đã trở thành tập quán thường ngày, giúp chúng ta có được một cái nhìn về tương lai của những gì có thể và phải xảy đến. Viễn tượng về một thế giới tốt lành hơn đó giúp chúng ta nỗ lực phấn đấu cho thời đại khi mà không còn nước mắt, không còn khổ đau, khi

mà Thiên Chúa sẽ đến tôn vinh người công chính.

Một điểm sau cùng chúng ta phải ý thức là nếu phụng vụ Thánh Thể thực sự mang tính ngôn sứ, thì mỗi lần thưa “Amen” sau Kinh Nguyện Thánh Thể hoặc trước khi rước lấy Thân Mình Đức Kitô, là mỗi lần chúng ta tuyên xưng rằng ta chấp nhận tất cả những gì Đức Giêsu đại diện cho. Nếu làm được như vậy tức là chúng ta cũng đang làm một sự dấn thân cá nhân để thay đổi, để lớn lên trong sự sống của Chúa Thánh Thần. Sự dấn thân này không đơn thuần là một dấn thân cá nhân. Đó là một sự dấn thân để lớn lên với nhau và cho nhau.

Sợ rằng điều này bị coi như là một kết luận bình thường, chúng ta nên nhớ rằng Giáo Luật hiện hành không cho phép những ai “ở trong tình trạng tội lỗi” được nhận Thánh Thể. Ở trong tình trạng tội lỗi bao gồm những người đã ly hôn mà tái giá, và số người có những hành động đặt họ ra bên ngoài kỷ luật của Giáo Hội. Đương nhiên điều hàm ý trong cách suy nghĩ này là muốn nói rằng Thánh Thể là một phần thưởng cho người công chính.

Nhưng ai là người công chính ? Có hai vấn đề nổi cộm ở đây. Vấn đề thứ nhất là chúng ta đều có xu hướng phán xét tất cả trên cùng một cán cân. Tội trở thành một thực tại cụ thể chung cho hết mọi người. Tuy nhiên, nếu Chúa cho tôi 10 lượng và cho người nào khác chỉ có 1 lượng, thì Chúa đòi buộc tôi 10 lần hơn (đừng nói là 100 lần hơn). Ý tưởng cho rằng chúng ta có thể lấy một cán cân chung để phán xét mỗi người là chuyện kỳ cục.

Vấn đề thứ hai nảy sinh từ cách hiểu này là dựa trên 10 điều răn. Luân lý các giới răn dạy hoàn toàn nằm trong lãnh vực cá nhân. Không đá động gì đến công bình xã hội, cũng không có ý nghĩ về cấp độ của sự dữ, về sự hiện hữu của cơ chế những điều ác, hoặc về sự tội như một cái gì lớn hơn chính bản thân chúng ta. Tất cả những điều đó là sự bất bình đẳng ghê gớm trong thế giới ngày nay.

Điều mà mỗi Thánh Lễ cần củng cố nơi từng người tham dự đó là một sự dấn thân để lớn lên, để phát triển, để đến một nhận thức sâu thẳm rằng tất cả chúng ta đang cạnh kiệt ơn thánh Chúa ban.

CHƯƠNG 8

MỞ TÂM MẮT

ĐỌC CÁC DẤU CHỈ THỜI ĐẠI

“Hãy để dân Xion hân hoan trước mặt vua.

Hãy để họ nhảy múa ca ngợi danh Người,

Đàn ca Người với trống kèn vang dậy,

vì Đức Chúa đón nhận việc dân làm”

(Tv. 149, 2-4)

I - LỜI CHÚA MANG TÍNH NGÔN SỨ

Năm 1832 văn hào Lamennais đã bị Đức Giáo Hoàng Gregorio XVI lên án qua hai thông điệp vì đã ủng hộ sự tự do lương tâm và việc tách biệt Giáo Hội với Nhà Nước. Công Đồng Vatican II chấp nhận cả hai lập trường này. Trong thập niên trước Công Đồng, những người như John Courtney Murray, Henri de Lubac, Yves Congar, Pierre Chenu, Teilhard de Chardin và ngay cả Karl Rahner đã bị Rôma buộc thỉnh lặng. Nhưng họ lại xuất hiện như những chuyên viên hoặc như những luồng ánh sáng hướng dẫn cho Công Đồng.

Ngày nay chúng ta cũng thấy những người bị bó buộc thỉnh lặng tương tự như vậy: Hans Kung, Charles Curran, Leonard Boff, giám mục Pedro Casaldaliga, và những người khác. Họ sẽ xuất hiện như những người thấy trước tương lai hay không? Nói không phải luôn luôn dễ dàng đâu. Nhưng như nhiều vị ngôn sứ, họ sẽ mãi là những người có sức lôi cuốn nhất, đồng thời có lẽ cũng làm cho người ta bực tức nhất.

Các ngôn sứ có sức lôi cuốn vì họ sẵn sàng làm chứng cho những điều họ tin tưởng, dù phải đương đầu với sự chống đối hoặc bách hại. Qua bao nhiêu thời đại, họ đã đứng lên bênh vực cho chân lý và sự tinh ròng. Vì họ công bố lời ngôn sứ, lời của Thiên Chúa cho con người ngày nay, và trong khi thách đố người ta chấp nhận những tư tưởng đó thì họ bị coi như thành phần nguy hiểm cho quyền lợi được

bảo đảm bất di bất dịch. Tư tưởng của họ không dễ gì ngăn chặn nổi. Con người có thể bị bắt buộc phải thinh lặng nhưng tư tưởng thì có sức sống riêng.

Ít người trong chúng ta tự coi mình như ngôn sứ. Có lẽ chúng ta cũng chẳng bao giờ muốn làm một ngôn sứ để làm gì. Tuy nhiên, chỉ cần dẫn thân cho chân lý là trở nên ngôn sứ rồi. Chỉ một ít người được gọi để đi xa hơn, trở thành những dấu chỉ công khai của sự chống đối trong trần gian này.

Nhóm sau này là những gì chúng ta thường nghĩ tới khi nói đến những ngôn sứ. Họ gây khó chịu cho người quyền thế, và nhiều người trong nhóm họ đã phải chịu đựng đau khổ vì những nỗ lực của họ, thậm chí còn bị sát hại nữa. Chỉ cần nghĩ đến sự nghiệp của Amos, Giêrêmia, Oscar Romero... và còn biết bao ngôn sứ ngày nay dám chấp nhận thua thiệt, bị trừ dập vì dám can đảm nói lên sự thật và sống trung thực.

Tất cả chúng ta nên mong ước trở thành những ngôn sứ, không phải để thu hút sự chú ý của người khác, nhưng sự liêm khiết của chúng ta đòi buộc ta phải làm như thế ở mức độ cá nhân. Ít nhất là trong gia đình, trong công sở, hay trong vòng giao tế xã hội, chúng ta được mời gọi đứng lên bênh vực cho chính nghĩa.

Lời Chúa mang tính ngôn sứ thách đố về tự mãn của bất cứ thời đại và nền văn hóa nào. Hầu hết người ta bị cuốn hút vào trong sinh hoạt xã hội của họ đến độ không còn có khả năng đặt vấn đề về nền tảng văn hóa của xã hội mình. Hai trăm năm trước đây, ngay cả những dòng tu cũng có những nô lệ riêng. Họ cứ nghĩ đối xử với những người nô lệ cách nhân đạo thì đã là nhân đức lắm rồi. Vì bị chìm quá sâu trong văn hóa, tập tục, nên họ không có khả năng công kích chế độ vô nhân đạo ấy.

II - SỨ VỤ CỦA CÁC NGÔN SỨ

Sứ vụ của các ngôn sứ là cung cấp cái khả năng mà nhiều người không có, đó là nêu lên những vấn đề mà không ai khác có thể nêu lên. Các ngôn sứ đem lại một sự tiếp cận tươi sáng hơn với Thiên Chúa, để Lời Chúa có thể được áp dụng cho mọi hoàn cảnh hiện tại bằng những cách thức mới mẻ và sáng tạo, những cách thức có thể giúp chúng ta trung tín hơn với những gì Thiên Chúa mong muốn.

Lời Chúa kêu mời chúng ta vươn ra khỏi lối sống hiện tại, hướng về một viễn ảnh tương lai có thể đến và phải đến. Chúng ta có thể cử hành phụng vụ trong mọi thời điểm. Nếu chúng ta trung thành với những gì Thiên Chúa đã hoàn thành trong lịch sử, với những gì Thánh Thể đòi hỏi ta phải cử hành bây giờ, cũng như với những gì Thánh Thần Chúa sẽ thực hiện, thì chúng ta cần thấy rõ viễn ảnh quang lâm đó để giữ ta luôn tiên bước trên đường ngay nẻo chính. Các ngôn sứ có thể làm chuyện đó.

Không phải tất cả các ngôn sứ đều bị giết hại. Một vài vị cũng đã thành công lúc còn sinh thời. Nếu chúng ta cần một mẫu ngôn sứ đã thành công, thì hãy xét đến trường hợp của Nathan. Nathan không phải là một loại người nịnh hót, chỉ tìm cách lấy lòng những kẻ quyền thế. Quả thực, khi vua Đavít phạm tội ngoại tình với vợ của tướng Uriah, và để ém nhẹm tội của mình, vua đã phái Uriah ra vùng chiến trận dầu sôi lửa bỏng để chết tại đó, Nathan đã đối chất nhà vua vì việc làm sai trái này.

Có lẽ Nathan may mắn là đối đầu với vua Đavít. Tuy nhiên, với lý luận rất sắc bén, chỉ bằng một dụ ngôn, Nathan đã phanh phui tội ngoại tình và mưu sát của vua. Trong dụ ngôn, ngôn sứ đưa ra trường hợp của một người nghèo chỉ có duy nhất một con cừu nhưng cũng đã bị người giàu có đầy ruộng đất và gia súc cùng sống trong một thành cướp mất con vật đáng thương này. Nghe câu chuyện đó, vua Đavít nổi giận và tuyên bố người giàu có kia đáng tội chết, và buộc phải trả lại cho người nghèo gấp bốn lần.

Đây là cơ hội thuận lợi Nathan chờ đợi. Chỉ tay thẳng vào mặt Đavít, Nathan tuyên bố “Vua chính là kẻ khôn nạn đó!” Đavít đủ khiêm nhượng để nhận ra Nathan chính là người được Thiên Chúa sai đến với mình. Thay vì trừ khử con người được Chúa sai đến, vua đã nhìn nhận rằng những gì Nathan nói ra quá đúng sự thật. Nhìn nhận tội lỗi của mình, vua sẵn sàng chuộc lại lỗi lầm và thiết lập lại quan hệ với Thiên Chúa.

Ở đây, có ba yếu tố cần được nêu lên cho tất cả những ai là ngôn sứ. Yếu tố thứ nhất là có nhận thức về một điều xấu. Nathan biết Đavít đã phạm tội. Vào thời đó ở Cận Đông, các quân vương khác có thể ngủ với một bất cứ người đàn bà nào trong vương quốc của mình mà

không bị trừng phạt. Nhưng Đavít đã thiết lập Giao Ước với Giavê, cho nên những chuyện ông đã làm là điều xấu xa. Nathan rất khôn ngoan làm cho Đavít phải ý thức việc làm đó là sai trái, và nhận chính mình là tác giả của điều xấu đó.

Thứ đến, Nathan đã đưa ra một lời kêu gọi hồi tâm, ăn năn sám hối. Đavít nhìn nhận mình đã phạm tội và sẵn sàng chấp nhận hình phạt. Ông hối hận và sẵn lòng quay trở về. Hoán cải là một đòi buộc đã được Đức Giêsu nêu lên khi Ngài mời gọi chúng ta vào Nước Trời và tin vào Tin Mừng cứu độ. Yếu tố thứ hai này làm cho yếu tố thứ ba cũng là yếu tố cuối cùng có thể thực hiện được, đó là đổi mới và đào sâu sự liên hệ của chúng ta với Thiên Chúa.

Cuối cùng, mối tương quan với Thiên Chúa là điều chúng ta cần quan tâm ở đây. Chính lời của các ngôn sứ kêu gọi chúng ta phải trung tín. Để tự mình, ta dễ có khuynh hướng tự lừa dối mình, hoặc rơi vào sự mù quáng vì đã quá quen thuộc. Tiếng ngôn sứ thách thức chúng ta nghĩ lại những mối ưu tiên của ta, tự hỏi mình đang đi về đâu, và liên tục thẩm định lại giá trị các cách hành động của ta.

III - VAI TRÒ CỦA CÁC NGÔN SỨ

Phương diện ngôn sứ của lời kinh nguyện luôn nhắc nhở chúng ta rằng, với tư cách là những người theo Đức Kitô, chúng ta được mời gọi để thay đổi trần gian này, chứ không phải để cho trần gian thay đổi. Điều này bao hàm một cách suy nghĩ đặc biệt, một nỗ lực tích cực làm cho lòng trung tín được thể hiện qua cách ăn ở đượm tình bác ái. Với Walter Brueggeman, chúng ta có thể liệt kê bảy nét chính của vai trò ngôn sứ.

1- Trước hết, là khả năng đọc được các dấu chỉ của thời đại. Đức Thánh Cha Gioan XXIII đã liên kết khả năng này với công cuộc của Công Đồng Vatican II, và nói rõ khả năng này phải luôn là nét đặc thù của riêng chúng ta. Hàm ẩn ở đây là thái độ sẵn sàng và chân thành đưa ra những đánh giá khách quan trung thực về thế giới chúng ta đang sống. Đây là vấn đề đem ánh sáng Tin Mừng chiếu soi vào thực tại của vũ trụ, vào các vấn đề làm xã hội phải bức xúc. Cần phải có một nhãn quan thông suốt để nhìn thấy những gì thực sự đang xảy ra chung quanh chúng ta, để không đơn thuần bị cuốn hút theo cuộc sống bởi những mãnh lực bao quanh ta.

2- Một đòi buộc khác là phải hết sức nhạy cảm với những nỗi khổ đau chung quanh chúng ta. Mặc dầu sự dữ và bất công dường như có mặt khắp nơi, nhưng đối với nhiều người, nó vẫn chỉ là trừu tượng, không cảm thấy hiện diện thật. Hầu hết người ta không chân thành nhận thức được các nhu cầu của người khác. Trong cuốn “Race” (Chủng tộc) của Studs Terkel, một câu chuyện khá lý thú xảy ra với một người trước đây đã từng thuộc phái quá khích của nhóm Ku Klux Klan (KKK : nhóm phân biệt chủng tộc quá khích tại Hoa Kỳ). Do một sự may mắn nào đó, anh ta được đề cử vào ban lãnh đạo giao tế cộng đoàn, và lần đầu tiên trong đời, anh đối diện với những người da đen. Lần tiếp xúc đó làm anh xúc động đến nỗi con người phân biệt chủng tộc quá khích này đã trở thành một người hoạt động bảo vệ nhân quyền rất thành công.

3- Một khi đọc được các dấu chỉ thời đại cách tinh tế, chúng ta tự mình có thể thấy rõ những vấn đề đương đại. Điều này đòi hỏi một người sẵn sàng đặt vấn những cách thức sống trong thời đại và văn hóa của chúng ta, chứ không cần một tay sành sỏi trong nghề đã kích. Nhưng khôn ngoan là chúng ta nên tiếp cận tất cả cuộc sống với một liều lượng đúng mức của thái độ hoài nghi. Chúng ta cần đối kháng lại cái luật bảo thủ nại vào lý do vì “xưa nay mọi việc vẫn như vậy”! Một chút tưởng tượng cũng có thể vạch cho thấy bao nhiêu cách thức làm việc khác tốt hơn, công bình hơn, hoặc nhân đạo hơn.

Các chiều hướng thay đổi tương lai không phải là vô căn cứ. Chúng phải được tìm tòi, sau đó nghiên cứu và đặt thành kế hoạch, thực hiện và đánh giá. Nhưng đáng buồn thay, các đề nghị thay đổi thường gặp phải đối kháng hoặc do phía bảo thủ hoặc do phía bênh vực quyền lợi. Các đề nghị đó phải được minh chứng là tốt đẹp hơn, hiệu năng hơn trước khi bắt tay vào việc. Các đề nghị phải thực tế, và phải đem lại lợi ích cho ta hơn các giải pháp khác, hoặc hơn tình trạng hiện thời.

4- Phương diện thứ tư của vai trò ngôn sứ là nhằm giúp con người dần thân với lịch sử. Hầu hết mọi người cảm thấy nặng nề bởi tệ nạn quan liêu hoặc điều phi nhân nơi thương trường. Cuộc đời ngôn sứ là một cuộc sống cung cấp những phương tiện cho con người để họ cảm thấy có điều gì đó có thể làm để cho cuộc sống tốt hơn. Trong

một nghĩa nào đó, đây chính là những gì mà những cộng đoàn Kitô hữu cơ bản phải làm. Thái độ thụ động hay thái độ cam chịu số phận được thay thế bằng niềm hy vọng đích thực và lối sống dần thân tích cực của người Kitô hữu.

5- Phương diện thứ năm là óc tưởng tượng ngôn sứ phải được đặt trong tư thế phục vụ cho công lý và hòa bình. Thiên Chúa luôn ở phía người bị áp bức, vì chính người nghèo khó có quyền ưu tiên trong bất cứ việc Tin Mừng hóa nào. Chỉ khi nào kinh nguyện và phụng vụ có thể đưa chúng ta vào trong tâm điểm của cuộc chiến cho thế giới này tốt đẹp hơn, lúc đó chúng ta đang mơ cho mình một tôn giáo siêu thoát mang đôi chút tương tự với những gì Đức Giêsu đã sống và chết cho.

Ngày nay cuộc chiến chống lại bất công diễn ra dưới nhiều hình thức khác nhau. Tuy nhiên, cuối cùng sẽ không bao giờ có hòa bình, trừ phi cuộc chiến đấu cho công lý của chúng ta đặt nền tảng trên tình yêu thương. Giận dữ chỉ gây thêm giận dữ, và bạo lực sinh thêm bạo lực. Cái vòng quay của bạo lực sẽ vô tận, nếu không có nghĩa yêu thương lồng vào. Tình yêu thương trong nghĩa này chính là năng lực chữa lành duy nhất của cuộc sống. Khi từ trên thập tự, Đức Giêsu van xin : “Lạy Cha, xin tha cho họ vì họ không biết việc họ làm!” thì chính lúc đó Người đang làm một việc còn nghịch lý hơn là đưa má khác cho người ta vả. Người đã từ chối để cho sự ác thống trị, không để cho địch thủ kéo Người xuống ngang hàng với chúng. Đức Giêsu đã là một con người tự do đích thực.

6- Phương diện thứ sáu, những con người ngôn sứ cũng cần cung cấp những biểu tượng mới để giúp người ta có thể nhìn thực tại trong một cung cách mới, cho họ mơ về những gì có thể xảy ra. Tất cả chúng ta là tù nhân của các biểu tượng của mình. Người ta có thể cho Hội Thánh là một xã hội hoàn hảo nếu chỉ dựa trên mặt cơ cấu. Nhưng chúng ta có một ý nghĩa rất khác về Hội Thánh và công việc mục vụ của Hội Thánh, nếu chúng ta thấy đó như một cộng đoàn của các môn đệ hoặc như một lực lượng ngôn sứ. Thay đổi biểu tượng tức là thay đổi cách chúng ta nhận thức về thực tại.

7- Sau cùng, các ngôn sứ có khả năng nuôi dưỡng niềm hy vọng cho một tương lai mới. Sẽ có một trời mới đất mới. Trời cũ đất cũ đã qua

đi (Kh 21, 1-4). Trong những ngày đó, chính Thiên Chúa sẽ lau khô mọi giọt nước mắt. Có cả một thế giới của những việc khả thi chỉ ngoài tầm tay với của chúng ta. Như các trẻ em dính mũi vào tủ kiếng cửa hàng chiêm ngưỡng tất cả những gì chúng muốn có, thì niềm hy vọng cũng dính mũi chúng ta vào cửa sổ tương lai, và cho chúng ta thấy những gì mình được kêu gọi để trở nên.

IV – TÍNH NHẠY CẢM CỦA CÁC NGÔN SỨ

Trong cuốn “Thành Đô Của Niềm Vui” (City of Joy), Dominique Lapierre nêu lên điểm này : trong lán trại ở Calcutta, ngay nơi những người nghèo khổ nhất trong các người nghèo khổ, vẫn có một sự khác biệt giữa người Công Giáo và người theo Ấn Độ Giáo. Một cách nào đó, người Kitô hữu sống có vẻ nhẹ nhàng hơn. Một phần vì không có quan niệm cam chịu số phận như người Ấn Độ Giáo, người Công Giáo vẫn muốn làm điều gì để thay đổi và cải thiện tình trạng của họ. Họ có niềm hy vọng rằng mọi việc rồi có thể khác hơn.

Nếu để cho phụng vụ đem lại cho chúng ta sự nhạy cảm ngôn sứ, cuộc sống của ta sẽ thêm tầm quan trọng và ý nghĩa. Chúng ta sẽ nhận thấy mình có một sức mạnh rất lớn, sức mạnh phấn đấu cho điều thiện. Có nhiều cách thức đến với sự thiện hảo. Chúng ta nên tìm những cách thức hữu hiệu hơn, duy trì vững chắc các mục đích, và tìm ra những phương thức tốt nhất để thực hiện các mục đích đó.

Có một vị linh mục, khi đến giáo xứ mới, trong bài giảng đầu tiên, đã nhìn thẳng vào giáo dân và thông báo : “Tôi không đến đây để xoa dịu những kẻ đau buồn, tôi đến đây để làm bực mình những kẻ sống trong thoải mái.” Và linh mục đó đã làm như vậy. Nhưng vì giáo dân cảm thấy cha sở này đã kết án họ, đã phê phán họ trước khi tìm hiểu họ, cách làm việc của ngài đã khơi dậy một cuộc chống đối trong giáo xứ đó, và không bao lâu sau đức giám mục phải đổi ngài đi nơi khác.

Có rất nhiều người tự phong cho mình là ngôn sứ theo kiểu này. Chúng ta phải nhớ rằng tình yêu là sức mạnh cơ bản duy nhất để tạo nên sự biến đổi. Chúng ta không thể chỉ trích những người mà ta không thương mến, và chờ mong ở họ một sự đáp trả tích cực cho việc tiếp cận này của chúng ta. Bản chất của Tin Mừng đòi buộc một sự tiếp cận yêu thương. Các ngôn sứ không được bảo đảm sẽ thành

côngi, nhưng họ không phải hối tiếc vì những nỗ lực của họ, cho dù những cố gắng đó vẫn còn xa với những gì họ hy vọng đổi thay.

Giả dụ chúng ta muốn tiến bước với đôi mắt mở rộng để có thể đọc được các dấu chỉ thời đại, chúng ta nên nhạy bén đặc biệt về chuyện gì ? Những cơ hội sẽ đến với hầu hết mọi người từ nơi làm việc, từ môi trường xã hội hoặc từ trong gia đình. Chúng ta không thể hoạch định một đường lối đúng đắn có sẵn trước cho mỗi trường hợp. Nhiều tình huống khác nhau, và tất cả sẽ tùy thuộc vào khả năng của chúng ta để đọc được các dấu chỉ thời đại. Tất cả chúng ta cần ý thức hơn các hoàn cảnh mình đang sống để biết chúng ta có thể đáp trả cách nào đối với những nhu cầu hiện tại, và cách nào để đem Tin Mừng quy chiếu vào thể giới của chúng ta.

Năm 1991, Giáo Hội mừng 100 năm giáo huấn của Giáo Hội về xã hội. Khởi đầu với thông điệp “Rerum Novarum”, Đức Giáo Hoàng Lêô XIII đã gia tăng nhấn mạnh việc ứng dụng Tin Mừng trong các vấn đề xã hội. Công Đồng Vatican II đã cho chúng ta một bước ngoặt với hiến chế “Gaudium et Spes” (Vui Mừng và Hy Vọng). Các Giáo Hoàng sau này, khởi đầu với Giáo Hoàng Gioan XXIII, đã ra những thông điệp và tông huấn về các vấn đề xã hội. Các Hội Đồng Giám Mục cũng đã có những tài liệu khẳng định, ví dụ Hội Đồng Giám Mục Hoa Kỳ với tài liệu về chiến tranh hạt nhân và về kinh tế.

Từ những tài liệu này, bên cạnh các chương trình hành động cụ thể, là những chủ đề chính hoặc các nguyên tắc hướng dẫn cho hành động của người Kitô hữu trong thế giới. Chúng ta không thể cho là mình trung thành với Tiết Nhịp Thánh Lễ nếu quên khuấy đi những tài liệu đó. Chúng ta hãy liệt kê một số những nguyên tắc hành động này:

1- Chiều kích xã hội và tôn giáo của cuộc sống con người được liên kết với nhau. Xã hội không phải là một cái gì chỉ là trần tục, theo nghĩa là đứng ngoài chương trình của Thiên Chúa. Đức Tin và công bình xã hội là hai mặt của đồng tiền. Không có sự phân cách giữa tôn giáo và thực tại, giữa phụng vụ và cuộc sống. Sự thánh thiện đòi buộc việc cầu nguyện của chúng ta đưa đến kết quả trong hành động. Như Thượng Hội Đồng Giám Mục năm 1971 tuyên bố, việc cổ động cho công lý là yếu tố cơ bản của việc công bố Tin Mừng.

2- Mỗi một con người đều cùng thông chia một phẩm giá. Mọi người đều được dựng nên theo hình ảnh Thiên Chúa. Do đó mọi người đều có một vị thế trong xã hội, và có quyền được tôn trọng và bảo vệ. Về mặt này, người nghèo không phải là người thấp kém hơn người giàu có và người quyền thế. Mọi loài thọ tạo đều có một vẻ đẹp phản ánh vẻ đẹp của Thiên Chúa cho chúng ta. Do đó những chủ thuyết như trọng nam khinh nữ, phân biệt chủng tộc, tiêu thụ... chỉ là những cái gì làm phân cực, chia rẽ. Việc phân loại con người làm chúng ta không còn xem họ như những cá nhân nữa và thực sự phá hủy tính người trong họ.

3- Người Kitô hữu phải ưu tiên nghiêng về người nghèo. Đức Giêsu đã đặc biệt quan tâm đến nhu cầu và quyền lợi của người nghèo. Đó là những con người mà Ngài dường như đã hoàn toàn đồng hóa với họ. Trong nhiều nước thuộc thế giới thứ ba, việc chăm sóc cho người nghèo được các Cộng Đoàn Giáo Hội Cơ Bản đặc biệt quan tâm. Các cộng đoàn này làm cho dân chúng có thể đem cuộc sống của họ gần gũi hơn với Tin Mừng, tăng cường khả năng của họ để nhận ra phẩm giá riêng của mình và giúp họ cải tiến cuộc sống. Trong thế giới tiêu thụ ngày nay, chúng ta cần ý thức hơn lòng ham muốn lợi nhuận đưa đến việc khai thác, kìm giữ con người trong cái vòng nghèo đói không sao có thể ngóc đầu lên được.

4- Phải cố động cho công ích. Trong thời đại sùng bái cá nhân chủ nghĩa, chúng ta cần phải được nhắc nhở về tầm mức quan trọng của lợi ích chung. Con người có thể dễ dàng đạt đến sự hoàn hảo của nhân tính hơn nếu có được một nền kinh tế, văn hóa và chính trị công minh không đặc biệt phục vụ cho lợi ích riêng. Trong việc chọn lựa những chính sách, chúng ta sẽ cố gắng làm vì sự thiện hảo nhất cho số đông con người. Trong một nghĩa rất thực, chúng ta quả là những người giữ nhà cho anh chị em của mình.

5- Chúng ta chỉ là những người quản gia tài nguyên của hành tinh này. Trong bao lâu nay chúng ta đã quá theo nghĩa đen lệnh truyền trong sách Sáng Thế cho nên chỉ muốn làm sinh sôi nảy nở mặt đất và khai thác nó, chỉ muốn làm người bá chủ trên mọi thọ tạo khác. Điều này đưa đến việc chiếm cứ đất đai, cầm cố trước cả một tương lai chỉ để có được những lợi nhuận tức thời. Hệ lụy là có một sự khai

thác bóc lột trên phạm vi toàn cầu đến nỗi chỉ một phần trăm rất nhỏ số người trên hành tinh này đang nắm quyền kiểm soát phần rất lớn tài nguyên phong phú của mặt đất này. Ngày nay chúng ta phải lo âu về nhiều vấn đề : môi trường thiên nhiên bị ô nhiễm trầm trọng, các loài thú quý hiếm dần dần bị diệt chủng, hậu quả tai hại của những trận mưa, lũ lụt do việc khai thác tàn phá cây rừng vô tội vạ, đất trở nên độc hại do sử dụng thuốc diệt trùng và phân bón, vv... Chúng ta là những quản gia, và chúng ta sẽ phải trả lễ trước mặt Chúa về công việc quản lý sử dụng thiên nhiên của mình.

6- Tất cả chúng ta được liên kết với nhau ở mức độ toàn cầu. Nếu thời đại đi vào không gian cho phép chúng ta nói về mặt đất như một ngôi làng nhỏ, thì quả thực tất cả chúng ta phải liên đới với nhau như thành viên của gia đình nhân loại. Do đó chúng ta cùng nhau gánh vác trách nhiệm thúc đẩy sự phát triển và phúc lợi của mọi dân tộc trên mặt đất. Trong một nghĩa nào đó thì đây không gì khác hơn là việc nhìn nhận sự lệ thuộc chung của tất cả chúng ta vào Thiên Chúa. Ý tưởng của Liên Hiệp Quốc về một trật tự toàn cầu quả thực không chỉ là một công cuộc hài hòa chính trị, nhưng còn là một hướng đi do Thánh Thần Chúa hướng dẫn.

7- Tất cả phải tham gia vào đời sống chính trị. Người dân phải có tiếng nói trên số phận của mình. Không nên có những quyết định ảnh hưởng trên cuộc sống của hàng triệu người mà không có sự tham gia đóng góp của họ. Những người có chức quyền dễ dàng khai thác và tước đoạt quyền công dân của người thấp cổ bé miệng vì họ là những người nghèo, dân tộc thiểu số, phụ nữ, hoặc những người giáo dân trong Giáo Hội. Điều chúng ta đang tìm kiếm ở đây là sự tôn trọng sâu xa hơn phẩm giá của tất cả con dân của Thiên Chúa, chứ không phải đơn giản là một thuyết dân chủ đầu môi chót lưỡi.

8- Tất cả phải hoạt động cố võ cho hòa bình. Sau cùng, hòa bình chính là thành quả của công lý, và tùy thuộc vào một trật tự đúng đắn giữa người với người, cũng như giữa quốc gia với quốc gia. Ngày nay mầu mực trôi vượt nhất đường như quản lý các mối tương giao giữa người với người là sự cạnh tranh. Chúng ta cần tìm kiếm thêm những đường hướng hợp tác để cùng chung sống. Điều cần thiết là phải phát huy một nền đạo đức phù hợp với cuộc sống, và một sự

quan tâm sâu rộng về cách chung sống trong ngôi làng toàn cầu nếu chúng ta muốn sống còn.

Trên đây là một vài lãnh vực người Kitô hữu cần phải đặc biệt quan tâm. Nếu chúng ta cho phụng vụ là một hành động mang tính ngôn sứ, thì chúng ta sẽ nhận ra rằng ta không thể bước đi cuộc sống với đôi mắt bít kín trước những điều xấu xa tội lỗi chung quanh ta. Đúng hơn, bằng cách đọc các dấu chỉ của thời đại, chúng ta có thể nhận ra chúng ta nên sử dụng các tài năng và ân sủng như thế nào để làm cho thế giới có được các giá trị của Đức Kitô, chẳng những trong cuộc sống của mình mà còn trong xã hội ta đang sống. Khi đó chúng ta mới có thể hân hoan nhảy mừng ca khen danh Thiên Chúa khi dâng lên Người việc phụng sự như là dân của Người.

CHƯƠNG 9

TIẾT NHỊP BỒI DƯỠNG

“Họ đón hạ Ta, nhưng Ta vẫn vươn lên cao.

Ta là sự sống không bao giờ tắt lịm.

Ta sẽ sống trong anh em, nếu anh em sống trong Ta.

Ta là Chủ điệu múa”

I – Ý NGHĨA VIỆC HIỆP LỄ

Nghi thức hiệp lễ đưa phụng vụ Thánh Thể đến hồi kết thúc. Về việc hiệp lễ, chúng ta đã tiến một bước dài trong những năm qua. Cách đây không quá một trăm năm, thánh Têrêsa đã phải có phép đặc biệt của cha giải tội mới có thể được rước lễ hằng ngày. Trong khi đó các nữ tu khác trong dòng Cát Minh của Têrêsa phải tự bằng lòng với việc rước lễ mỗi tháng hoặc mỗi tuần một lần. Đã có sự nhấn mạnh quá đáng trên tình trạng bất xứng của cá nhân đến nỗi việc hiệp lễ là một biến cố hiếm hoi trong cuộc sống của nhiều người.

Mặc dù Đức Giáo Hoàng Piô X đã thành công trong cố gắng làm cho việc rước lễ thường xuyên một lần nữa trở thành một thực tại trong Hội Thánh, tuy nhiên lúc đầu việc này giữ vai trò độc lập, tách rời khỏi phụng vụ. Các tâm hồn đạo đức đã cố đến nhà thờ để kịp rước lễ trong thánh lễ trước, và ở lại thánh lễ sau để cảm tạ quà tặng này của Chúa. Cũng vì lý do đó mà thỉnh thoảng người ta cho rước lễ trước khi dâng thánh lễ. Trong các nhà thờ lớn, các linh mục tiến lên bàn thờ sau truyền phép để bắt đầu cho giáo dân rước lễ, trong khi linh mục chủ tế vẫn tiếp tục công việc trên bàn thờ. Rồi với việc chay tịnh Thánh Thể (thời đó phải giữ chay kể từ nửa đêm), bảo đảm chỉ có chừng một chục người giữa một cộng đoàn hằng trăm người có thể rước lễ mà thôi.

Công Đồng Vatican II giúp chúng ta thấy một lần nữa việc hiệp lễ là thành phần cấu tạo của phụng vụ Thánh Thể. Bánh và rượu sau khi truyền phép được ban lại cho chúng ta, như một quà tặng từ Thiên

Chúa. Thói quen chỉ truyền phép số bánh cần cho mỗi buổi cử hành Thánh Thể và việc rước lễ dưới hai hình, cũng giúp nối kết việc hiệp lễ với phụng vụ Thánh Thể như một động tác thờ phượng. Hiện nay đa số giáo dân tham dự thánh lễ đều rước lễ. Việc sử dụng các thừa tác viên Thánh Thể cũng giúp làm giảm bớt tính quá siêu thánh của việc hiệp lễ.

Tuy nhiên, về việc hiệp lễ, chúng ta vẫn chưa đạt đến thực tại cánh chung. Hiệp lễ vẫn tiếp tục bị hiểu sai, vẫn bị tách rời khỏi các phần phụng vụ và thường bị giới hạn trong một lòng sùng kính bình dân. Thực chất của vấn đề có lẽ là do nhiều người vẫn còn cho cốt lõi của hiệp lễ là một “thực tại giữa Chúa Giêsu và tôi”. Sau khi nhận quà tặng Thánh Thể, chúng ta đóng cửa lòng, tách biệt với cộng đoàn để đắm chìm trong đối thoại âm thầm với Đức Kitô. Làm như vậy là giây phút riêng tư, lòng bên lòng với Chúa Giêsu, dù có hay không sự hiện diện của hai hoặc ba ngàn người khác chung quanh thì cũng chẳng có gì khác.

Không ai chối cãi rằng chúng ta múc được sức bổ dưỡng từ Mình và Máu Đức Kitô và được hiệp thông với Người trong Thánh Thể. Trong mỗi Thánh Lễ, đã thưa “Amen” sau kinh nguyện Thánh Thể, là toàn thể cộng đoàn đã được chính Đức Giêsu nuôi dưỡng. Từ đó thành quả đương nhiên của phụng vụ Thánh Thể chính là hiệp thông. Chúa Giêsu không mời chúng ta đến bàn tiệc của Người chỉ để tấm tắc khen thức ăn trên bàn, nhưng muốn chúng ta cùng tham dự bàn tiệc của Người, ăn Mình và uống Máu Người để ta có được sự sống đích thực.

II - Ý NGHĨA CỬ CHỈ CHÀO CHÚC BÌNH AN

Đã có một chuyển hướng trong Giáo Hội, nhất là sau Công Đồng Vatican II, khi xác quyết về ý nghĩa của việc hiệp lễ và của sự sống mà chúng ta lãnh nhận. Sự chuyển hướng này được thể hiện qua cử chỉ đơn giản “chúc bình an” được thêm vào trong nghi thức phụng vụ. Ủy ban phụng vụ đã đề xuất nhiều chỗ trong thánh lễ để thêm nghi thức này vào, và tất cả những đề xuất này đều có cơ sở trong lịch sử.

Việc “hôn chúc bình an” đã có thời được đặt ở phần đầu lễ. Cử chỉ này có ý nghĩa như là cách chào chúc, đón nhận những người đến cùng nhau cầu nguyện và thờ phượng.

Cử chỉ “hôn chúc bình an” đã có thời đặt sau phần phụng vụ Lời Chúa. Nhiều nghi thức phụng vụ xưa đã đặt nghi thức này ở đây với ý nghĩa như một dấu ấn niêm trên việc công bố Tin Mừng, như một lời cam kết chung, một sự gắn thân tập thể đối với sứ điệp Tin Mừng. Vào thời còn chế độ tân tòng, cả người dự tòng và hối nhân đều được cho ra về ngay trước nghi thức này, điều đó muốn nói lên rằng họ chưa xứng đáng để nhận “cái hôn Kitô hữu tinh ròng” này. Đối với người Kitô hữu, hôn chúc bình an là một biểu hiện tính liên đới sâu vững với sứ vụ của Đức Kitô. Ngoài việc khích lệ nhau sống sứ điệp Tin Mừng như bài giảng vạch rõ, biểu hiện này còn là một đảm bảo về tính chân thành của việc cử hành. Biểu hiện này gợi lại đoạn Tin Mừng nhắc nhở chúng ta rằng khi dâng của lễ trên bàn thờ mà sự nhớ còn có ai bất bình với mình thì nên để của lễ lại và đi làm hòa với người anh em ấy đã trước khi dâng của lễ (Mt 5, 24).

Hoặc có thể đặt cử chỉ “hôn chúc bình an” này sau Thánh Lễ, như đã thấy vào đầu thế kỷ thứ IV. Vào lúc mọi người chào hỏi nhau trước khi chia tay ra khỏi nhà thờ, cử chỉ này nói lên sự đồng tình đối với tất cả những gì vừa xảy ra, và như một lời khuyến khích nhau sống trọn nghĩa những gì họ vừa cử hành.

Tuy nhiên, Ủy Ban Phụng Vụ đã chọn đặt cử chỉ này khi bắt đầu nghi thức hiệp lễ, ngay sau Kinh Lạy Cha, như đã thấy khoảng từ thời của Đức Giáo Hoàng Grêgôriô Cả. Quyết định như thế, Ủy Ban Phụng Vụ muốn nhấn mạnh đến lời cầu xin trong Kinh Lạy Cha. Chúng ta xin được tha thứ như ta cũng tha cho kẻ xúc phạm đến mình. Như vậy cử chỉ “hôn chúc bình an” được coi như việc dọn mình trực tiếp để xứng đáng rước Chúa.

Quyết định này của Ủy Ban Phụng Vụ nhấn mạnh trên ý hướng nguyên sơ. Cũng có những giai đoạn thời Giáo Hội tiên khởi, những ai không hiệp lễ thì không chúc bình an. Họ ra về, còn những người ở lại hôn chúc nhau bình an và lãnh nhận Thánh Thể.

Điều đáng buồn là trước Công Đồng, rất ít khi chúng ta thấy được cử chỉ hôn chúc bình an, chỉ trừ trong những ngày lễ trọng. Và cũng chỉ

thấy những người trên cung thánh chúc bình an cho nhau, nhưng không phải là một “cái hôn chúc bình an” chân thành của cá nhân, mà chỉ thấy một cung cách đúng mẫu mực, một cái gì hết sức hình thức mang tính máy móc nghi lễ.

Câu chuyện sau đây của một linh mục trước đây là chủ tịch Ủy Ban Phụng Vụ tại Philippines, thời nghi thức chúc bình an mới bắt đầu được áp dụng. Ngài kể lại rằng các thành viên trong ủy ban đã đi từ xứ này qua xứ khác trong cả nước cố gắng chuẩn bị cho giáo dân hiểu và đánh giá đúng mức nghi thức mới này. Sau một ngày vất vả giải thích cho các giáo lý viên và chức sắc trong giáo xứ, đến lúc phải thực hành nghi thức mới này trong thánh lễ. Khi họ đi “hôn chúc bình an” cho nhau, đó là một điều hoàn toàn mới mẻ. Vị linh mục này nhớ mình đã nói : “Và bây giờ, xin anh chị em làm một dấu chỉ chúc bình an cho những người chung quanh, theo cách nào anh chị em thấy thích hợp.” Khi quay sang chúc bình an cho những chú giúp lễ, ngài nghe một vài tiếng ào xào trong nhà thờ, rồi tiếng một ai la khóc. Chỉ sau thánh lễ, khi vào trong phòng thánh, ngài mới hay việc gì đã xảy ra.

Lúc đó, một nữ tu đến xin lỗi vì đã gây nên sự cố vừa rồi trong nhà thờ. Chị này đang ngồi cùng một băng ghế với một nữ tu khác trong cùng một cộng đoàn mà đã hai năm nay chị không thêm nói chuyện. Khi linh mục mời chúc bình an cho nhau, chị cảm thấy mình không thể làm được chuyện đó với nữ tu kia, nên đã bỏ đi lên mấy dãy ghế phía trên. Và chính người nữ tu còn ở lại trong hàng ghế đã khóc lên. Vị linh mục chỉ đơn giản đặt câu hỏi : “Thế mà tại sao chị vẫn ngang nhiên lên rước Chúa ?” Một câu hỏi hết sức quan trọng !

III- HIỆP LỄ LÀ MỘT HÀNH ĐỘNG DẤN THÂN LIÊN ĐỐI

Hiệp lễ còn có ý nghĩa gì, khi chúng ta sống xa cách lạnh lùng và ghét bỏ người khác. Hiệp lễ là một hành động dấn thân liên đới chặt chẽ với toàn thể cộng đoàn. Thế nhưng chỉ có vài lời nguyện Hiệp Lễ chúng ta thấy trong các sách lễ hoặc các sách kinh cũng cố cho sự thật này. Ngay chính ngôn ngữ cũng phản bội chúng ta. Chúng ta thường dùng từ “chịu lễ” hoặc lên “rước lễ” chứ ít dùng từ “hiệp lễ”. Làm như thế việc rước Chúa chỉ là một việc đạo đức cá nhân, chứ không phải là một quà tặng Thiên Chúa ban cho tất cả Dân Chúa qui

tụ lại với nhau hoàn toàn như những thành viên của một gia đình. Hiệp lễ là việc cùng nhau thông chia hồng ân đó, và chính hồng ân đó, một cách nhiệm mầu, kết liên tất cả mọi người lại với nhau.

Hai chi tiết liên quan đến nghi thức hiệp lễ có thể đã làm “tư nhân hóa” việc hiệp lễ. Chi tiết đầu tiên là nghi thức bẻ bánh ra để phân phối cho cộng đoàn đã biến mất. Các lời kinh trong khi bẻ bánh nói lên cách hùng hồn tính hiệp nhất của cộng đoàn. Các lời kinh này thúc bách chúng ta phải trở nên một, cũng như chiếc bánh được làm thành bởi nhiều hạt lúa, hoặc rượu được ép bởi nhiều trái nho. Nếu bánh rượu đã có thể trở thành Thân Mình của Đức Kitô thì chúng ta cũng sẽ trở nên Thân Mình đích thực của Người khi chia sẻ với anh chị em mình.

Về sau, lòng đạo đức đã thêm hai lời nguyện dành cho linh mục chủ tế, và bây giờ vẫn còn trong nghi thức. Chủ tế được lựa chọn đọc một trong hai. Vì có nhiều chủ tế đọc lớn tiếng lời nguyện này (đây là một điều không đúng), nên nhiều người Công Giáo đã rất quen thuộc với các lời nguyện thầm đó. Lời nguyện thứ nhất xin thoát khỏi tội lỗi và được trung thành với giáo huấn của Đức Kitô. Lời nguyện thứ hai xin cho việc rước Chúa đừng trở nên án phạt, nhưng nên lương thực dưỡng nuôi linh hồn và thể xác. Xét riêng từng lời nguyện, ta thấy cả hai đều mang tính rất cá nhân. Ích lợi hơn nếu chúng ta được nghe lời cầu nguyện về việc trở nên một với tất cả những chi thể khác của Thân Mình Đức Kitô.

Việc kết hợp cá nhân với Đức Giêsu là điều quan yếu đối với cuộc sống người Kitô hữu có chiều sâu, nhưng một sự kết hợp như vậy vẫn rất thiếu sót nếu không liên kết được với toàn thể Đức Kitô Phục Sinh. Hiệp thông với Đức Giêsu là sự hiệp thông với Thân Mình và toàn thể các chi thể của Người. Chúng ta không thể tự ý giới hạn số anh chị em mà chính Đức Giêsu đã tuyển chọn. Sự Hiệp Thông của chúng ta không chỉ đơn thuần là hiệp thông với Chúa Phục Sinh, nhưng còn với toàn Thân Mình Người. Đây mới là trở nên một, là sự hiệp nhất [koinonia] mà Đức Giêsu đã cầu nguyện trong đêm trước khi chịu nạn.

Chúng ta hiểu sai ý nghĩa của việc hiệp lễ nếu tiến lên bàn thánh với đôi tay rộng mở chỉ để nhận lấy. Đức Giêsu trao ban chính bản thân

Người cho chúng ta để ta có một cái gì đó xứng đáng chia sẻ lại với nhau. Tiết nhíp nuôi dưỡng không nhấn mạnh nhiều trên việc chúng ta được bồi dưỡng, nhưng trên việc chúng ta được tăng sức để dưỡng nuôi nhau, để trở nên một cộng đoàn nuôi dưỡng nhau. Hiệp Lễ phải đưa đến việc nuôi dưỡng nhau thực sự trong yêu thương, công lý và an bình. Phụng vụ Thánh Thể chỉ có ý nghĩa khi làm cho Giáo Hội cảm nhận sâu hơn yếu tố hiệp thông và ý nghĩa thực sự của Thân Mình Đức Kitô.

Đáp tiếng “Amen” khi thừa tác viên trao Mình Thánh Chúa cho chúng ta không chỉ đơn giản là một hành động tin thật Đức Giêsu hiện diện trong hình bánh và rượu, nhưng còn là một thái độ dần thân liên đới với tất cả những gì Đức Giêsu là và đại diện cho. Lời thưa “Amen” này đòi hỏi ta trở thành một thành phần trung tín hơn của Thân Mình Người khi chúng ta làm cho tình yêu và lòng thương cảm của Người nhập thể trong thế giới hôm nay. Tất cả những hành động này chúng ta không làm với những bạn bè lành thánh, nhưng với những bằng hữu tội lỗi của chúng ta.

IV – BẢN CHẤT ĐÍCH THỰC CỦA GIÁO HỘI

Trong nhiều năm trường, Giáo Hội đã đấu tranh với hai quan niệm khác nhau để xác định bản chất thực của Giáo Hội là gì. Luôn luôn có cám dỗ cho rằng chúng ta thuộc về một Giáo Hội của những người hoàn hảo, và những ai là người tội lỗi phải bị khai trừ để họ nhận ra mặt xấu xa trong cách sống của họ. Từ đó chúng ta áp dụng vạ tuyệt thông và thậm chí sẵn sàng có những biện pháp chế tài để ép buộc người ta phải theo. Đến nay chúng ta vẫn nhấn mạnh rằng những người ở trong tình trạng tội không được lên bàn thánh để rước Chúa.

Tuy nhiên, chúng ta nhận thấy rõ ràng các sách Tin Mừng đều nhấn mạnh tới việc Thiên Chúa giang tay đón người tội lỗi. Chúng ta đã đọc dụ ngôn về mẻ lưới được quăng xuống biển và bắt đủ mọi loại cá, hoặc dụ ngôn về cỏ lùng mọc lan trong ruộng lúa mà chủ ruộng chỉ sàng lọc khi tới mùa gặt. Giáo Hội là và sẽ vẫn là “một cái giỏ đựng đủ loại”. Tất cả chúng ta đều là những người bất toàn, là người tội lỗi. Nhưng đó là một hồng phúc vì nhờ đó mà ta càng cảm nhận được tình yêu thứ tha vô điều kiện, vô bờ bến của Thiên Chúa.

Có một cái gì ngạo mạn khi cho rằng chúng ta thuộc về Giáo Hội của những người hoàn hảo. Chính quan niệm này làm nhiều người hãnh diện xếp hàng lên rước Chúa, và khinh khi nhìn những người vẫn còn ngồi lại trong các hàng ghế không lên rước lễ, tự cho rằng mình tốt lành hơn những người anh em tội lỗi bị bỏ lại đằng sau. Có một điều gì đó sai trái khi chúng ta xét đoán bất cứ một ai như thế. Không ai trong chúng ta sẽ bị phán xét trên cùng một mức độ như người anh em chúng ta. Làm sao người ta có thể dùng tiêu chuẩn đạo đức chủ quan nào đó để tự cho rằng mình là một trong những kẻ công chính, và đặt người khác trong hàng ngũ những người bất chính ? Chúng ta đã có đủ thời gian để thẩm định giá trị và trung tín với những hồng ân và tài năng Thiên Chúa ban cho mỗi người. Vì thế, tiêu chuẩn cuối cùng phán xét chúng ta là những hồng ân và tài năng của chính chúng ta, chứ không phải của người khác. Chúng ta sẽ bị phán xét theo cách chúng ta đáp ứng như thế nào đối với những gì đã nhận được từ Thiên Chúa.

Sự hiểu biết của chúng ta về tội không tương xứng chút nào. Một bản xét mình với những câu hỏi tỉ mỉ trên các giới răn (nhất là giới răn thứ sáu) chiếm số lượng nhiều đủ để làm thỏa mãn những lương tâm bồi rối nhất. Nhưng lại không có một câu hỏi nào đề cập đến vấn đề bất công xã hội. Không có một cái gì mang tính cách thực tế đề cập đến những việc mà mình đã bỏ qua không làm, những thiếu sót của người tín hữu trong việc ứng dụng đức tin vào cuộc sống mà Đức Kitô muốn cho chúng ta làm. Tội được xét như một thực thể thuộc diện cá nhân, nhưng trên bình diện cơ cấu xã hội của sự tội thì không ai đề cập đến. Chúng ta không thấy có điều gì bất thường với nào trạng cho phép ta loại trừ những ai đã li dị và tái giá không được rước lễ, trong khi đó lại mời lên bàn thờ những ông vua kỹ nghệ có thể là những người mánh mung mờ ám, gây biết bao thiệt hại cho người khác, hoặc những người tai to mắt lớn, những tay đại gia với những tội ác ít khi bị phanh phui sao ? Tại sao chúng ta có sự lựa chọn như vậy về những gì chúng ta cho là tội ?

Nếu chúng ta thực sự là những người được Chúa dưỡng nuôi, thì một trong những điều kiện cần thiết là chúng ta phải nhìn nhận sự bất xứng của mình, và rất cần được bánh của Đức Kitô nuôi dưỡng.

Thực ra cộng đoàn Kitô hữu không phải là nơi bất thường mới có những người đói khát thiếu thốn. Trái lại, đói khát, cần được nuôi ăn, là những nét đặc thù của chúng ta! Chúng ta là dân tội lỗi và khách lữ hành mà ! Và còn có hai điều kiện khác nữa mà chúng ta cần phải hội đủ nếu chúng ta thực sự muốn trở thành một Giáo Hội dưỡng nuôi.

1- Điều kiện thứ nhất là chúng ta phải biết ý nghĩa của việc dưỡng nuôi nhau. Điều kiện này tương đối dễ. Qua nhiều thế kỷ, Giáo Hội từng được biết đến nhiều qua các công việc bác ái từ thiện. Nuôi dưỡng kẻ đói nghèo đã là nét đặc trưng của Giáo Hội từ thuở ban đầu. Ngay trong những câu ngắn gọn của sách Công Vụ (2,42 tt và 4,32 tt), chúng ta thấy nhấn mạnh trên sự kiện trong cộng đoàn không ai là người nghèo, vì người ta thường bán đi những gì họ có để chăm lo cho người khác.

Trải qua bao thời đại, vô số bệnh viện, trường học, và những dịch vụ xã hội tiêu tốn rất nhiều, đã làm nổi bật các cố gắng của Giáo Hội trong việc chăm lo cho người khác. Dù có thể để công việc này cho người khác làm, nhưng chúng ta cũng phải nhìn nhận tầm mức quan trọng của nó, và biết ơn những ai đó đang làm công việc tốt lành này. Cố gắng của riêng chúng ta quan tâm đến người hàng xóm, người bệnh nằm bên vệ đường, hoặc những người chúng ta tiếp cận trong cộng đồng ăn việc làm, có thể rất tầm thường, nhưng tất cả mọi cố gắng đó đều tốt lành. Cho ai một ly nước lạnh vì danh Đức Kitô vẫn là một việc mang nhiều giá trị.

Hơn nữa, tất cả chúng ta cần phải chú ý đến nhu cầu và nỗi khổ của người khác, phải đến với những người hình như không có ai chăm sóc lo lắng cho họ. Biết bao nhiêu người bị lãng quên trong thế giới này ! Những người mặc dầu chúng ta đi ngang qua họ mỗi ngày mà không nhận ra họ. Trong lúc rước Chúa, chúng ta cầu xin cho mình có tầm mắt rộng mở hơn để thấy được những gì thế giới này đang thiếu.

2 - Điều kiện thứ hai khó hơn điều kiện thứ nhất. Để có thể chăm sóc tốt cho người khác, chúng ta cũng phải biết họ cần được nuôi dưỡng những gì. Chúng ta thích sẵn sàng đưa tay cứu giúp người khác hơn là nhìn nhận mình đang cần được cứu giúp. Nhìn nhận là mình cần được cứu giúp tức là nói lên sự tùy thuộc, sự bất lực của mình, điều

mà chúng ta không bao giờ muốn. Thấy mình rất hạnh phúc nếu Đức Giêsu đã nuôi dưỡng chúng ta từ cây thập giá, nhưng nếu Người muốn nuôi chúng ta qua người khác thì ta thường coi đó như một sự làm giảm giá trị của mình.

Tất cả chúng ta là những người chữa lành cho người khác trong khi mình vẫn còn đang mang thương tích. Khi ý thức được sự yếu đuối của chính mình, chúng ta có thể dễ dàng thông cảm và nâng đỡ sự yếu đuối của người khác hơn.

Cả hai điều kiện này đều rất cần thiết nếu chúng ta thực sự là những người được Thánh Thể nuôi dưỡng. Tin Mừng theo thánh Gioan không có trình thuật nào về việc rước lễ hoặc việc thiết lập Bí Tích Thánh Thể. Điều này hầu chắc là vì vào cuối thế kỷ thứ nhất, thánh Gioan đã ý thức các vấn đề thực tế liên quan đến việc cử hành Thánh Thể. Dù chúng ta đã cử hành nhiều buổi phụng vụ, đã bao nhiêu lần rước Chúa, nhưng tình yêu tích cực trao ban chính mình của Thiên Chúa vẫn chưa trở thành một thực tại trong cuộc sống của chúng ta. Thánh Gioan cho rằng điều cần thiết là phải nhấn mạnh trên việc rửa chân vào bữa ăn cuối cùng với một lệnh truyền gãy gọn : “Thầy đã làm gương cho các con ... đó là điều các con phải làm cho nhau.”

Chúng ta chưa bao giờ thử đem nghi thức rửa chân này vào phụng vụ Thánh Thể, trừ Thứ Năm Tuần Thánh. Nhưng hành động của Đức Giêsu vượt xa mọi nghi thức. Điều truyền dạy phải noi gương Người sẽ có ý nghĩa hơn khi chúng ta sẵn lòng thực hiện ngay cả những công việc phục vụ hèn hạ nhất cho nhau. Hành động của Người dạy cho chúng ta rằng càng được tràn đầy và biến đổi bởi tình yêu trao ban của Đức Giêsu Kitô bao nhiêu, thì chúng ta càng phải sống tình yêu trao ban đó như vậy đối với nhau.

Như Phêrô, chúng ta cũng nhận thấy cần phải rửa sạch toàn diện con người mình. Những hành động của Chúa Giêsu biểu trưng sự thay đổi toàn diện phải xảy ra trong cách suy nghĩ của chúng ta, cần phải lột bỏ mọi giá trị trần gian để sống như Người đã sống. Cuộc sống của Đức Giêsu là cuộc sống tràn đầy quyền năng Chúa Thánh Thần, quan tâm đến người nghèo khó, và mong ước giải thoát những ai đang ở dưới ách nô lệ. Đó là cuộc sống dẫn thân hoàn toàn để trở

thành nguồn suối của lòng nhân hậu và xót thương tuôn chảy trong trần gian.

Có lẽ chúng ta sẽ không bao giờ đạt điều này trừ phi một lần nữa chúng ta ăn bánh của sự hiệp thông thực sự và uống đích thực chén máu của Đức Kitô. Rước lễ dưới hai hình, một thành tố cốt yếu và quan trọng của dấu chỉ, có thể thúc bách giáo dân mãnh liệt hơn do bởi nhận thức rằng thực chất của việc hiệp lễ còn phong phú hơn ta tưởng trước đây. Đức Giêsu cho chúng ta vượt xa hơn cái mà ta có thể nhai. Cho dù được trao ban cho mỗi cá nhân, nhưng bàn tiệc này là của cả cộng đoàn, một cộng đoàn phải được biến đổi do việc cử hành Thánh Thể.

Các Giáo Phụ Giáo Hội Đông Phương thường liên kết việc nhận lãnh Máu Đức Kitô với hành động của Chúa Thánh Thần. Chính Chúa Thánh Thần làm cho máu trở thành quà tặng sự sống, và làm cho chúng ta có thể kết liên với toàn thể thân mình Đức Kitô trong một sự sống và tình yêu duy nhất. Điều này cụ thể và sản sinh ra sự sống hơn là chỉ nói đơn thuần rằng chúng ta được có thêm ân sủng !

Ân sủng, một quan niệm quá chung chung ! Đúng hơn, phải thấy được rằng hiệp lễ làm chúng ta trở nên một với chính Đức Kitô trong một cuộc sống hiệp nhất yêu thương thực sự như chính cuộc sống của Chúa Cha, Chúa Con và Chúa Thánh Thần. Hiệp lễ còn đập vỡ mọi rào cản phân cách chúng ta với nhau. Tất cả chúng ta đều thông chia cùng một sự sống. Như một bài hát nào đó nhắc nhở chúng ta, Đức Giêsu sẽ sống trong ta nếu ta muốn sống trong Người, trong toàn thân Đức Kitô, với đầu và tất cả các chi thể. Người chính là Chủ của điệu vũ.

Thánh Phaolô nói : “Tất cả chúng ta đều đã chịu Phép Rửa trong cùng một Thần Khí để trở nên một thân thể. Tất cả chúng ta đều được tràn đầy cùng một Thần Khí duy nhất. Thân Thể gồm nhiều bộ phận chứ không chỉ có một” (1Cr 12,13). Ước gì việc hiệp lễ làm chúng ta được dồi dào Thần Khí của Đức Kitô và ngập tràn sức sống mới của Ba Ngôi Thiên Chúa. Rồi khi có thể nhận ra rằng bánh và rượu chúng ta dâng lên đã được thay đổi và biến thể, chúng ta sẽ có thể nhìn anh chị em chung quanh với đôi mắt khác, và thấy được qua bức màn che, khuôn mặt của chính Đức Kitô trong họ.

CHƯƠNG 10

VỚI ĐÔI TAY RỘNG MỞ : DẪN THÂN

“Bấy giờ thanh nữ sẽ vui ca nhảy múa
Mọi người già trẻ sẽ mừng vui.
Ta sẽ đổi tang tóc thành hoan lạc, ủi an
và dẫn chúng từ sâu muộn đến niềm vui
Và dân Ta sẽ no đầy phúc lộc.”

(Gr 31, 13-14)

I - CHIA SẺ LÀ BẢN CHẤT CỦA THÁNH THỂ

Một linh mục làm việc mục vụ ở Philippines chia sẻ câu chuyện sống động sau : Khi còn phụ trách một nhà thờ tại Manila, ngày kia tôi xuống phố, tình cờ gặp hai bé gái bụi đời khoảng bảy và chín tuổi. Chúng là hai chị em. Mái nhà của chúng là con hẻm nhỏ giữa hai cao ốc văn phòng. Tôi được biết chúng là hai đứa trẻ của một gia đình đông con, không có cha nuôi dưỡng. Có lẽ vì thế chúng luôn sát cánh bên nhau, và sung sướng khi có người quan tâm đến. Trên đường đến tiệm thuốc tây, tôi đề nghị hai em cùng đi với tôi.

May cho tôi là tiền thuốc không mất như tôi tưởng, sau khi trả tiền thuốc cho hai em, tôi còn được ít tiền lẻ. Tôi cho hai em chọn lựa : “Hai con thích kem hay táo ?” Táo giá khoảng 35 xu, chỉ bằng phân nửa tiền kem. Mắt hai em sáng lên và đồng thanh nói : “Tụi con chọn táo!” Có lẽ chúng chưa bao giờ được ăn trọn vẹn một trái táo.

Tôi mua cho hai em mỗi đứa một trái táo lớn thật ngon. Chúng cầm lấy món quà, và trên đường trở về nhà thờ, chúng sung sướng ngắm nhìn hai trái táo. Một lúc sau tôi hỏi : “Sao tụi con không ăn táo đi ?” Câu trả lời của hai em làm tôi sửng sốt : “Không, chúng con không ăn bây giờ. Chúng con sẽ đem về chia cho anh chị em trong nhà.” Ở trường học chúng, có lẽ tôi đã bị cám dỗ ăn ngay quả táo và không nói gì khi về nhà. Hai em thấy rằng chia sẻ cho người khác không phải là một gánh nặng, nhưng là một dịp hiếm có, một đặc ân, một

niềm vui. Hai đứa trẻ bụi đời này hiểu biết về ý nghĩa của việc chia sẻ và Thánh Thể nhiều hơn tôi.

Đây là cách chia sẻ Đức Giêsu muốn chúng ta phải có. Chia sẻ chính là bản chất của Thánh Thể. Đức Giêsu không chỉ chia sẻ chính mình Người cho chúng ta, nhưng còn nêu gương và ban cho chúng ta sức can trường để chia sẻ cho nhau. Thánh Thể là phương thức Đức Kitô tiếp tục nuôi dưỡng Giáo Hội. Nếu chúng ta muốn thấy Thánh Thể phải được sống như thế nào trong đời sống thực tế, không gì tốt hơn là chúng ta suy nghĩ về mẫu sống phản ánh trong những câu chuyện “bánh hóa nhiều” trong các sách Tin Mừng. Những câu chuyện này đã thu hút sự chú ý của các nhà chú giải trong nhiều thế kỷ, đặc biệt là vì ngôn ngữ mang tính phụng vụ Thánh Thể rõ ràng của các trình thuật đó. Chúng ta đọc thấy Đức Giêsu cầm lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra, và phân chia cho dân chúng. Đây là âm vang trung thực nhất của việc truyền phép trong Thánh Lễ. Rõ ràng là có một sự chủ tâm như thế.

Không phải tất cả các tác giả sách Tin Mừng đều thuật lại câu chuyện đó như thánh Gioan. Trong sách Tin Mừng của Gioan, Đức Giêsu chỉ đơn giản cầm lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra và tự mình phân chia. Theo cách của Gioan, thì mọi tác nhân trung gian đều bị xóa mờ. Các môn đệ chỉ làm một việc là thu lượm các vụn bánh còn thừa.

Tuy nhiên, ba tác giả Tin Mừng Nhất Lãm tường thuật những câu chuyện này hơi khác. Sự biến đổi mang nặng ý nghĩa. Ví dụ chúng ta đọc trong Marcô 6,41, sau khi tạ ơn và bẻ bánh ra, Đức Giêsu trao cho các môn đệ để phân phát. Đây là sự việc tiếp theo sau khi các môn đệ tỏ ra chống đối lệnh truyền trước đó của Người là hãy cho dân chúng ăn (6,37). Vai trò của các môn đệ rất cần thiết cho công việc này. Ngày nay, Bánh của Đức Kitô, khả năng nuôi dưỡng của Người, được phân phối chủ yếu qua trung gian các môn đệ. Họ mà trẻ nãi thì dân chúng sẽ bị đói.

Đó là lý do tại sao các sách Tin Mừng đều liên kết phép lạ “bánh hóa nhiều” với Thánh Thể. Đây là bữa ăn quan trọng nhất của Đức Giêsu. Ngoài bữa ăn cuối cùng, đây là bữa ăn độc nhất mà tất cả bốn sách Tin Mừng đều nhắc đến. Thậm chí trong Marcô và Mathêu, câu chuyện này còn được nhắc đến hai lần. Rất ít khi có những sự kiện được nhắc đến cách trọn vẹn như thế trong các sách Tin Mừng. Hầu

chắc là, đối với các tác giả sách Tin Mừng, lòng thương cảm và thái độ quan tâm đến thân phận với người khác biểu lộ trong biến cố này là trọng tâm nói lên bản chất đời sống Kitô hữu.

Câu chuyện này cũng cho thấy sự tương phản giữa Đức Giêsu và bản thân chúng ta. Khi thấy dân chúng đói, tác giả Tin Mừng nói cho chúng ta biết rằng Người xúc động và chạnh lòng cảm thương dân. Các môn đệ thì trái lại, tuy có bị xúc động nhưng lại hơi khó chịu vì ý nghĩ phải chia bớt phần lương thực ít ỏi của họ. Giải pháp của họ đối với những người đói mà họ đang trông thấy là giải tán đám đông này đi. Mặc dù biện pháp này không thỏa mãn được cơn đói của bất cứ ai, nhưng ít ra cũng tránh được tình trạng khó xử để có một “khoảng cách an toàn”, nghĩa là để ta không phải chứng kiến cảnh thương tâm đó mà đau đớn lòng nữa, và tưởng rằng nó không hiện hữu. Cách mặt, xa lòng! Bịt mắt trước một vấn đề khó khăn rồi chúng ta giả bộ như không có vấn đề đó xảy ra!

Từ câu chuyện này, có thể rút ra được bài học cho chúng ta ngày nay. Đó là việc nuôi ăn được bắt rễ sâu trong lòng thương cảm của Thiên Chúa. Đúng hơn có thể nói rằng việc đó có cội nguồn từ sự kiện Thiên Chúa chính là lòng thương xót. Thánh Gioan nói Thiên Chúa là tình yêu, và ai ở trong tình yêu thì ở trong Thiên Chúa (1Ga 4, 16). Đây là lý do Thiên Chúa ở trong chúng ta. Bức thư của Gioan còn thêm rằng : “Nếu ai nói tôi yêu mến Thiên Chúa mà lại ghét anh em mình, người ấy là kẻ nói dối. Vì ai không yêu thương người anh em mà họ trông thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà họ không trông thấy” (4, 20).

II - TÌNH YÊU, LÒNG NHÂN HẬU VÀ THƯƠNG XỐT

Tình yêu của của Thiên Chúa là chủ đề xuyên suốt trong diễn từ biệt ly, sau bữa ăn cuối cùng. Điều răn mới Đức Giêsu để lại cho các môn đệ được đặt nền tảng cách đơn giản và gói gọn trên tình yêu của Người, một tình yêu từ nay trở đi là đặc tính của tất cả các môn đệ (xem Ga13,34-35; 15,11-17). Tình yêu, lòng nhân hậu và thương xót được trình bày cho chúng ta như các đặc tính trỗi vượt của Thiên Chúa. Đó là những nét phải được phản chiếu trong cách sống của tất cả những ai đã cảm nghiệm được tình yêu đó.

Trong Tin Mừng dường như chúng ta không nghe Đức Giêsu dạy phải thánh thiện như Thiên Chúa là Đấng Thánh, cho dù đây là lệnh truyền đã được lặp đi lặp lại 12 lần trong Luật Torah (Luật Do Thái). Sự thánh thiện của Thiên Chúa là một đề tài chính yếu trong Kinh Thánh. Tuy nhiên, sự thánh thiện như thế không phải là một chủ đề trong tất cả các sách Tin Mừng. Chỉ có một lần, trong Gioan 17,11, Đức Giêsu đề cập đến sự thánh thiện của Thiên Chúa. Nói cách khác, Tin Mừng thường dạy chúng ta noi gương lòng nhân hậu và thương xót của Thiên Chúa. Quả thế, trong Tin Mừng, các môn đệ của Đức Giêsu phải thực hiện cho được lòng nhân hậu và thương xót thay thế cho sự thánh thiện.

Trọng tâm đường lối đạo đức của Đức Giêsu là việc noi gương Thiên Chúa. Nội dung và ý hướng các hành động của Thiên Chúa nhắm đến là xác định cách thức chúng ta nên đối xử thế nào trong tương quan với nhau. Trong Matthêu 18, 23-35, dụ ngôn về tên đầy tớ không có lòng thương xót đặc biệt dạy cho chúng ta biết cách sống của con cái Chúa phải như thế nào. Chúng ta đã cảm nghiệm được lòng xót thương của Thiên Chúa trong chính bản thân mình, thì cũng phải lấy lòng thương xót đó mà đối xử với anh em và định hướng cuộc sống của mình.

Trong Matthêu cũng như trong Luca, đạo lý về lòng xót thương đặt trên nền tảng vì Cha trên Trời là Đấng đầy lòng thương xót (xem Mt 5, 38-48; Lc 6,27-36). Lòng xót thương của Thiên Chúa, một lòng xót thương tràn đầy yêu thương, chính là nét đặc thù của dân Chúa. Cảnh phán xét cuối cùng trong Tin Mừng theo Thánh Matthêu (25,31-46) làm nổi bật tư tưởng là chỉ khi nào con tim của ta xúc động trước nhu cầu và nỗi khổ đau của người khác, thì ta mới được xét là xứng đáng vào Nước Trời.

Khả năng để có thể chia sẻ nơi bàn tiệc của Chúa và để cảm nghiệm tình yêu Đức Kitô đối với chúng ta tuy mang tính cá nhân, nhưng phải trở thành lời nhắc nhở thường xuyên rằng những ân huệ này phải được chia sẻ cho nhau. Cuộc sống người Kitô hữu là một cuộc sống quan tâm lẫn nhau. Người Kitô hữu là người biết quan tâm lo lắng cho người khác. Sự quan tâm và lòng yêu thương đó phải là

yếu tố phân biệt chúng ta với những người chưa cảm nếm được tình yêu của Thiên Chúa.

Trong sách Công Vụ, tác giả mô tả tính độc đáo của Giáo Hội sơ khai, khi cho ta thấy cảnh những “tân tòng” đầu tiên hiện diện trong ngày lễ Ngũ Tuần. Họ đã đáp trả lời kêu gọi của Phêrô bằng một cuộc đổi đời, và chấp nhận lãnh phép rửa để bước vào cuộc sống mới. Từ đó nét độc đáo của họ là có thể ra đi làm chứng như các tông đồ, cũng như cầu nguyện, tham dự phụng vụ Thánh Thể. Họ làm chứng bằng cách sống sâu thẳm nghĩa tình anh em, ngay cả việc để tất cả mọi sự làm của chung, vì họ biết quan tâm đến nhu cầu người khác (Cv 2,42-47).

III - NGHĨA TÌNH ANH EM, HIỆP THÔNG VÀ THÁNH THỂ

Nghĩa tình anh em, hiệp thông (koinonia) và thánh thể là những thực tại cùng cố hỗ trợ lẫn nhau. Việc này kéo theo việc khác, tăng cường cho nhau. Ngược lại, sự vắng mặt hay sự yếu đuối của người này ảnh hưởng bất lợi trên người kia. Trong khi rước lễ, tất cả chúng ta đều nhận từ Đức Kitô. Những người thông dự Thánh Thể phải là những người biết quan tâm lẫn nhau. Nhưng trong thực tế làm thế nào để thể hiện sự quan tâm đó ? Về điều này, chúng ta có thể kiểm điểm lương tâm mình trên ba vòng khép kín sau đây. Vòng tâm điểm thứ nhất là về các liên hệ của chúng ta đối với gia đình và bạn hữu. Vòng kế tiếp là những người chúng ta thường gặp, những người chúng ta có trách nhiệm trong xứ đạo, đoàn thể, cơ quan xí nghiệp và trong xã hội dân sự của ta. Vòng thứ ba là liên hệ của chúng ta đối với những người khác ở phạm vi rộng lớn hơn trong thế giới ta đang sống. Mỗi người trong ba loại trên đều xứng đáng được chúng ta quan tâm.

1- Vòng tâm điểm thứ nhất. Đó là các liên hệ của chúng ta đối với gia đình và bạn hữu, lạ lùng thay, có thể nổi cộm lên nhiều khó khăn nhất. Đôi khi chúng ta cảm thấy dễ dàng thương cảm, quan tâm đến người ngoài, hơn là với những người trong vòng gia đình mình. Chúng ta đầu tư tình cảm quá nhiều cho gia đình mình nên chi rất khó mà có thái độ khách quan. Vì đặt quá nhiều kỳ vọng vào những thành viên trong gia đình cho nên khi có sự va chạm hoặc xích mích gây khổ đau cho nhau, chúng ta không đo lường được mức độ nặng

nề của sự cố đến nỗi thường thường sự thông cảm, hòa giải và tha thứ xem ra là một việc không thể có được.

Xã hội làm đầy ắp tâm hồn chúng ta những kỳ vọng sai lầm đặt nơi người khác. Chúng ta thường có xu hướng tin vào những câu hát cho rằng những người khác ở đó “đề thấp sáng cuộc đời chúng ta”, mà không ý thức rằng điều đó cũng có mặt trái của nó. Người khác cũng có thể, và thường làm đen tối cuộc đời của ta. Nhưng nếu không chống lại cơn cám dỗ chỉ thấy những điều xấu hơn là điều tốt nơi người khác, thì chúng ta khó tránh được những khó khăn thảm họa.

Một văn sĩ đã viết cách rất thuyết phục về “mâu nhiệm sự dữ gây nên bởi những người tốt.” Không nơi nào phơi bày rõ thực tế này bằng khung cảnh gia đình. Biết bao nhiêu sự chênh lệch và lạm dụng mà con cái phải gánh chịu. Biết bao nhiêu cuộc hôn nhân không hạnh phúc hoặc kết thúc bằng việc ly dị. Biết bao nhiêu hận thù xảy ra giữa các thành viên trong gia đình. Chừng đó cũng đủ để minh chứng rằng cần thiết phải có một chương trình mục vụ gia đình cụ thể liên tục. Đây là lãnh vực đầu tiên chúng ta phải quan tâm.

Cội nguồn của vấn đề đó là tính ích kỷ. Chúng ta trông chờ người khác làm cho ta cảm thấy dễ chịu. Nhưng khi người khác không đo lường và không đáp ứng được sự trông chờ này, chúng ta liền bắt đầu có những giọng trách móc (dĩ nhiên là không bao giờ chúng ta tự trách cứ mình). Càng nghĩ về những điều này, chúng ta càng cảm thấy khó chịu hơn, cho đến lúc ta bắt đầu vạch mặt chỉ tên được điều sai trái nơi người khác. Tuy nhiên, điều thường thấy ở đây là sự thiếu đối thoại cởi mở, chúng ta chỉ biết nói bóng nói gió. Chúng ta đánh mất khả năng lắng nghe người khác (chỉ vì chúng ta thực sự không quan tâm đến họ).

Để tránh điều tệ hại này, chúng ta phải nỗ lực ý thức việc cần phải gia tăng tình yêu và tôn trọng giá trị của nhau giữa các thành viên trong gia đình. Dĩ nhiên ý thức của chúng ta cũng phải được thể hiện qua hành động mở lòng đến với người khác. Điều này đòi hỏi chúng ta phải xem xét kỹ lưỡng mọi hành động của mình coi đã thực sự là một sự hiến dâng cuộc đời cho người khác hay chưa. Nói chuyện và đối thoại với người khác phải nhằm mục đích củng cố cho sự cảm thông, cho việc tôn trọng nhau, chứ không phải để thuyết phục người

khác phải theo cách suy nghĩ và hành động của mình. Chúng ta thực sự chưa đối xử với người khác như những nhân vị, bao lâu ta chưa dành cho họ một sự tự do thoải mái như chúng ta mong muốn họ dành cho mình. Điều này đòi hỏi chúng ta phải hiểu họ như chính “họ là” chứ không phải như những gì mà chúng ta muốn “họ phải là”. Điều còn lại là mỗi người phải lãnh trách nhiệm xây dựng các mối quan hệ trong gia đình, làm cho sự tương giao này trở thành những thể hiện của việc trao ban cuộc sống cho nhau. Sự đối thoại cởi mở có thể là chiếc chìa khóa giải quyết mọi vấn đề. Cần phải dấn thân cho công việc này vì xác tín rằng trong gốc nguồn, tất cả chúng ta là anh chị em với nhau trong bàn tiệc của Chúa, và đều có được sự thương yêu quan tâm của Đức Kitô. Chúng ta nên làm quen với một vài kỹ thuật đối thoại hiện đại, hoặc theo cách của Ginnott, không phê phán, “không khen mà cũng không chê”, hoặc theo cách “chẳng mát mát gì” của Gordon. Theo các phương pháp này thì người đối thoại cảm nhận được sự tôn trọng và phẩm giá mà họ đáng được như là người anh chị em của Đức Kitô. Chính vì thế mà các phương pháp này có hiệu quả. Nhưng sự tôn trọng đó, phẩm giá đó chỉ có được khi có tình yêu thực sự.

2- Vòng tâm điểm thứ hai. Đó là tương quan với người lân cận. Có thể lấy môi trường giáo xứ để dễ dàng xem xét rõ hơn. Về mặt lý thuyết, các giáo xứ là những cộng đoàn chia sẻ và quan tâm lẫn nhau. Đó là sự nối dài của những gia đình mà nét đặc thù là có khả năng nuôi dưỡng nhau. Nhưng khi thể hiện lý tưởng đó, trong thực tế các giáo xứ còn rất nhiều thiếu sót. Vì giáo xứ là ngôi nhà thiêng liêng của chúng ta nên rất cần được ta yêu thương và quan tâm, nếu muốn xứ đạo tiến gần hơn với lý tưởng được Đức Giêsu đề ra.

Chúng ta không còn có thể quan niệm giáo xứ như là một trạm dịch vụ thiêng liêng nữa, ở đó giáo dân đóng vai trò thụ động, tất cả mọi việc phải theo hệ thống hàng dọc từ trên cao rót xuống, và cha sở là người làm tất cả mọi việc. Buồn thay, ý nghĩ sai lầm này đang ngày càng trở nên rõ nét hơn ! Toàn thể giáo xứ phải là một cộng đoàn dưỡng nuôi. Bất cứ công việc quan tâm chăm sóc nào mà những người có trách nhiệm trong giáo xứ làm đều mang ý nghĩa như một

mẫu gương điển hình mà tất cả mọi người trong giáo xứ đều phải làm.

Ngày nay, một trong những lãnh vực dấn thân ở cấp độ giáo xứ là lãnh vực của phong trào đại kết. Một trong những thảm kịch bi thương nhất xảy ra trong Hội Thánh Chúa Kitô là sự chia rẽ giữa quá nhiều nhóm cạnh tranh nhau. May thay, từ Công Đồng Vatican II chúng ta không còn cho các giáo hội Tin Lành là do ma quỷ phát động nữa, nhưng đã bắt đầu nhìn nhận họ như những giáo hội đích thực. Chúng ta phải đi đầu trong việc hàn gắn các vết thương chia rẽ đã xảy ra hằng bao nhiêu thế kỷ trong Giáo hội, và trong việc dựng xây những chiếc cầu nối liền khoảng cách của sự mâu thuẫn hiểu lầm. Đây là việc làm rất khẩn thiết để đẩy mạnh tới ngày mà tất cả được hiệp nhất, được nên một, như chính Đức Giêsu đã thiết tha cầu nguyện trong đêm trước khi đi chịu chết (Ga 17,20-23). Mỗi quan tâm của chúng ta không nhất thiết luôn luôn phải có một giáo xứ làm nền. Đức tin và tình yêu có thể làm cho chúng ta trở thành những công dân sẵn sàng dấn thân trong bất cứ nơi nào chúng ta sinh sống. Đơn giản là vì chúng ta không có quá nhiều nhà chính trị được phong thánh, nên không có lý do để nghĩ rằng những phản hành này là mạo hiểm cho đời sống thiêng liêng của chúng ta. Quả thực, thế giới đang kêu gào để có những con người thực sự quan tâm đến nhu cầu của người khác, và sẵn sàng xả thân để làm cho cuộc sống trên hành tinh này tốt đẹp hơn. Người ta sẵn sàng cung cấp mảnh đất phì nhiêu để cho sự quan tâm và dấn thân của người Kitô hữu được bắt rễ sâu hơn.

3- Vòng tâm điểm thứ ba. Đó là thế giới rộng lớn hơn mà ta đang sống. Ở đây cũng cần phải có sự lựa chọn. Chúng ta hoàn toàn không thể chăm lo được hết mọi khổ đau của nhân loại. Tuy nhiên chúng ta nên chọn ít nhất một lãnh vực, trong đó khả năng và nhiệt tình của mình có thể thi thố được. Có nhiều phương cách giúp chúng ta theo kịp với những gì xảy ra trên cấp độ quốc gia cũng như toàn cầu. Có gắng làm cho luật pháp rọi chiếu trên những giá trị, nỗ lực cách này hay cách khác làm cho thế giới sáng tình người hơn, hy sinh bản thân cho người khác có được một cuộc sống xứng đáng... Tất cả những điều đó đều phát xuất từ việc thẩm định sâu sắc ý nghĩa của việc hiệp thông, và là những cách thể hiện sự sống của Chúa Thánh Linh.

IV – THỰC HÀNH CHAY TỊNH VÀ LÀM VIỆC BÁC ÁI

Giáo Hội thời xưa thường nhấn mạnh việc thực hành chay tịnh và làm việc bác ái trong suốt mùa Chay cũng như vào những thời điểm sám hối khác. Thực ra, cả hai việc này đều liên kết mật thiết với nhau. Chúng ta ăn chay là để có cái gì chia sẻ cho người khác. Vào thế kỷ thứ V, Đức Giáo Hoàng Gregôriô Cả đã diễn tả các tư tưởng này qua ngôn ngữ Thánh Thể :

“Giờ đây chúng ta hãy dang rộng đôi tay để đến với người nghèo khó, để có được nhiều người cất tiếng cảm tạ Thiên Chúa, và để cho người túng quẫn bớt cực nhọc nhờ việc chay tịnh của chúng ta. Không có việc sùng kính nào của người tín hữu đẹp lòng Chúa hơn là việc làm cho kẻ nghèo khó bớt đói khổ. Nơi đây Chúa thấy lòng bác ái đầy sự quan tâm trù mẫn, chỗ khác Chúa nhận ra sự phản chiếu tình phụ tử ân cần của Người.

“Trong những hành động trao ban này, chúng ta không sợ thiếu thôn phương tiện. Một tấm lòng bao dung rộng lượng tự nó đã là một kho tàng rồi. Lòng đại lượng không bao giờ thiếu hụt chất liệu, vì ở nơi đó chính Chúa Kitô vừa là Đấng dưỡng nuôi vừa là Đấng được nuôi dưỡng. Trong tất cả những việc bác ái này, luôn hiện diện bàn tay của Người đang hóa bánh ra nhiều bằng cách bẻ bánh ra, nhân số bánh lên và phân phát cho người khác.” (Bài Giảng số 10 trong tập Mùa Chay 3-5; PL 54, 299-301).

Phụng vụ luôn vang lên những lời nhắc nhở chúng ta phải trở nên “một thân thể, một tinh thần trong Đức Kitô.” Thái độ dẫn thân làm cho người khác lớn mạnh, và cho việc củng cố sự hợp nhất mà Đức Kitô rất tha thiết như là một phần cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Sự dẫn thân này đòi hỏi hai điều. Điều thứ nhất là phải xác tín thực sự có mối liên hệ mật thiết giữa phụng vụ và cuộc sống. Việc biến tôn giáo thành chuyện riêng tư nhằm giam giữ tôn giáo trong cung thánh nhà thờ và tách biệt khỏi đời sống xã hội, việc đó cần phải chấm dứt. Sự liên hệ này mật thiết đến nỗi phẩm chất cuộc sống Kitô hữu của chúng ta ảnh hưởng một cách trực tiếp, hoặc quả thực có thể đe dọa, việc sinh hoa kết trái của Thánh Thể. Thánh Phaolô còn đi xa hơn nữa khi quả quyết rằng cách cư xử thiếu tế nhị của những người giàu với người nghèo mang tầm mức quan trọng đến mức độ có thể

làm cho việc họ tụ tập lại không còn là để cử hành Bữa Ăn cuối cùng của Chúa nữa (Xem 1Cr 11,20).

Điều thánh Phaolô muốn ám chỉ trong bản văn là thực tế các việc cử hành Thánh Thể của chúng ta bị tùy thuộc rất nhiều vào phẩm chất cuộc sống của ta. Đến với bàn tiệc thánh, mà tâm trí gần gũi với những người có mặt chung quanh, tức là làm cho họ cũng được gần gũi với Chúa Giêsu. Nếu không thể nhận ra Đức Kitô trong những người khác, trong người khách lạ đang cần giúp đỡ, chúng ta sẽ không có khả năng nhìn nhận ra Người trong tấm bánh trắng đầu! Đức Kitô là một tổng thể không chia cắt, do đó chúng ta không thể nói chỉ yêu mến cái đầu mà không yêu mến toàn thân của Người.

Thứ đến, chúng ta rất cần sự trợ giúp của Chúa Thánh Thần. Chúng ta chỉ có thể yêu mến người khác như chính ta đã được Đức Kitô yêu mến khi cảm nghiệm được tình yêu đó trong cuộc sống của mình, đồng thời được Chúa Thánh Thần cho ta cảm nhận được bản chất của tình yêu tự hiến này. Chỉ khi đó chúng ta mới nhận thức được rằng tình yêu tự hiến này áp dụng cho Thiên Chúa, cho tha nhân, và cho toàn thể thế giới quả thực không thể đo lường được. Nhưng tình yêu tự hiến đó vẫn là nền móng cơ bản. Trong mỗi thánh lễ, Đức Kitô lên tiếng xác nhận rằng tình yêu của Người sẽ thấm nhuần mọi mặt cuộc sống nhân loại của chúng ta tới mức độ làm cho chúng ta có cùng một tình yêu đó đối với người khác.

Lại một lần nữa, trong thư thứ nhất, thánh Gioan nói với chúng ta:

“Đây là lời loan báo cho anh em đã nghe từ lúc khởi đầu : chúng ta hãy yêu thương nhau.... Căn cứ vào điều này, chúng ta biết được tình yêu là gì : đó là Đức Kitô đã thí mạng vì chúng ta. Như vậy chúng ta cũng phải thí mạng vì anh em. Nếu ai có đầy đủ phương tiện thế gian mà thấy anh em mình đang lâm cảnh túng thiếu mà chẳng động lòng thương, thì làm sao tình yêu Thiên Chúa ở lại trong người ấy được ? Hỡi anh em là những người con nhỏ bé, chúng ta đừng yêu thương nơi đầu môi chót lưỡi, phải yêu thương cách chân thật và bằng việc làm (1 Ga 3, 11, 16-18).”

Liên quan đến “Tiết nhật Thánh Thể” mà chúng ta đang đề cập, chính vì ta được quy tụ nơi bàn tiệc của Chúa, được Lời Ngài dưỡng nuôi và thúc đẩy sống một đời sống Kitô hữu đích thực hơn, mà

chúng ta có thể nuôi dưỡng mình bằng Máu Thịt Đức Kitô, và nhận biết rằng ta đã lãnh nhận nhiều đến nỗi sau khi chia sẻ, ta vẫn còn rất nhiều để sẻ chia, vượt trên cả những gì ta có thể tưởng tượng được.

CHƯƠNG 11

TIẾT NHỊP SAI ĐI

“Vậy, hãy cất bước theo điệu múa.

Bất kể bạn ở đâu.

Ta là Chúa Vũ Khúc sẽ hướng bước chân bạn đều

Bất kể bạn ở đâu,

Ta sẽ đưa tất cả các bạn vào Vũ Khúc của Ta”

I – LỊCH SỬ NGHI THỨC “SAI ĐI”

Cũng như nghi thức nhập lễ, nghi thức kết lễ không được đặc biệt chú ý. Từ nhiều năm nay, chúng ta kết thúc phụng vụ với lời “Thánh lễ đã xong, chúc anh chị em ra đi bình an”, và phải vất vả lắm mới giữ được giáo dân tại chỗ trước khi hát xong bài kết lễ. Chúng ta không mấy chú trọng “tiết nhịp sai đi” trong nghi thức kết lễ này.

Tuy nhiên, nếu nhìn lại lịch sử phụng vụ, chúng ta nhận thấy rằng “tiết nhịp sai đi” hoàn toàn có một lịch sử trong Thánh Lễ. Từ “Mass” (thánh lễ) trong tiếng Anh được dịch từ tiếng Latinh “Missa” có nghĩa là “sai đi”. Joseph A. Jungmann xác nhận với chúng ta rằng, việc “sai đi” trong nghi thức kết lễ là một việc có cùng bề dày lịch sử như phụng vụ Rôma. Thực sự chúng ta không công bố Thánh Lễ đã “chấm dứt” (ended), nhưng Thánh Lễ đã “hoàn tất” (accomplished), và giáo dân bắt đầu được “sai đi”.

Chúng ta cho rằng việc “sai đi” hay “giải tán dân chúng” thuộc về phần cuối của phụng vụ Thánh Lễ. Điều này đúng. Nhưng trong lịch sử phụng vụ, việc “giải tán” này cũng đã xảy ra nhiều lúc khác nhau tùy vào vị thế của người tham dự. Chúng ta đã thấy có việc này lúc bắt đầu phụng vụ Lời Chúa, sau nghi thức sám hối. Cũng có việc này sau khi kết thúc phần phụng vụ Lời Chúa, hoặc ngay trước khi rước lễ. Có những lần “sai đi” như vậy vào thời điểm khác nhau trong tiến trình việc cử hành vì nhiều lý do khác nhau. Theo luật chung của

Giáo hội thời đầu, vào những phần khác nhau của Thánh lễ những người dự tòng được giải tán vào thời điểm thích hợp.

Vào thời còn có việc đền tội công khai, tùy vào những giai đoạn hòa giải đã thực hiện được, các hối nhân được phép ở lại tham dự những phần khác nhau của thánh lễ : phần khởi nhập, phần phụng vụ Lời Chúa, ngay cả đến phần hiệp lễ đối những người ở giai đoạn cuối. Khi có những người dự tòng, thì những người này thường được mời ra về sau phần phụng vụ Lời Chúa.

Vấn đề không phải là họ phải lần ra khỏi nhà thờ vào một lúc nào nhất định, nhưng đúng hơn mỗi nhóm đã nhận ra rằng mình vừa nhận lãnh một hồng ân và bây giờ mình phải ra đi để làm tròn nhiệm vụ giao phó. Nhiệm vụ đó, đối với người này thì phải đào sâu tinh thần sám hối hơn, người khác thì phải tiếp tục học Kinh Thánh hay giáo lý. Từ đó chúng ta phải hiểu rằng những “nghi thức sai đi” như vậy có ý nghĩa rất quan trọng.

Sau Công Đồng Trentô tình trạng của người sám hối hoặc dự tòng đã thuộc về quá khứ. Mọi người đều nhận thấy rằng không thực tế (nếu không muốn nói là dị hợm) khi mang cái bảng “tội nhân công khai” trong nhà thờ, hoặc buộc họ phải ra khỏi nhà thờ sau bài Tin Mừng trong Thánh Lễ. Và như thế, những việc “sai đi” biến khỏi phụng vụ. Ngày nay, quả thực, mọi ranh giới giữa Giáo Hội và xã hội không còn dấu vết trong việc cử hành phụng vụ. Không còn thực tế chút nào khi khai trừ những người chưa phải là thành viên chính thức của Giáo Hội ra khỏi cộng đoàn trong lúc tiến hành phụng vụ.

Trên nhiều phương diện, có thể nói, Giáo Hội sơ khai là một xã hội đóng kín. Chỉ những ai là “con cái trong nhà” mới được phép tham dự các cuộc cử hành. Thực thế, vào thế kỷ thứ IV không chỉ những người được “sai đi”, mà cả những người đến tham dự phụng vụ cũng bị kiểm soát chặt chẽ. Đến lúc đọc kinh nguyện Thánh Thể, mọi cửa đều phải đóng lại. Ai đến trễ có thể gõ cửa, và ít nhất phải làm thế nào để có một lời nguyện dành riêng cho họ, để họ có thể tăng tiến hơn trong tình yêu và lòng nhiệt thành. Do đó mọi người đều lo sao đến cho kịp giờ lễ !

Tàn dư của não trạng cử hành nghi thức đón nhận hoặc giải tán một cách cứng nhắc này vẫn còn thấy trong thời đại chúng ta. Ở một vài

xứ đạo nhiều người rời khỏi nhà thờ ngay sau khi linh mục chủ tế rước lễ. Đây là hệ lụy của tư tưởng thần học xa xưa về “các phần quan trọng” của Thánh Lễ. Người ta phải ở lại trong nhà thờ cho đến lúc rước lễ vì sợ bỏ về trước đó sẽ phạm tội trọng. Nhưng đối với những người không rước lễ, vì lý do phải đền tội công khai hoặc vì lương tâm thấy mình đang mắc tội, họ thấy mình chỉ cần ở lại cho đến lúc linh mục rước lễ là đủ lắm rồi.

Trong Thánh Lễ hiện nay, chỉ còn nghi thức “sai đi” trước khi chấm dứt phụng vụ. Việc “sai đi” này đã bị khuất mờ ý nghĩa bởi một tập tục chung là phải có bài hát kết lễ. Thay vì hát một bài ca sau hiệp lễ, rồi long trọng công bố việc “sai đi”, sau đó đàn dạo nhạc trong lúc mọi người cùng nhau ra về, thì lại phải lê thê đợi chờ cho đến lúc bài hát cuối lễ chấm dứt mới được rời khỏi chỗ.

Cách nào đó thì tất cả mọi diễn tiến trong phụng vụ phải dẫn đến câu kết thúc của Thánh Lễ là: “Hãy bình an ra đi để yêu thương và phục vụ Thiên Chúa.” Giáo dân không chỉ đơn giản được mời gọi ra đi, họ còn như bị thúc bách hỏi hã phải ra đi và phục vụ! Sẽ mất đi ý nghĩa của nghi thức này nếu chỉ nhấn mạnh trên việc “ra đi”, đúng hơn sứ mạng đặt trên tất cả mọi người vừa tham dự Thánh Lễ là ra đi để “yêu thương và phục vụ Chúa”. Chúng ta được trao một bản phận, một sứ mạng. Cử hành phụng vụ sẽ không mang lại lợi ích gì nếu sứ mạng này không được thi hành.

II- THÁNH THỂ - NHỊP CẦU GIỮA PHỤNG VỤ CUỘC ĐỜI VÀ PHỤNG VỤ TRONG NHÀ THỜ

Các nghi thức trong Thánh Lễ nói lên cách rõ ràng rằng toàn thể phụng vụ là một “bài sai” long trọng gửi những người tham dự ra đi phục vụ. Giáo dân đến diễn tả sự hiệp thông của mình với nhau và với Chúa để có thêm sức mạnh sống đức tin trọn vẹn hơn trong tuần lễ sắp tới. Vào thời Giáo Hội sơ khai, trong một thời gian dài trước khi có thể cử hành Thánh Lễ mỗi ngày, các tín hữu đem một ít bánh đã được truyền phép về nhà để rước lễ trong tuần. Qua đó chúng ta thấy Phụng Vụ Chúa Nhật ảnh hưởng suốt những ngày trong tuần.

Việc có thể sống Thánh Thể những ngày trong tuần cũng đem lại cho cộng đoàn có được một cái gì đó để dâng lên làm lễ vật trong Chúa Nhật tới. Như thế đã có nhận thức rằng mình phải lớn mạnh

tuần này qua tuần khác, và phải có cái gì đó dâng lên bàn thờ mỗi Chúa Nhật tiếp theo.

Một linh mục thường nói với giáo dân “Nếu anh chị em không sống Thánh Thể những ngày trong tuần, thì đừng bỏ công đến làm gì trong ngày Chúa Nhật. Anh chị em đâu có gì để cử hành.” Vị linh mục này muốn nhấn mạnh rằng nếu trong suốt tuần chúng ta không tỏ ra tích cực ở mọi phương diện trong cuộc sống cộng đoàn, thì chúng ta không có gì quý giá để dâng lên trong cử hành phụng vụ Chúa Nhật. Trên quan điểm đó thì vị linh mục này rất đúng.

Thánh Thể là để bắc nhịp cầu giữa phụng vụ cuộc đời với phụng vụ trong nhà thờ và ngược lại. Có một sợi giây nối kết giữa những gì chúng ta cử hành trong các Chúa Nhật và những gì chúng ta làm trong các ngày trong tuần. Phụng vụ Chúa Nhật làm chúng ta trở nên các chi thể đích thực của Đức Kitô. Điều này có nghĩa là chúng ta phải công nhận đã được Chúa sai đi để sinh hoa kết trái.

Ngày nay, chúng ta rất dễ đánh mất ý nghĩa của việc được sai đi. Hầu hết chúng ta nghĩ rằng những người có trách nhiệm trong Giáo Hội chỉ là những vị trong hàng giáo phẩm hoặc tu sĩ. Điều này dễ hiểu thôi, vì đã nhiều năm tầng lớp giáo dân không được chú trọng lắm. Đến cả một định nghĩa về giáo dân, thành phần chiếm tuyệt đại đa số trong Giáo Hội, cũng đã bị quên lãng. Đúng hơn phải quan niệm hàng giáo sĩ như thành phần nằm trong vòng tròn của Giáo Hội, để phục vụ cho những người trong đó, thì họ quan niệm hàng giáo sĩ như chóp đỉnh của kim tự tháp nằm trên các thành phần khác trong Giáo Hội, và họ đã định nghĩa Giáo Hội là như thế. Hệ quả là giáo dân sớm muộn gì cũng phải học cho biết giữ tinh lặng đừng có quậy lên sóng gió.

Kết quả là giáo dân ngày càng trở nên thụ động. Chúng ta có câu nói đùa về giáo dân, họ là “những người được sinh nở, lớn lên và tản mác khắp nơi”. Là người Công Giáo, nhưng có những người chỉ đến nhà thờ có 3 lần trong đời, mà lần nào cũng không phải tự ý họ tới ! Lần đầu được ba mẹ ẵm tới. Lần thứ hai được người khác phai dắt tới. Và lần thứ ba được người ta khiêng tới. Đã bao năm qua, giáo dân thấy nhà thờ như một trạm phục vụ thiêng liêng. Họ chỉ đến nhà thờ khi cảm thấy cần thiết. Và khi đến, họ chỉ biết nhận chứ không

biết cho đi. Các Bí Tích được hiểu như phương tiện để được ân sủng, chứ không phải là những cuộc đổi điện gặp gỡ Chúa trên hành trình cuộc đời.

Từ đó nảy sinh một vấn đề khác, đó là ngay cả những người giáo dân sốt sắng, những người thường xuyên tham dự phụng vụ ở nhà thờ, thường cảm thấy bị “thối thiếu tiên” trong phụng vụ Thánh Thể. Họ mang bụng đói đến tham dự Thánh Lễ, nhưng cũng vẫn mang bụng đói trở về nhà. Có thể cộng đoàn đã cử hành phụng vụ Thánh Thể cách hời hợt. Hoặc bài giảng không được chuẩn bị chu đáo hoặc giảng vu vơ không ăn nhập gì đến cuộc sống. Thay vì được no đầy thỏa thuê nơi bàn tiệc của Chúa, thì họ chỉ nhận được ít bánh vụn. Họ thấy vẫn rất nghèo đói mặc dầu ở ngay trên đồng kho tàng.

Tuy nhiên, nếu chúng ta hiểu cách nghiêm chỉnh thì cấu trúc của phụng vụ là để làm cho giáo dân được tăng trưởng chứ không phải để họ bị giảm giá. Phụng vụ phải làm cho tất cả mọi thành phần dân Chúa ý thức về tài năng của họ, và họ có trách nhiệm ra đi sử dụng khả năng đó cho lợi ích của toàn thể Giáo Hội và cộng đoàn. Cho đến khi nào hàng giáo sĩ thực sự là những người luôn sẵn sàng đón nhận và khích lệ mọi khả năng của giáo dân, thì hàng ngũ giáo dân mới có thể tin tưởng vào logic nội tại của chính phụng vụ. Họ mới ý thức được rằng mục đích của Thánh Lễ được cô đọng trong mệnh lệnh cuối cùng : Hãy ra đi ! Các bạn được sai đi làm chứng nhân giữa lòng đời !

Nếu chúng ta nhớ lại rằng phụng vụ Thánh Thể là việc tưởng niệm sự dẫn thân đến chết của Đức Giêsu để thực hiện sứ mạng Chúa Cha trao phó, thì điều này có thể giúp chúng ta lấy chính Chúa Giêsu Thánh Thể làm mẫu mực cho cuộc sống của mình. Sự dẫn thân này đối với Người cũng không dễ dàng hơn so với chúng ta. Người cũng đã phải tranh đấu để biết rõ con đường nào phải đi, hướng nào phải định. Quả thực, chúng ta đọc trong Tin Mừng Luca, đêm trước ngày chịu nạn, dù trong lúc cầu nguyện, Đức Giêsu cũng đã hoang mang đau khổ đến đổ mồ hôi máu.

Điều gì đã làm Đức Giêsu phải bồn chồn lo lắng như vậy ? May thay chúng ta có thể dựng lại các sự việc xảy ra đêm đó cách tương đối rõ ràng. Bữa ăn cuối cùng không phải là một sự cố bình yên và hoàn

toàn hân hoan. Trong bữa ăn đó, Đức Giêsu biết Giuđa đã hợp đồng phản bội Người. Mọi cố gắng của Người để thuyết phục Giuđa đều là con số không. Người biết địch thù của mình đang bao vây và điều này như một đám mây mù bao trùm cả bữa ăn. Đó là giờ của quyền lực tối tăm.

Sau bữa tối, khi Đức Giêsu rời phòng ăn để đi về Bêtania, Người dừng lại ở khu vườn Giết-sêmani để cầu nguyện và ôn lại những biến cố đã xảy ra trong ngày. Để đến khu vườn, Người đã phải đi ngang qua nhiều nắm mồ của các ngôn sứ và bao nhiêu người khác đã an táng nơi đây từ bao thế kỷ. Ánh trăng tròn của đêm lễ Vượt Qua làm nổi bật sự hoang vu của các ngôi mộ, báo trước điềm chết chóc. Đức Giêsu có thể cảm nhận được bóng tối đang vây phủ tư bề.

Khi Đức Giêsu cố gắng tập trung cầu nguyện trong khu vườn đó thì tất cả thực tế của tình trạng hiện thời xuất hiện rõ mồn một trước mắt với tất cả vẻ khùng khiếp, làm Người không thể cầu nguyện cách an bình. Cái giá của sự dân thân rõ ràng là thật đáng cay. Sự bất công và đường như vô nghĩa của tình huống làm Người xao xuyến.

Đức Giêsu đã phải vật lộn với tất cả những câu hỏi “tại sao” của cuộc sống. Tại sao lại để cho địch thù thắng thế ? Tại sao lại để cho quyền lực của bóng tối chiến thắng ? Bỏ tay để cho những kẻ chống đối bách hại có thể đem lại điều gì hay ho không ? Tại sao lại chịu nhục nhã để bị đem đi kết án như một phạm nhân trong khi suốt đời Người chỉ làm điều tốt lành cho tha nhân ? Tại sao không tạm thời lánh mặt đi, như trước đây Người đã làm, đợi cho tình hình lắng đọng xuống đã ? Như vậy có lẽ Người sẽ có cơ hội quay trở lại và thử một phương thức khác, hoặc hy vọng rằng thời gian có thể làm dịu bớt sự chống đối đang bủa vây Người. Tại sao ? Tại sao và Tại sao ?

Các câu hỏi này không dễ dàng mà trả lời được. Chúng ta biết được cái giá Đức Giêsu phải trả ngay cả cho việc đặt thành câu hỏi. Chúng ta cũng biết rằng dù con hấp hối, dù máu và dù bao hải hùng trước cái chết hồng đèn, ý của Thiên Chúa Cha vẫn muốn Người ở lại đây và có thái độ dứt khoát trong lúc này. Người không thể biến hình đi ngang qua họ rồi thử thời vận ở một nơi khác, dù việc đó đối với Người quá dễ dàng.

Đức Giêsu đã không bị bắt cách bất thành linh trong khu vườn. Tốp lính đi bắt Người cũng đã theo con đường xuống thung lũng Kedron như Người đã đi. Họ cũng bị ánh trăng chiếu rọi làm nổi bật trên các bức tường thành Đền Thờ khi họ men theo sườn đồi. Đức Giêsu đã thấy họ đến. Trong vòng 15 phút, Người đã có thể đến nhà Lazaro ở bên kia sườn đồi; và trong nửa tiếng, Người có thể mất hút trong sa mạc bên ngoài Bêtania. Trốn thoát thật quá dễ dàng ! Nhưng Người đã ở lại. Vì đó là ý muốn của Chúa Cha.

Trong một nghĩa nào đó thì Đức Giêsu đã có quyết định như thế rồi. Quyết định này đã nảy mầm qua những cơn cám dỗ lúc bắt đầu sứ vụ công khai. Người đã quyết định không dùng đến sự khôn ngoan trần gian, không tìm đến ô dù của thế lực chính trị. Người đã muốn trở thành người Tôi Tớ đau khổ cho anh chị em mình. Và như thế, Người đã biến cuộc khổ nạn của Người thành một hành động tự do nhất mà thế giới chưa từng thấy.

Tất cả những điều này được diễn tả trong phụng vụ Thánh Thể. Đức Giêsu đã có thể nói bánh này là Thân Mình Người, rượu này là Máu người, vì Người đã tự nguyện để thân mình Người bị xé nát và máu Người đổ ra cho người khác. Đối với Đức Giêsu mạng sống không phải là một trung tâm thu hút tất cả về cho mình, nhưng Người đã định nghĩa mạng sống mình trong mối giây liên hệ với người khác, với tất cả mọi người mà bản tính nhân loại của Người ràng buộc và Người đã tự nguyện hy sinh mạng sống cho họ.

Nếu Đức Giêsu đã không thấy dễ dàng dâng Thánh Lễ đời mình, thì chúng ta cũng thế. Trong mỗi Thánh Lễ, khi của lễ được chuẩn bị và bánh rượu được đặt lên đĩa thánh, chúng ta dâng lời cảm tạ Chúa, Đấng tác thành muôn vật muôn loài, đã ban cho chúng ta có được cái gì để dâng lên Ngài. Chúng ta được mời gọi đặt trên đĩa thánh trọn cuộc sống mình với những hy vọng và phấn đấu, những nghi nan và chán chường. Chính cuộc sống muôn mặt đó, như bánh và rượu, sẽ được biến đổi trong Kinh Nguyện Thánh Thể, để thành của lễ hy sinh xứng đáng dâng lên Thiên Chúa.

Bánh và rượu là biểu hiện sự sống của chúng ta cũng như của Đức Kitô. Vào lúc cao điểm của Kinh Nguyện Thánh Thể, chúng ta nâng bánh và rượu lên trong ý thức rằng chỉ nhờ Đức Kitô, với Người và

trong Người mà mọi vinh quang đều thuộc về Thiên Chúa. Chúng ta nhớ lại rằng sự biến đổi chỉ là hậu kết của lòng trung tín và sự dẫn thân như Đức Giêsu đã tỏ ra trong vườn Giếtsimani. Phụng vụ Thánh Thể chỉ mang ý nghĩa khi biểu hiện một sự quan tâm tích cực đến người khác.

Do đó việc chúng ta sống như thế nào trong suốt tuần lễ mang tầm mức rất quan trọng, vì đây là tất cả những gì chúng ta có để dâng lên Chúa tuần này qua tuần khác. Đó là đặt trên đĩa thánh mọi phần đầu nỗ lực của chúng ta để sống đức tin, và mọi cố gắng của chúng ta để ngày càng vững mạnh hơn trong lòng trung tín. Trừ phi chúng ta có một cái gì trong tuần để dâng lên Chúa thì những cái nhỏ nhỏ chúng ta có mới được biến đổi. Nếu không thì buổi cử hành Thánh Thể của chúng ta, thay vì là cử hành lòng trung tín và một sự dẫn thân tích cực, thì chỉ còn là những múa máy nghi thức rỗng tuếch vô hồn. Đây không còn là phụng vụ Thánh Thể của Chúa mà chúng ta tung hô như Cứu Chúa và người anh em của chúng ta.

III – GIÁO HỘI – NGƯỜI TÔI TỐ

Trong quan điểm này, Công Đồng Vatican II đã giới thiệu Giáo Hội như là tôi tớ của Thiên Chúa cũng như tôi tớ của toàn thể nhân loại trong khi tưởng niệm Đức Kitô. Quan niệm đầy đủ về việc phục vụ, điểm then chốt trong Tin Mừng Marcô, là nét đặc thù của các môn đệ. Trong lần tiên báo cuối cùng về cuộc tử nạn, Đức Giêsu mong ước rằng những người cầm đầu phải là tôi tớ của tất cả mọi người (Mc 10, 44). Nô lệ là một quan niệm nói lên hết tất cả những gì liên quan đến việc phục vụ.

Tuy nhiên nô lệ trong trường hợp này, không được hiểu như một sự hạ thấp giá trị con người. Ngay cả thánh Phaolô cũng đã cho mình như là “người nô lệ của Đức Giêsu Kitô” (Rm 1,1). Phaolô không chỉ là một người khiêm hạ vì cũng ý thức rõ quan niệm này đã được Cựu Ước dùng để áp dụng cho một số người khá nổi tiếng. Trước tiên áp dụng cho Abraham, tổ tiên của dân được tuyển chọn. Abraham được mang danh là “nô lệ của Giavê” vì đức tin và lòng trung tín của ông.

Quan niệm này cũng áp dụng cho Isaac, con của Abbram. Chính qua dòng dõi của Isaac chứ không phải của Ismael mà các lời hứa về sự tuyển chọn được lưu truyền. Isaac là con của lời hứa, và tất cả đã

được chúc phúc qua ông. Các bản văn sau này của Do Thái mô tả Isaac như một chàng trai ba mươi tuổi, sẵn lòng đóng góp hy sinh của mình như lễ vật hy tế khi vác trên vai bó củi lên núi theo lệnh của cha. Từ đó cho đến nay dòng tộc dường như có vẻ quý tộc hơn!

Môisê cũng được gọi là nô lệ của Giavê. Ông đã đem dân ra khỏi Ai Cập về đất hứa. Giôsuê, vị tướng trung thành của Môisê, người đã đích thân đem dân vào đất hứa, cũng được gọi là nô lệ của Giavê. Mãi về sau, từ nô lệ cũng được áp dụng cho Vua Đavít và các Ngôn Sứ.

Trong Tân Ước, chúng ta đã biết thánh Phaolô gọi mình là nô lệ của Đức Giêsu. Từ này cũng được áp dụng cho Đức Maria. Hầu hết mọi bản dịch về việc truyền tin đều có câu nói của Đức Maria “Này tôi là nữ tỳ của Chúa”, và Bài Ca Ngợi Khen (Magnificat) cũng vang lên “Người đã nhìn đến phận nữ hèn” (Lc 1,38, 48). Từ được sử dụng ở đây cũng là từ áp dụng cho Abraham, Môisê, và Đavít. Đức Maria cho mình là nô lệ của Thiên Chúa.

Nhìn lại quá trình lịch sử đó, chúng ta bắt đầu nhận thấy rằng được trở thành nô lệ của Thiên Chúa tức là được kêu mời đứng vào hàng ngũ ưu tú. Mỗi người đóng một vai trò then chốt trong lịch sử cứu độ. Sẵn sàng trở thành tôi tớ của Thiên Chúa, mà Marcô cho là một trách nhiệm cốt lõi của các môn đệ, hàm nghĩa chúng ta nhìn nhận vai trò mà Chúa muốn chúng ta đóng trong công cuộc cứu rỗi trần gian.

Hơn nữa, khả năng đọc được các dấu chỉ của thời đại thúc bách ta phải làm một cái gì phù hợp với điều chúng ta nhận thấy. Chúng ta được kêu gọi trở thành suối nguồn của ơn cứu rỗi, của niềm hy vọng, của lòng thương cảm, và của tình yêu trong một thế giới mà tất cả những phẩm chất này bị thiếu hụt cách trầm trọng. Chúng ta phải thức tỉnh, phải rung cảm với nỗi khổ đau và nhu cầu của những người chung quanh ta. Chỉ có điều đó mới thúc bách chúng ta năng nỗ làm cho thế giới chúng ta đang sống thành một nơi tốt đẹp hơn, mang tình người hơn.

Trên một mức độ rộng lớn hơn, ngày nay chúng ta buộc phải nhạy cảm trước các phương cách khác nhau mà chúng ta có thể sử dụng để làm điều gì đó cho việc thăng tiến trật tự xã hội. Than phiền về thế

giới chung quanh chúng ta thì dễ hơn là tìm cách giải quyết vấn đề, nhưng than phiền chẳng đem lại lợi ích nào. Sứ mạng được sai đi sau mỗi thánh lễ đòi hỏi chúng ta phải nhận ra trách nhiệm sống lý tưởng Kitô Giáo của mình thế nào đó để cách sống là muối là men của ta mang phẩm chất khác biệt với thế giới quanh ta.

Một phương cách để đào sâu sự nhận thức này trong Thánh Lễ là phải hiểu rõ ý nghĩa thực sự của việc “sai đi”. Đó là một thách đố phải sống những gì chúng ta vừa mới cử hành. Câu đáp “Tạ ơn Chúa” của chúng ta phải là một sự đón nhận phần khởi thách đố đó của Đức Kitô. Dù ở bất cứ nơi nào, cũng hãy để Chúa đi bước chân của tất cả chúng ta trong vũ khúc của Người. Mỗi cử hành phụng vụ phải cho chúng ta một thách đố cụ thể. Chúng ta không nên rời nhà thờ mà không tìm được một phương cách cụ thể để sống Tin Mừng trong tuần lễ sắp tới.

Cách thức cụ thể để làm điều này tốt hơn là dùng thời gian suy niệm sau khi rước lễ. Chúng ta có thể cảm ơn Chúa một cách cụ thể hơn bằng cách định rõ với Chúa cách thức chúng ta sẽ cố sống sứ điệp Lời Chúa trong những ngày sắp đến. Sau đó, khi rời khỏi nhà thờ, chúng ta sẽ có được một ý tưởng rõ nét về hiệu năng của Thánh Thể trong công trình cứu rỗi trần gian.

Ra khỏi nhà thờ, chúng ta nên ý thức rằng những gì ta vừa làm mỗi Chúa nhật còn hơn cả việc chỉ lo hoàn thành một bổn phận bắt buộc. Bằng việc kết hợp với Đức Kitô, Đấng vừa là lễ vật hy sinh vừa là linh mục chủ tế, chúng ta được đổi mới và tăng sức để sống trọn vẹn hơn trong những ngày tới những gì ta vừa cử hành. Chúng ta xác tín lời Đức Giêsu nói trong bữa ăn cuối cùng : “Thật, Thầy bảo thật anh em, ai tin vào Thầy, thì người đó cũng sẽ làm được những việc Thầy làm. Người đó còn làm những việc lớn hơn nữa, vì Thầy đến cùng Chúa Cha” (Ga 14,12).

CHƯƠNG 12

VỚI CÁNH CỬA MỞ RỘNG : ĐẾN TẬN CÙNG TRÁI ĐẤT

“Ca tụng Chúa đi, bằng vũ điệu trống đưa,
Ca tụng Người, theo cung đàn nhịp sáo.
Ca tụng Chúa đi, với chũm chọe vang rền,
Hỡi toàn thể chúng sinh, hãy ca tụng Chúa”
(Tv 150,4-6)

I – SỨ MẠNG RA ĐI LÀM CHỨNG CHO TIN MỪNG

Sự thánh thiện không bị giới hạn trong cung thánh hoặc trong những giây phút cầu nguyện riêng tư. Sự thánh thiện được thực hiện giữa lòng thế giới. Chúng ta vẫn luôn bị cám dỗ muốn ở lại với một mình Chúa Giêsu trên đỉnh núi Tabor, dựng lều và ở lại trên đó. Như Phêrô, chúng ta cũng cảm thấy : “Chúng con ở đây tốt quá!” Tuy nhiên, cuộc sống cụ thể là phải lê bước xuống tận thung lũng, rảo khắp vùng đồng bằng. Chúng ta cử hành phụng vụ Thánh Thể với Chúa là để đi xa hơn và ca khen Người trong từng nhịp thở mỗi ngày.

Cái nguy hiểm trong vấn đề tôn giáo nằm ở chỗ là chúng ta làm cho mối tương quan của mình với Chúa trở thành một liên hệ cá nhân. Chúng ta tưởng rằng tránh xa dịp tội và khước từ bắt tay với sự xấu đã là điều tốt rồi. Nhưng nhân đức của người Kitô hữu đòi hỏi chúng ta sống đức tin của mình cách cụ thể và có ý thức như thành viên của một Giáo Hội. Hành động của chúng ta không phải như một cá nhân riêng lẻ, nhưng như là thành phần của một cộng đoàn đức tin lớn hơn.

Đức Giáo Hoàng Gioan Phaolô II đã công bố Tông Huấn “Sứ Mạng Đấng Cứu Độ” (Redemptoris missio). Lời mở đầu tông huấn nhắc nhở rằng : “Sứ mạng của Đức Kitô vẫn chưa đến hồi kết thúc. Ngàn năm thứ hai sau Đức Kitô sắp chấm dứt, và một cái nhìn tổng lược

trên nhân loại cho ta thấy rằng sứ mạng này vẫn còn trong giai đoạn bắt đầu, chúng ta phải nỗ lực dần thân phục vụ cho sứ mạng đó.”

Nếu nghĩ rằng đại từ nhân xưng “Chúng Ta” Đức Giáo Hoàng vừa nói ở trên chỉ nhằm ám chỉ các linh mục tu sĩ, thì chúng ta hãy nghe Đức Giáo Hoàng nói tiếp : “Không một ai tin vào Đức Kitô mà có thể tránh né trách nhiệm cao cả là công bố Đức Kitô cho tất cả mọi người.” Mỗi người đã chịu Phép Rửa đều có trách nhiệm trong sứ mạng của Đức Kitô. Phụng Vụ Thánh Thể là một thái độ đón nhận trách nhiệm được giao cho qua bí tích thánh tẩy.

Đức Giáo Hoàng liệt kê nhiều phương cách để chúng ta thi hành trách nhiệm này. Cách thức tối ưu căn bản đơn giản là chứng tá của người tín hữu. Đây là “cách thức đầu tiên và không thể thay thế được của sứ mạng.” Cuộc sống của chúng ta cho thấy đó là một chứng tá tích cực của đức tin, hoặc là một minh chứng chúng ta thực sự không có chút đức tin nào để bàn đến. Giáo Hội luôn nhấn mạnh đến việc chúng ta phải có lòng thương xót như Cha trên trời có lòng thương xót. Mới đây, Giáo Hội đã nói lên sự chọn lựa ưu tiên cho người nghèo. Chọn lựa này nêu cao tầm mức quan trọng của sự quan tâm đối với người bị ức hiếp, kẻ bị chà đạp, và tất cả những ai đau khổ.

Sự quan tâm và lòng đại lượng của Giáo hội đối với người nghèo là một chứng tá hùng hồn trong một thế giới tôn thờ cá nhân chủ nghĩa, tương phản hẳn với tính ích kỷ của một xã hội duy vật. Nếu Giáo hội có được các chứng tá như thế sẽ “đặt những dấu hỏi trong tâm trí con người để đưa họ đến với Chúa và với Tin Mừng.” Chứng tá đối kháng của một cuộc sống Kitô hữu đích thực luôn là chứng tá đầy hiệu năng.

Điều này tự nhiên thôi. Đối với hầu hết mọi người, những vấn đề quan trọng của cuộc sống không phải là những vấn đề triết lý nhưng chính là những vấn đề thực tế cốt lõi. Người ta không muốn chúng ta chứng minh cho họ rằng Đạo Công Giáo là do Chúa mạc khải và là tôn giáo cao trọng nhất, nhưng muốn thấy đạo này được diễn tả cách cụ thể trong cuộc sống như thế nào. Đạo Công Giáo có đáp ứng được các nhu cầu của con người hay không sẽ tùy cách thức đạo này được sống như thế nào. Chúng ta nghe Đức Giáo Hoàng nhấn mạnh : “Con người thời nay đặt lòng tin nơi các chứng nhân hơn là các thầy dạy,

tin vào kinh nghiệm hơn là những lời giảng dạy, tin ở cuộc sống và hành động hơn là mớ lý thuyết xuông.”

Việc làm chứng này không luôn luôn là một chứng tá cam. Tùy môi trường sống và công việc, tùy tình huống cụ thể, đôi khi chúng ta còn phải đi xa hơn. Như chính lời Đức Giáo Hoàng : “Có thể đôi khi chúng ta phải có một thái độ can đảm và đầy tính ngôn sứ khi đối mặt với tệ nạn tham nhũng từ các quyền lực chính trị hoặc kinh tế.” Chúng ta không thể bỏ qua với lý do “mọi người đều như thế cả!” “Một sự dấn thân cho hòa bình, công lý, nhân quyền nhằm nâng cao phẩm giá con người cũng là một chứng tá mạnh mẽ của Tin Mừng khi nó là dấu chỉ của sự quan tâm đến con người và hướng đến sự phát huy con người toàn diện.”

II – SỨ MẠNG CÔNG BỐ SỨ ĐIỆP CỦA ĐỨC KITÔ

Sau chứng tá bằng gương sống, còn có một loại chứng tá khác : công bố sứ điệp của Đức Kitô. Đức Giáo Hoàng nói : “Giáo Hội không thể lơ là với lệnh truyền minh thị của Đức Kitô là ra đi rao giảng Tin Mừng đến tận cùng trái đất, Giáo Hội không thể để cho con người thiếu hụt tình yêu và ơn cứu rỗi đến từ Thiên Chúa.”

Điều này nhấn mạnh đến một sự thật căn bản. Bản chất của Giáo Hội là truyền giáo. Không phải Đức Giáo Hoàng hoặc bất cứ một giám mục, linh mục nào sai ai đến với người khác. Giáo Hội không phải là “người sai đi”, nhưng là “người được sai đi”. Giáo Hội chỉ hiện hữu khi được sai đi và tự củng cố cho sứ mạng của mình. Vì chúng ta có một Thiên Chúa thừa sai nên chúng ta là một dân truyền giáo.

Một giám mục Tin Lành nhìn nhận Giáo Hội là một tổ chức xã hội duy nhất trên thế giới mà lý do hiện hữu là vì những người không phải là thành viên của mình. Ý tưởng này làm nổi bật câu mở đầu của Vatican II trong hiến chế “Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay” : “Vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của con người ngày nay, nhất là của người nghèo và những ai đau khổ, cũng là vui mừng và hy vọng, ưu sầu và lo lắng của các môn đệ Chúa Kitô.”

Theo nghĩa này thì chính thế giới vạch ra cho Giáo Hội một chương trình hành động. Chúng ta không thể nhắm mắt làm ngơ trước những nhu cầu của thế giới chung quanh ta. Chính trong thế giới này mà lời cầu nguyện và việc thờ phượng của chúng ta duy trì được sự nhạy

cảm trước những nhu cầu của người khác. Khi cầu nguyện, chúng ta đi vào tận cung lòng của Đức Kitô để nhìn nhận và cử hành cội nguồn cuộc sống chúng ta. Tuy nhiên, tiết nhịp cuối cùng lời kinh nguyện này lại sai chúng ta ra đi chia sẻ những gì chúng ta là, và những gì chúng ta vừa nhận lãnh với những người sống chung quang ta.

Có thể gọi trách nhiệm này là “sự dân thân”. Chúng ta tụ họp nhau vì danh Đức Kitô để nghe lời Người và để được tăng sức tung bước ra đi như ánh sáng soi cho trần gian, như muối ướp cho mặn đời. Như thế chỉ khi nào sống khác với trần gian, chúng ta mới có cái gì để cống hiến cho trần gian. Người tín hữu phải duy trì cho được tính độc nhất vô nhị đây ý thức này để trở thành “mảnh vườn thực nghiệm cho một nhân loại mới”.

Viễn tượng về sự tái tạo đề xuất ở đây thật rất thích hợp. Không khác gì viễn cảnh của ngôn sứ Isaia nói về thời cánh chung : thời mà sư tử và chiên con có thể nằm kề bên nhau cách yên ổn, thời mà trẻ con có thể nô đùa với rắn độc, thời mà tất cả đều có thể sinh sống hài hòa trong một khu vườn. Ngôn sứ nghĩ về cảnh tượng đó như một vườn Địa Đàng mới. Trong nghĩa này, sứ mạng truyền giáo là ước nguyện của Thiên Chúa muốn cứu vớt và chúc phúc cho toàn thể thế giới. Và ước nguyện này là lý do của việc nhập thể.

Hiến chế “Giáo Hội Trong Thế Giới Ngày Nay” của Vatican II đề cao ý nghĩa toàn cầu của việc sai phái này như hành động của Chúa Thánh Linh. Lịch sử thế giới không chỉ là lịch sử của sự ác, nhưng là lịch sử của Triều Đại Thiên Chúa đang được tiến hành nhờ tác động của Chúa Thánh Thần. “Thánh Thần Chúa với sự quan phòng kỳ diệu, hướng bước thời gian và đổi mới bộ mặt địa cầu.” Điều này theo rất sát viễn tượng của Phaolô trong thư gửi tín hữu Rôma 8,18-27, chính tạo thành đang khắc khoải mong chờ sự cứu rỗi mà Thần Khí có thể mang lại.

Điều này làm chúng ta vượt khỏi khuynh hướng thu gộp tất cả sứ mạng và ân sủng dưới công trình của Chúa Kitô. Một lối tập trung hạn hẹp trên Chúa Giêsu có thể bỏ sót Thánh Thần Chúa. Đó là điều quan trọng ta phải luôn nhớ khi đối diện với nhiệm vụ đang chờ chúng ta trong thiên niên kỷ thứ ba. Chúng ta có thể thấy Chúa

Thánh Linh như đang được Chúa Kitô “cho nghỉ phép”; nhưng thực ra công việc của Chúa Thánh Linh vượt khỏi tầm nhìn bình thường của Giáo Hội và không bị gò bó trong một cơ cấu nào. Chúng ta biết Thần Khí muốn thổi đâu thì thổi. Nhưng nếu lên kịp giây đàn cho hợp với công việc của Thần Khí, chúng ta không cần phải sợ khả năng của mình quá hạn hẹp trong nỗ lực đưa thế giới về với viễn cảnh nguyên thủy của nó, một thế giới ở đó tất cả có thể sống trong bình an và hài hòa.

Chắc chắn đó chính là viễn tượng ngôn sứ Isaia đã được linh ứng, và đó cũng giống như viễn tượng Đức Giêsu được linh ứng trong bài giảng khai mạc nơi quê quán của Người (Lc 4, 16-30). Người đã dùng Isaia để bắt đầu bài giảng khi tuyên bố Thánh Thần đã xúc dầu cho mình để công bố Tin Mừng cho người nghèo khó, loan báo sự giải thoát cho kẻ bị giam cầm, phục hồi ánh sáng cho người mù lòa, giải phóng cho người bị áp bức. Công việc của Thánh Thần Chúa còn lớn hơn cả hữu thể của chúng ta, hoặc lớn hơn những gì chúng ta tưởng.

Có thể đọc tác giả Luca theo cách thấy dường như có một cuộc chiến đấu đơn độc của một người chống lại tất cả mọi người khác tại Nazareth. Chắc hẳn Đức Giêsu đã được khởi hứng từ viễn tượng phục hồi của ngôn sứ Isaia. Ước mong của Người là đem lại một Israel được đổi mới theo khuôn mẫu được các ngôn sứ đúc trước từ xa xưa. Tuy nhiên, khi nói Thần Khí Thiên Chúa ngự xuống trên mình, Đức Giêsu không bao giờ ngụ ý rằng Thần Khí chỉ ngự trên một mình Người! Đức Giêsu không đến để công bố rằng mình là người độc nhất xuất hiện để chỉ cần một tay có thể đem lại những gì mà muôn thế hệ con người kỳ vọng.

Đúng hơn, những gì Đức Giêsu làm tại Nazareth là những gì chúng ta thấy qua nhiều đoạn Tin Mừng khác khi khởi đầu sứ vụ công khai của Người, đó là tìm kiếm sự hỗ trợ. Mọi sách Tin Mừng đều công nhận rằng Đức Giêsu đã bắt đầu sứ vụ bằng cách kết nạp các môn đệ. Lời kêu mời của Đức Giêsu không phải là lời công bố về chính bản thân mình cho bằng một nỗ lực làm cho người khác cũng cảm thấy hứng khởi như Người theo thách đó của ngôn sứ. Nếu người khác đã

có thể được bùng cháy lên với viễn ảnh tương tự như vậy, thì tất cả sẽ có thể được đem lại gần hơn với sự thành toàn.

Vấn đề của Đức Giêsu tại Nazareth cũng giống như vấn đề chúng ta thấy trong nhiều nhà thờ Công Giáo ngày nay. Giáo dân sẵn sàng chiếm lấy Đức Giêsu như một phần của cuộc sống họ bao lâu Người có một cái gì để ban phát cho họ. “Ông hãy làm tại quê quán ông đây những gì chúng tôi nghe ông đã làm ở Capharnaum” (Lc 4,23). Chúng ta vui mừng nhận biết Đức Giêsu như là một người trong chúng ta bao lâu ta có thể lợi dụng lòng thương xót và tình yêu thương của Người. Tôn giáo chỉ tốt bao lâu chúng ta có thể hưởng lợi được, nhưng khi tôn giáo yêu cầu chúng ta bỏ đi những thoải mái để làm điều tốt cho người khác, thì chúng ta bài trừ tôn giáo. Đức Giêsu đưa ra loại thách đố thứ hai này. Người không đến lập cửa hàng ở một nơi nào đó cho một dân tộc nào, nhưng để tuyển mộ tất cả vào đạo binh của Người để biến đổi toàn xã hội.

III – VIỄN ẢNH NƯỚC TRỜI

Quả thực, khi đón nhận lời mời gọi của Đức Giêsu, chia sẻ tại bàn tiệc của Người, chúng ta chấp nhận một tình liên đới với Người, một sự liên đới vượt xa khỏi câu nói đầy kích động của dân thành Nazareth : “Ông là đồng hương của chúng ta mà !” (Lc 4,22). Điều này ám chỉ một sự vươn lên với thách đố của Đức Giêsu, và một lời sẵn sàng đáp trả : “Chúng ta là một với Người !” Chấp nhận tình liên đới với Đức Kitô có nghĩa là chấp nhận viễn ảnh của Người, là công bố rằng chúng ta cũng như Người được húng khởi do viễn ảnh đó và ước mong lấy đó làm của mình. Như vậy, tuần này qua tuần nọ, chúng ta tụ họp nhau nghe Lời Người để được thách đố và tăng cường sức mạnh đứng vào vị thế của công cuộc đổi mới xã hội chúng ta đang sống. Nếu chúng ta chỉ chiếm lấy những gì có ích cho bản thân mà không nỗ lực làm gì khác cho tha nhân, tức là đón nhận lời mời gọi của Đức Kitô cách gian xảo.

Luôn gìn giữ sống động viễn ảnh Nước trời mà Đức Giêsu mời gọi là một điều quan trọng. Vì chính cái nhìn này sẽ giúp chúng ta thấy được những gì cần thiết phải làm ở mọi nơi mọi lúc cho Triều Đại Thiên Chúa ngự trị. Một viễn ảnh giúp chúng ta đi đúng hướng, giúp chúng ta nhắm thẳng mục đích mà tiến giữa những viễn ảnh và chủ

nghĩa cạnh tranh nhau. Vì viễn ảnh này còn rộng lớn hơn cả con người chúng ta cho nên có khả năng phấn khích chúng ta trong cuộc sống. Thậm chí viễn ảnh này bao la hơn cả Giáo Hội, do đó có thể giúp chúng ta thấy và đánh giá hành động của Thánh Thần Chúa đang hành động trong thế giới này, trong tất cả những gì là tốt đẹp cao cả để hướng cộng đồng nhân loại đến khuôn mẫu mà Giáo Hội nhắm đến. Đừng bao giờ quên rằng Thiên Chúa chúng ta là một Thiên Chúa của những bất ngờ. Trong thư gửi tín hữu Philip, thánh Phaolô nói : “Sau cùng, những gì là chân thật, cao quý, những gì là chính trực tinh tuyền, những gì là đáng mến, đem lại danh thơm tiếng tốt, những gì là đức hạnh đáng khen, thì xin anh em hãy để tâm tới” (Pl 4,8).

Về mặt thần học thì quan niệm về một Giáo Hội tích cực được sai đi đặt cơ sở trên nền thần học vững chắc có từ xa xưa. Công Đồng Vatican II thấy rất phù hợp việc làm sống lại giáo huấn Kinh Thánh và Giáo Phụ về chức tư tế phổ quát của tất cả các tín hữu. Điều này dựa trên giáo huấn của Công Đồng rằng mọi người nhờ phép rửa đều bình đẳng về phẩm giá, về ơn gọi sống thánh thiện, và về trách nhiệm làm việc cho cánh đồng Phúc Âm. Do đó bất cứ một công việc nào thực hiện bởi những thành viên của Giáo Hội, chúng ta không được coi như chỉ là sự nối dài công việc của hàng giáo phẩm, nhưng phải coi đó như một sứ vụ phát sinh từ phép rửa. Tác vụ không thuộc độc quyền của hàng giáo phẩm, các giáo sĩ chỉ có thẩm quyền trên những tác vụ dành riêng cho chức tư tế trong cộng đồng tín hữu.

Các đoạn Kinh Thánh nói về chức tư tế vương giả trong thư thứ I của Phêrô và trong sách Khải Huyền. Đặc biệt thư I Phêrô trình bày một tư tưởng rất hay về thần học phép rửa. Nội dung của sứ điệp rất rõ ràng và đơn giản : bổn phận người môn đệ Chúa là sống trong trần gian chứ không trốn thoát khỏi trần gian. Với sứ mạng thúc bách được sai đi, mỗi người tín hữu có trách nhiệm hướng thế giới này đến hòa hợp trong bài ca khen Thiên Chúa.

IV - LINH ĐẠO CHỨNG TÁ

Chúng ta đang bàn đến một linh đạo của việc làm chứng tá. Gương yêu thương và phục vụ để xây dựng cộng đồng của người Kitô hữu là sứ điệp hùng hồn nhất chúng ta có thể gửi đến cho một thế giới đang

đói khát ý nghĩa. Cuộc sống chứng tá của chúng ta có thể thay đổi thế giới này. Đó là ơn gọi của người Kitô hữu. Bức thư của Phêrô được viết ra để nhắc nhở những người đã lãnh nhận bí tích thánh tẩy rằng chúng ta đã được hiệp nhất với nhau trong phép rửa để sống trọn vẹn ý nghĩa là môn đệ của Đức Giêsu ngay giữa lòng thế giới.

Thánh Phêrô nhấn mạnh trên hai điều. Điều thứ nhất là tất cả được mời gọi trở thành những người tham gia tích cực vào cơ cấu của thế giới này. Tác giả bức thư hoàn toàn xác tín rằng đức tin và lối sống dần thân của người Kitô hữu là một lực đẩy làm cho người khác quay về với Thiên Chúa. Chỉ bằng cách sống trọn vẹn cuộc sống người Kitô hữu giữa lòng thế giới này, chúng ta có thể đẩy xa hơn công việc Thiên Chúa đang thực hiện trong và qua chúng ta để đưa thế giới đến với phần số của mình, đó là đến với sự viên mãn của ơn cứu rỗi do Đức Kitô mang lại. Thứ đến, tác giả bức thư nhận thấy rằng nếu người tín hữu sống cách tinh ròng vững mạnh thì những đam mê không chính đáng sẽ bị dập tắt, và chúng ta chỉ hướng mắt tập trung vào Đức Kitô, Đấng đã yêu thương và hy sinh mạng sống vì chúng ta. Sau cùng, chúng ta phải phát huy lòng can đảm để sống ơn gọi của mỗi người. Đây là lời khuyên vẫn còn mang tầm mức quan trọng cho chúng ta ngày hôm nay.

Cũng thế, khi Phêrô nói về “hy lễ thiêng liêng” trong thư thứ nhất, điều này đối chiếu với quan niệm đối nghịch giữa “xác thịt” và “tinh thần” thường thấy trong thư Phaolô. Mỗi hành động, mỗi hy tế đẹp lòng Chúa đều thiêng liêng và thực sự sống động (Rm 12,1). Thánh Augustin cũng nói : “Lễ vật đích thực là mỗi công việc chúng ta làm với ý hướng kết hợp với Thiên Chúa trong một sự thông hiệp thánh thiện và sống động.”

Sứ điệp của sách Khải Huyền cũng thế. Với những thuật ngữ mang tính phụng vụ hơn, tác giả nhắc nhở chúng ta rằng triều đại của Thiên Chúa sẽ hiển trị sau cuộc chiến thắng trên thế giới tội lỗi. Chúng ta không phải là những người bị trị, nhưng là những người cùng tham gia trị vì với Đức Kitô. Thánh Gioan hướng tới sự thành toàn cánh chung của Triều Đại Thiên Chúa mà Đức Kitô đã sống và chết cho. Ở đây rõ ràng hơn thư thứ nhất của Phêrô, tác giả sách Khải Huyền phác họa viễn ảnh của một cộng đoàn Thánh Thể tụ họp nhau để

cùng ca ngợi và tôn vinh Thiên Chúa, luôn ý thức phẩm giá của mình và sống những đặc ân và trách nhiệm của mình.

Giờ kinh phụng vụ của ngày thứ Tư tuần 5 Phục Sinh có một trích đoạn từ lá thư gửi cho Diognetus. Ở phần cuối của đoạn văn có một chứng tá đáng chúng ta bỏ công suy tư :

“Không phải quốc tịch, ngôn ngữ hoặc tập tục làm cho người Kitô hữu khác biệt với người khác. Họ không phải là những người ở trong những thành riêng do tay họ xây cất, hoặc có một ngôn ngữ riêng hay một vài lối sống dị hợm. Không như người khác, họ không bảo vệ cho một chủ thuyết nào hoàn toàn mang tính nhân loại. Nói chung về cách ăn mặc, thực phẩm hoặc lối sống thì họ theo tập tục của những nơi mà họ sinh sống, dù ở Hy Lạp hay ở nước ngoài.

“Thế nhưng có một cái gì khác lạ trong cuộc sống của họ. Họ sống trong đất nước mình như người qua đường. Họ thi hành triệt để nghĩa vụ công dân, nhưng lao động thay cho các bất lực của người khác... Cách chung, chúng ta có thể nói người Kitô hữu đối với thế giới, như linh hồn đối với thân xác. Cũng như linh hồn luôn có mặt trong mỗi một chi thân nhưng vẫn khác với chi thân, thì người Kitô hữu cũng có mặt trong mọi thị thành của thế giới này, nhưng không bị đồng hóa bởi thế giới này.”

Dường như một lần nữa chúng ta bắt đầu trải nghiệm được sức sống mô tả trong lá thư của người tín hữu thời tiên khởi này. Chắc chắn một trong những thay đổi đầy kịch tính nhất đang xảy ra trong Giáo Hội ngày nay, đó là sự chuyển biến từ việc coi những sứ mạng hay công tác tông đồ như là độc quyền của hàng linh mục, đến cách nhìn ngày càng rõ hơn (và rất chính đáng) xem những việc đó như là trách nhiệm của tất cả những ai đã chịu phép rửa. Thậm chí nhiều người cho việc “giáo dân hóa” này của Giáo Hội như là dấu chấm hết của Giáo Hội thời Constantinô. Xin cho triều đại ấy được nghỉ yên đời đời !

Vatican II chấp nhận biến đổi này. Trong hiến chế “Lumen Gentium” (Ành Sáng Muôn Dân), có câu : “Tông đồ giáo dân đang chia sẻ sứ mạng cứu rỗi của Giáo Hội. Bởi Phép Rửa và Thêm Sức, mọi người đều được chính Chúa chỉ định để làm việc tông đồ” (số 33). Sắc lệnh “Ad gentes” (Đến Với Muôn Dân) còn đi xa hơn và khẳng định dứt

khoát : “Giáo Hội chưa được thiết lập trọn vẹn, chưa sống đầy đủ, cũng chưa là dấu chỉ tuyệt hảo của Đức Kitô, nếu chưa có hàng giáo dân năng nổ sống và làm việc bên cạnh hàng giáo phẩm” (số 21).

Trong Giáo Hội những năm vừa qua, mẫu điển hình nhất về sức sống và việc tông đồ giáo dân được nổi bật nơi hiện tượng các cộng đoàn tín hữu cơ bản hoặc cộng đoàn Giáo Hội cơ bản. Bắt đầu từ Châu Mỹ La Tinh, hiện nay các cộng đoàn này đã phát triển trên toàn cầu. Ở Philippines, các cộng đoàn này đã giúp cho Giáo Hội tồn tại trong một đất nước thiếu hụt linh mục cách thâm trọng. Hiện tượng này đem lại một ý nghĩa về phẩm giá và quyền hạn cho những ai trước đây chỉ cho mình có một giá trị rất nhỏ nhoi.

Mặc dầu các cộng đoàn giáo hội cơ bản xem ra hữu hiệu hơn trong các nước thuộc thế giới thứ ba hoặc trong các vùng quê, người ta bắt đầu có ý nghĩ phải thành lập các cộng đoàn này ngay trong thế giới đã được đô thị hóa của phương Tây. Người ta rút kinh nghiệm từ các cộng đoàn cơ bản để chia các giáo xứ rộng lớn ra thành những đơn vị nhỏ. Trong nhiều trường hợp, các cộng đoàn này dựa trên sự phân chia địa dư, nhưng họ cũng có thể bắt đầu như những nhóm cầu nguyện hoặc các nhóm học hỏi Kinh Thánh. Thậm chí có vài nhóm theo đặc sủng đã họp nhau lại sống thành những cộng đoàn có lời hứa riêng.

Trong mỗi nhóm nhỏ, các tín hữu dần dần chu toàn trách nhiệm với chính lòng tin của họ, đồng thời làm lan tỏa đức tin đó trong thế giới chúng ta đang sống. Kinh nghiệm cho thấy tầm mức quan trọng của việc có được những người tín hữu khác, để cùng với họ, chúng ta có thể cầu nguyện và tìm được sự khích lệ hầu lớn lên trong quyết tâm trở thành muối đất và ánh sáng cho trần gian. Trong những nhóm nhỏ đó, chúng ta có thể cùng nhau suy niệm Lời Chúa và nghiêm chỉnh lãnh trách nhiệm sống đức tin cách trọn vẹn trong thế giới hôm nay.

Sau cùng truyền giáo là một thực tại đa dạng bao gồm sự dần dần của mỗi người trong Giáo Hội để sống chứng nhân như : phục vụ người khác, phục vụ cho công lý, xoa dịu các vết thương đau, hòa giải, cổ võ cho hòa bình, cho tình hữu nghị, cho việc đại kết, và làm bất cứ việc gì nhằm xây dựng Triều Đại Thiên Chúa.

V – CUỘC SỐNG LÀ LỜI CÔNG BỐ ĐỨC KITÔ PHỤC SINH

Ngày nay, nhiều người đã đặt tầm quan trọng hơn trên mâu nhiệm Nhập Thể. Ví dụ như quan tâm nhiều hơn trên bản tính nhân loại của Đức Giêsu như thấy trong thần học giải phóng và nơi các cộng đoàn cơ bản. Những nỗ lực này tập trung vào lối sống thực tiễn của Đức Giêsu trong cuộc sống trần gian của Người. Người ta đã có lý khi phê bình Giáo Hội Tây Phương là đã quá nhấn mạnh đến thần tính của Đức Kitô đến nỗi làm cho sự chọn lựa người nghèo (mà chính Đức Kitô đã làm) bị lu mờ.

Kể từ thời Anselmô, người ta đã quá bận tâm về thánh giá trong cuộc sống người Kitô hữu. Nhưng buồn thay thánh giá thường được tách khỏi cuộc sống của Đức Kitô. Sự dâng hiến mạng sống mình của Đức Kitô đã bắt đầu ngay lúc mới sinh ra, và được chứng minh trong đời sống công khai cũng như trong cái chết trên thập giá. Tuy nhiên, sự thực vẫn là thánh giá đã hòa giải những con người vốn xa lạ với nhau. Thánh giá đòi buộc cả hai bên phải hy sinh, người áp chế cũng như người bị áp chế. Chúng ta phải học yêu thương kẻ thù như chính Đức Giêsu đã làm, và ý thức rằng bất cứ việc gì làm cho Nước Trời sẽ không vô ích.

Đặc biệt, trong các Giáo Hội Đông Phương, sự Phục Sinh của Đức Giêsu được xem như một biến cố cứu rỗi bậc nhất. Vào những năm gần đây, Giáo Hội Tây Phương đã bắt đầu chú ý hơn đến ý nghĩa này. Thay vì chỉ tập trung trên mâu nhiệm thánh giá, chúng ta bắt đầu nói lên cách cẩn thận rằng chúng ta được cứu nhờ cuộc sống, tử nạn và phục sinh của Đức Kitô. Cụ thể ra, điều này có nghĩa là cuộc sống chúng ta phải là một lời công bố về Đức Kitô Phục Sinh. Chúng ta được kêu gọi để sống một đời sống phục sinh trong thế giới hôm nay như một dấu chỉ chống lại mãnh lực của sự chết và sự hủy diệt, một dấu chỉ lộ mặt nạ những thần tượng tân thời và những thú tuyệt đối giả tạo.

Trong thời của phong trào đại kết, truyền thống Calvin còn muốn chúng ta thêm biến cố Thăng Thiên vào bộ ba : sống, tử nạn và phục sinh của Đức Kitô. Mặc dầu Gioan liên kết với mâu nhiệm Phục Sinh, Matthêu và Marcô vẫn nhấn mạnh đó như một biến cố tách biệt. Với giá nào đi nữa, Phục Sinh giúp chúng ta thấy được chính

mình đang sống trong thời của Giáo Hội, giữa biển cố Lên Trời và Cánh Chung, và giúp chúng ta nhìn lại thánh giá để thấy đó như khởi đầu cho việc kiện toàn các thời đại. Từ một góc độ thực tiễn, Phục Sinh giúp chúng ta tránh việc phát triển một đường lối “tu đức thoát tục” để từ chối dần thân vào trong thế giới phải được đưa đến thành toàn (xem Rm 8,18-25).

Lễ Ngũ Tuần là biển cố quan trọng khác. Biển cố này tập trung trên sự hiện diện của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội. Đã quá lâu chúng ta quên bằng sự hiện diện và hoạt động của Chúa Thánh Thần trong Giáo Hội. Trong những năm gần đây phong trào đặc sủng nhắc nhở chúng ta về sự thiếu sót này. Có những phê bình cho rằng các người theo đặc sủng ít chú trọng đến thực tại của thánh giá. Tuy nhiên, những người này đã cống hiến một nhắc nhở quan trọng cần thiết của một Giáo Hội trong đó ân huệ của Chúa Thánh Thần là một sự thật hiển nhiên, và trong đó tất cả đều quan tâm đến nhau.

Sau cùng, một số người nhấn mạnh trên tình trạng cánh chung (parousia). Có một vài nhóm, thường liên kết với hệ phái Tin Lành cực đoan (fundamentalist), đặt trọng tâm quá đến việc Đức Kitô sẽ trở lại. Truyền thống Giáo Hội Công Giáo không bao giờ quá nhấn mạnh như thế đến việc phán xét cuối cùng hoặc việc Chúa lại đến. Tuy nhiên, chúng ta cần nhớ rằng tương lai là quan trọng chỉ trong điều kiện là để cung cấp một viễn ảnh cần thiết về việc sự lành đang chiến thắng trên các quyền lực của sự dữ. Một chủ tâm như thế cũng giúp chúng ta tránh việc đồng hóa Giáo Hội với Nước Trời, cho phép chúng ta góp ý xây dựng Giáo Hội, và coi Giáo Hội như tiền đồn của Triều Đại Thiên Chúa, của trời mới đất mới mà tất cả chúng ta trông đợi.

Tuy nhiên, không có một cố gắng nào trong những nỗ lực trên có thể hiểu đúng được nếu bị tách biệt nhau hoặc khai trừ nhau. Tất cả đều cần thiết nếu sứ điệp Tin Mừng không bị cắt lẽ ra và bị biến thái. Nhưng có thể quan điểm này hay quan điểm nọ được nổi bật hơn các điểm nhấn khác, điều này tùy vào sở thích về quan điểm thần học riêng của mỗi người. Trong tài liệu này chúng ta cố gắng lướt qua tầm nhìn rộng lớn về phương diện thần học để cống hiến một mẫu

sống Thánh Thể cho cuộc sống người Kitô hữu, cho nên đôi khi chỉ lược qua mỗi điểm nhấn mạnh ở trên.

Điều quan trọng là phải nhận thức và duy trì được mục tiêu nhắm đến này. Bằng cách nhấn mạnh trên những tiết nhịp của việc cử hành Thánh Thể, chúng ta công bố rằng các tiết nhịp đó không những chỉ nhắc nhở cho mỗi người các tiết nhịp cơ bản của cuộc sống người Kitô hữu, mà còn khẳng định rằng việc cử hành Thánh Thể chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi cách thức chúng ta sống các tiết nhịp đó như thế nào trong cuộc sống Kitô hữu của mình. Chúng ta không thể cho mình là Kitô hữu nếu chỉ giới hạn việc cầu nguyện và thờ phượng của chúng ta vào lãnh vực thánh thiêng nào đó mà không bám sát với thực tại rất đời thường trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta.

Trong tất cả các tiết nhịp, tiết nhịp “sai đi” dễ dàng bị lãng quên nhất. Chúng ta thường có xu hướng nghĩ rằng tất cả điều Thiên Chúa muốn là chúng ta phải tránh xa tội lỗi. Tuy nhiên, nếu cuộc sống của chúng ta là phản ảnh vũ điệu hoàn cầu của Thiên Chúa, thì việc chấp nhận lời mời gọi của Đức Kitô đến thông dự bàn tiệc của Người diễn tả một sự tự nguyện trở thành cánh tay nối dài của Người trong việc cứu rỗi trần gian.

CHƯƠNG 13

KHI VỮ ĐIỆU KẾT THÚC

I – Ý NGHĨA SỰ THÁNH THIỆN

Nhiều tôn giáo có những nơi thánh, vật thánh, những con người thánh. Điều này có tốt không? Có thể thành vấn đề nếu điều đó tạo ra một khoảng cách giữa lãnh vực thiêng và tục. Lúc đó, sự thánh thiện dần dần bị giảm thiểu, chỉ giới hạn nơi một mảnh cuộc sống chúng ta, dẫn đến việc tôn giáo bị phân cách. Hậu quả là thế giới bị biến thành một nơi vô thưởng vô phạt, hay tệ hơn, một nơi của sự ác, thuộc quyền của Satan. Cách nào đó thì thế giới này không có liên quan gì đến tôn giáo.

Màu nhiệm Nhập Thể của Đức Giêsu phải làm cho người tín hữu xác tín rằng sự thánh thiện không thể tách rời khỏi trần thế. Bằng việc mặc lấy xác phàm nhân loại để sống như tất cả mọi người, Đức Giêsu mạc khải cho chúng ta rằng toàn diện cuộc sống có thể được thánh hóa, và Thiên Chúa có thể được tôn vinh trong mọi sinh hoạt hằng ngày của ta. Theo nghĩa nào đó thì Đức Giêsu đã sống một cuộc đời rất trần thế. Người không phải là một người được thánh hiến. Người không bao giờ có một tác vụ nào trong Đền Thờ. Tác vụ của Người liên quan đến mọi sinh hoạt hằng ngày của những con người mà Người gặp gỡ. Và Người đã chết treo trên một ngọn đồi ở ngoài thành như một phạm nhân bị hành quyết, không có gì linh thánh !

Chính cuộc sống của Đức Giêsu đem lại ý nghĩa đích thực của sự thánh thiện. Theo một nghĩa nào đó, Kitô Giáo đã chuyển dịch ý nghĩa sự thánh thiện từ những sự vật hay những hành động đến lịch sử và đến chính thời gian. Cụm từ “ngày của Chúa” thường được nhắc đến trong văn chương ngôn sứ cũng đã dọi lại nhiều lần trong Tân Ước. Học để thánh hóa ngày của Chúa, để thánh hóa thời gian, còn quan trọng hơn là chạy tìm kiếm Thiên Chúa trong một ngôi đền thánh nào. Quả thực, những gì cử hành trong phụng vụ chỉ có ý nghĩa nếu chúng ta giúp làm tốt hơn công việc đầu tư tất cả ngày sống của chúng ta trong dấu ấn của Đấng tác thành nên thời gian.

Truyền thống Do Thái đặt nặng tầm quan trọng trong việc giữ ngày Sabát. Đây là điều phân biệt người Do Thái với các dân tộc khác. Ý tưởng về việc nghỉ ngơi trong ngày Sabát là một phần tư duy của họ. Giữ ngày Sabát là một bảo đảm liên hệ giao ước giữa họ với Thiên Chúa, và làm cho họ được đẹp lòng Ngài. Mặc dù vậy, các tín hữu tiên khởi đặt trọng tâm trên ngày Chúa Nhật hơn là ngày thứ bảy. Thật lạ lùng!

Đây không đơn thuần là vấn đề chuyển đổi ngày thánh vào một thời gian thuận tiện hơn. Điều này bao hàm một thần học hoàn toàn mới. Nếu Sabát là một ngày nghỉ ngơi, thì Chúa Nhật là một ngày làm việc! Cũng như Thiên Chúa khởi công tạo dựng trong ngày đầu tiên, thì Người bắt đầu công việc tái tạo cũng trong ngày đầu tiên. Ngày phục sinh là ngày mà người tín hữu họp nhau lại để tự dần thân vào công trình cứu rỗi của Đức Kitô, để ra đi mang trong mình quyết tâm biến đổi thời gian, biến đổi toàn vẹn lịch sử với chất men của Tin Mừng.

II – THÁNH THỂ LÀ SUỐI NGUỒN CUỘC SỐNG NGƯỜI KITÔ HỮU

Tạo thành là ngôn ngữ của Thiên Chúa. Thời gian là điệu nhạc, là vũ khúc của Người, và muôn loài được mời gọi tham dự vào vũ khúc đó. Phụng vụ Chúa Nhật mang ý nghĩa đưa ta hòa nhập với tiết nhịp của Thiên Chúa, giúp ta trở thành người làm chủ không gian của mình để thánh hóa thời gian và được thời gian thánh hóa. Đó là cách Thiên Chúa dạy cho chúng ta bước đi theo điệu vũ như con cái của Người. Đây là cách mà toàn bộ cuộc sống chúng ta thực sự được thánh hiến.

Phụng vụ dù được cử hành đầy đủ hoặc thiếu hụt ý nghĩa như thế nào thì cũng chứa đựng cả một kho tàng của biểu tượng. Biểu tượng phụng vụ có năng lực biến đổi kinh nghiệm nhân loại của chúng ta bằng cách đem lại ý nghĩa cho những biến cố khác nhau dệt thành cuộc sống hằng ngày của chúng ta. Tâm cỡ của công việc này có thể thấy được từ những những kinh nghiệm và nhu cầu rất khác nhau của con người trong bất cứ một cộng đồng nào. Những kinh nghiệm và nhu cầu của con người ở mọi thời, mọi môi trường, mọi cấp độ đều liên hệ với sự lớn mạnh của đức tin. Cách này hay cách khác, phụng

vụ phải đáp ứng các nhu cầu của tất cả những ai tụ họp lại, và giúp họ thánh hóa cuộc sống của họ.

Sở dĩ phụng vụ có thể làm được chuyện này là vì kho tàng phong phú giá trị biểu tượng của phụng vụ có thể ngỏ lời với con người ở mọi góc độ khác nhau của cuộc sống. Phụng vụ nói về một thực tại quá phong phú đến nỗi chúng ta có thể rút ra từ thực tại đó những gì cần cho nhu cầu, những gì đã được chuẩn bị sẵn cho sự hiểu biết của chúng ta. Tuy nhiên, phụng vụ cũng luôn kêu mời chúng ta đi sâu hơn, đầy đủ hơn, vào mầu nhiệm của Đức Kitô, vào vũ khúc của Thiên Chúa để làm cho cuộc sống Kitô hữu của chúng ta trở thành đúng ý nghĩa nhất.

Chúng ta không nên xem thường tác động tích lũy của việc cử hành Thánh Thể đều đặn mỗi Chúa Nhật. Hy vọng rằng việc cử hành Thánh Thể trong nhiều năm sẽ ghi dấu ấn qua việc giúp cho người tín hữu hiểu biết hơn ý nghĩa cuộc sống, và được lớn lên trong đức tin và tình yêu. Đó là hiệu quả trực tiếp của phụng vụ, cho dù phải lâu dài mới rõ nét. Khi cảm nghiệm được theo thời gian, chính việc cử hành có thể khuôn đúc thái độ, hình thành những giá trị và kiến tạo con người Kitô hữu. Theo một nghĩa nào đó, phụng vụ ban tặng một kinh nghiệm thực tế sâu xa hơn kinh nghiệm ta có được trong đời sống hằng ngày. Như một quà tặng của tình yêu Thiên Chúa, phụng vụ khai mở cho chúng ta ý nghĩa của tất cả công trình tạo dựng.

Như thế, những gì chúng ta làm từ Chúa Nhật này qua Chúa Nhật khác không phải trước tiên là những gì chúng ta dâng lên Thiên Chúa, nhưng chính là những gì nâng đỡ, tăng sức và từ từ biến đổi chúng ta. Thời gian thánh hiến (trong lúc cử hành phụng vụ) và thời gian bình thường (trong cuộc sống hằng ngày) được hòa tan nên một, nhờ Lời và tác động của Đức Giêsu trong chu kỳ phụng vụ. Dần dần, chúng ta được sát nhập vào thời gian, vào trong cách nhìn sự vật của Thiên Chúa, và chúng ta nhận thức cách sâu thẳm rằng Thánh Thể gói gọn ý nghĩa đời sống Kitô hữu. Thánh Thể, như Công Đồng Vatican II nhắc nhở, là suối nguồn cuộc sống người Kitô hữu.

Nhưng như Edward Kilmartin thường nói, cách nhìn phụng vụ này về ý nghĩa cuộc sống con người chỉ được hoan nghênh, chỉ mang tính

thuyết phục với điều kiện phụng vụ thực sự trở thành trung tâm định hướng và nguồn năng lực cho hoạt động của người Kitô hữu trong mọi góc độ cuộc sống. Không có gì gọi là máy móc hoặc ảo thuật trong phụng vụ Thánh Thể. Đã qua rồi thời mà chúng ta cảm thấy rằng bao lâu không ở trong tình trạng mắc tội trọng thì chúng ta sẽ nhận lãnh được dư tràn ân huệ, đơn giản là vì chúng ta đã có mặt ở đó trong Thánh Lễ. Phụng vụ phải được hiểu cho đúng, tức là mối tương quan liên vị mà Đức Kitô mang lại cho chúng ta, mối tương quan đòi hỏi chúng ta phải thực sự hiện diện trong toàn ý nghĩa của hai từ “hiện diện” thì mới đem lại ơn ích.

III – THÁNH THỂ LÀ CHÓP ĐỈNH ĐỜI SỐNG NGƯỜI KITÔ HỮU

Phụng Vụ Thánh Thể không những là suối nguồn nhưng còn là chóp đỉnh của đời sống người Kitô hữu. Cách nào đó phụng vụ chính là một cử hành thực tại cuộc sống chúng ta. Điều này thật kinh khủng, vì cho thấy cuộc sống hằng ngày của ta mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Chúng ta có đức tin hay thiếu đức tin khi đến cử hành phụng vụ, chiều sâu sự dấn thân mà chúng ta tỏ hiện, mẫu gương Kitô Giáo mà chúng ta ôm ấp, tất cả những yếu tố này đều ảnh hưởng trên phụng vụ chúng ta cử hành. Chúng ta không thể cử hành một cuộc sống hoàn toàn đi ngược lại với những gì phụng vụ biểu trưng, rồi trông mong rằng phụng vụ sinh ơn ích cho chúng ta.

May thay, trong hầu hết các buổi cử hành phụng vụ, cộng đoàn tham dự gồm nhiều thành phần khác nhau, đa số đều mong muốn thời giờ họ sống với Đức Kitô phục sinh sẽ mang lại hoa trái cho họ. Họ đã quen nghĩ Thánh Thể như là sự diễn tả cách bí tích tuyệt hảo về Giáo Hội, dù họ không hiểu gì nhiều về điều này, hoặc đã cảm thấy quá nhàm chán với phụng vụ. Tuy nhiên, Đức Kitô vẫn có thể làm một cái gì đó từ bất cứ thiện ý nào họ biểu lộ ra.

Hiểu về phụng vụ thánh lễ theo các tiết nhịp căn bản thú vị hơn là theo những phạm trù chuyên môn như hy tế, sự hiện diện thực sự, hiệp thông, phụng vụ Lời Chúa, và phụng vụ Thánh Thể. Điều đó không có nghĩa là bỏ qua những yếu tố khác biệt của phụng vụ Thánh Lễ, nhưng chỉ muốn đặt các yếu tố đó vào trong một cái sườn mới. Nếu Thánh Lễ thực sự là trung tâm điều hướng cho một cuộc

sống mới thì Thánh Lễ phải được hiểu như một phản ánh trung thực cuộc đời người Kitô hữu.

Sự hiện diện thực sự của Đức Kitô trong Thánh Thể thường được hiểu một cách hết sức thụ động, như một sự hiện diện tĩnh và thể lý. Chúng ta không tới tham dự thánh lễ như những khán giả thụ động, nhưng để trân trọng và đáp ứng những gì đang được cử hành. Trong thánh lễ chúng ta cần nhận ra Đức Kitô hiện diện không chỉ nơi bánh và rượu đã được truyền phép, nhưng còn nơi cộng đoàn đang tụ tập vì danh Người, trong Lời được công bố, trong linh mục chủ tế, và trong tình thương yêu là nét đặc trưng của cộng đoàn. Chúng ta được ngập tràn trong quyền năng và sự hiện diện của Đức Kitô lan tỏa khắp nơi. Nếu không thâm định được sự hiện diện này, chúng ta không thể đáp trả lại với một lòng tin và tình yêu sẽ biến đổi chúng ta.

Các tiết nhịp phụng vụ không chỉ là những hình ảnh biểu tượng để giải thích về Thánh Lễ. Các tiết nhịp này tiêu biểu cho sự tuôn trào của hành động phụng vụ, cũng tương ứng với sự tuôn trào của chính đời sống người Kitô hữu và với ý nghĩa làm chi thể của Giáo Hội. Vậy chúng ta có thể đạt được ý nghĩa sâu sắc hơn thực tại Kitô hữu trong cuộc sống của mình khi hiểu rõ ý nghĩa và những nhịp tiến của Thánh Lễ. Hơn nữa, tiết nhịp cuộc sống của chúng ta càng gần với tiết nhịp thánh Lễ, thì việc cử hành phụng vụ của chúng ta càng sinh ơn ích.

IV – THÁNH LỄ GỒ NHỊP CHO CUỘC SỐNG

Sức qui tụ của Tiết Nhịp Triệu Tập phù hợp với bản chất của chính Giáo Hội như là Thân Mình Đức Kitô, một cộng đoàn họp nhau lại tưởng niệm Người để tiếp nối công trình của Người nơi trần gian. Một chủ tâm lớn hơn về ý nghĩa của Thánh Thể sẽ giúp chúng ta hiểu thâm sâu hơn ý nghĩa của việc được cứu rỗi. Phương diện này cũng là một phản ánh đời sống nội tâm của chính Thiên Chúa. Dù những quan niệm về Ba Ngôi Thiên Chúa chỉ được hàm ý nói đến, nhưng vẫn thâm thấu và đặt nền cho mọi sự hiểu biết mang tính cộng đoàn về phụng vụ và Giáo Hội.

Điều này cũng có thể thấy nơi mối dây liên kết chặt chẽ giữa Tiết Nhịp Chuyện Kể và Tiết Nhịp Ngôn Sứ. Người Kitô hữu phải múc

lấy sự sống từ mạc khải của Thiên Chúa. Đạo của chúng ta không mang tính quy ngã, nhưng là một cái gì chúng ta đã nhận từ Thiên Chúa Cha qua Đức Giêsu Kitô. Kitô giáo cũng như chính cuộc sống chúng ta cần được cắm rễ sâu nơi Lời Chúa, nếu ta thực sự muốn là Kitô hữu. Như thư gửi tín hữu Do Thái nói với chúng ta, đó là Lời sống động và đầy hiệu năng, “sắc bén hơn cả gươm hai lưỡi... có thể dò thấu tư tưởng và tâm tư” (Do Thái 4,12). Không chỉ đơn thuần để giúp cho sự hiểu biết, cho thêm hứng khởi hoặc ủi an, Lời Chúa còn thách đố, còn thúc đẩy chúng ta đến sự viên mãn cuộc sống trong Đức Kitô mà Thánh Thần Chúa đang gieo niềm phấn khởi.

Tầm mức quan trọng của Tiết Nhịp Dưỡng Nuôi rất nổi bật trong phụng vụ. Đây là cao điểm của toàn thể các nghi thức. Đức Giêsu đã kêu mời chúng ta đến bàn tiệc của Người và nuôi dưỡng chúng ta bằng Lời, bằng Thịt và Máu Người. Đức Giêsu làm chúng ta đầy ắp bằng chính Người để chúng ta cũng có thể làm đầy ắp những người khác. Cuộc sống hằng ngày của chúng ta càng phản ánh cách có ý thức sự quan tâm và lòng thương cảm này của Thiên Chúa, thì chúng ta càng có thể vào sâu trong trái tim Đức Kitô trong Phép Thánh Thể. Kết hiệp thân tình với Người, đi sâu vào trong trái tim Người chỉ có thể được đảm bảo, nếu chúng ta để cho Thánh Thần Chúa giúp chúng ta nhận ra Đức Giêsu trong người nghèo, người bị áp bức, trong những kẻ bị đập ra bên lề xã hội, là những người mà Đức Giêsu đã đồng hóa với họ cách mật thiết.

Đối với Tiết Nhịp Sai Đi cũng vậy. Tiết nhịp này hầu như bị quên lãng, ít nhất là đối với hàng giáo dân. Nhưng từ sau Công đồng Vatican II, chúng ta mới thấy được rằng ân huệ của Chúa Thánh Thần ngập tràn trong toàn thể Giáo Hội, chứ không phải chỉ trên hàng giáo phẩm. Chúng ta nhận ra rằng chính Giáo Hội không chỉ được sai đi mà thôi nhưng còn có sứ mạng sống động trong và cho thế giới. Giáo Hội không phải hiện diện cho chính mình, nhưng đúng hơn là để đem ánh sáng của Đức Kitô đến cho mọi dân nước.

Đến một mức độ lớn hơn, phụng vụ đặt chúng ta trong thế căng thẳng cố hữu giữa công cuộc cứu rỗi của Thiên Chúa đã thực hiện trong quá khứ, cách đặc biệt như đã thấy nơi Đức Giêsu, với lời hứa cứu rỗi sẽ dành cho chúng ta trong thời cánh chung. Phụng vụ đem

lại cơ hội để nối kết thực tại hiện hữu của chúng ta với những gì là chúng ta đã là và những gì chúng ta sẽ là. Chính lời hứa về tương lai này làm chúng ta luôn mở rộng lòng cho tác động của Chúa Thánh Thần trong cuộc sống.

Đặt mình vào trung tâm công cuộc cứu rỗi của Thiên Chúa, chúng ta có thể nhìn lại những gì Thiên Chúa đã thực hiện để biết rằng quyền năng cứu độ của Người vẫn đang hiện thực qua các Bí Tích. Chúng ta có thể nhìn về phía trước, ý thức rằng mỗi lần cử hành phụng vụ là mỗi lần tuyên xưng cuộc tử nạn của Chúa “cho đến ngày Người lại đến”. Cái nhìn hướng về một tương lai chưa thành toàn rất quan trọng. Nó giúp chúng ta tránh khỏi thái độ tự mãn, tránh khỏi ảo tưởng cho rằng tất cả mọi việc đều tốt đẹp, mọi sự đang tiến về cùng đích. Nó giúp chúng ta đo lường được giữa “những gì đang là” và “những gì phải là”.

Phương pháp nghiên cứu trong tài liệu này được xây dựng trên quan niệm rằng cấu trúc cơ bản của Thánh Lễ là cấu trúc của một bữa ăn huynh đệ, một bữa ăn được cộng đoàn Kitô hữu chia sẻ cùng với Đấng Cứu Chuộc phục sinh. Do đó, những động tác rõ nét nhất chính là việc cộng đoàn cùng nhau tụ họp, kể lại các mẫu chuyện, nuôi dưỡng họ, và sai họ trở lại nhà. Đó là cấu trúc thấy được trong bữa ăn cuối cùng của Chúa. Đó là cấu trúc xa xưa hơn và cơ bản hơn cấu trúc hiện nay.

Trong vấn đề sử dụng các tiết nhịp, một điều chúng ta phải tránh đó là áp dụng cách quá máy móc một tiết nhịp cho chỉ một phần đặc biệt nào trong Thánh Lễ. Ví dụ, tiết nhịp trình thuật không chỉ cột chặt với phần phụng vụ Lời và chỉ có phần phụng vụ Lời. Chúng ta đặt những câu chuyện của chúng ta vào trung tâm của chính lời nguyện Thánh Thể, trong những lời Truyền Phép. Cũng thế, tiết nhịp ngôn sứ được nhấn mạnh trong kinh nguyện Thánh Thể khi cầu xin Chúa Thánh Thần biến đổi không những các lễ vật mà còn chính cả bản thân chúng ta nữa, để chúng ta thực sự trở nên những gì chúng ta công bố : trở nên thân mình Đức Kitô.

Cũng theo cách thức đó, chiều kích của việc sai đi không bị giới hạn trong câu cuối cùng kết thúc Thánh Lễ ! Một lần nữa, kinh nguyện Thánh Thể nhắc nhở ta rằng những gì chúng ta đang làm đây là “để

tưởng niệm” Đức Kitô, một Đức Kitô chưa bao giờ tách khỏi Chúa Cha và Chúa Thánh Thần. Chính cùng một Đức Kitô, cách nào đó, hiện diện cách đích thực và thâm sâu trong lịch sử, trong thân mình Giáo Hội được bắt rễ sâu và được dưỡng nuôi bằng Thánh Thể. Khía cạnh truyền giáo của Giáo Hội được bắt rễ trong Ba Ngôi Thiên Chúa.

Kinh nguyện Thánh Thể, ngoài việc bao trùm trên tất cả tiết nhịp, còn đem lại cho chúng ta tinh thần cảm tạ, tinh thần này cũng thấm thấu toàn diện việc cử hành phụng vụ. Cảm tạ Chúa vì những hành động cứu rỗi của Đức Kitô đã nêu tấm gương của cuộc sống hy tế làm mẫu mực cho toàn bộ cuộc sống người Kitô hữu đích thực.

Tài liệu này đặc biệt nhấn mạnh đến sự hiện diện của Đức Kitô trong Giáo Hội, trong chiều kích cộng đoàn của các buổi cử hành phụng vụ. Đó là điểm nhấn đã bị lãng quên quá lâu. Vì chỉ đề cao một lối đạo đức cá nhân, do đó giảm thiểu thánh lễ vào một điểm tập trung hạn hẹp trên những gì xảy ra cho bánh và rượu mà thôi. Đứng ra điểm nhấn mạnh phải được đặt trên những gì xảy ra cho giáo dân, những người chia sẻ bánh và rượu để tưởng niệm Đức Kitô. Đây chính là trọng điểm mà Giáo Hội sơ khai nhắm đến.

Trong các kinh nguyện Thánh Thể hiện nay, chúng ta hầu như quen với “lời nguyện khẩn xin” (epiclesis) được chia ra làm hai phần. Chúng ta kêu xin Chúa Thánh Thần trước khi đọc Lời Truyền Phép để biến đổi các lễ vật thành Mình và Máu Đức Giêsu. Sau lời kinh tưởng niệm, chúng ta lại khẩn xin Chúa Thánh Thần biến đổi cộng đoàn thành Thân Mình đích thực của Đức Kitô. Thế nhưng rất thú vị, nhiều “lời nguyện khẩn xin” trước đây chỉ cầu xin Chúa Thánh Thần biến đổi cộng đoàn. Điều đương nhiên là bánh và rượu phải được biến đổi trước để mang lại một sự thay đổi trong cộng đoàn, một cộng đoàn mà việc trở nên giống Chúa, theo một vài Giáo Phụ Giáo Hội Đông Phương, được thực hiện qua sự kết hợp với Thịt đầy Thánh Linh Chúa của Đức Kitô (Spirit-filled flesh of Christ).

Chúng ta đã không luôn nhấn mạnh vai trò của Chúa Thánh Thần nhiều như chúng ta mong ước. Đây có thể là một yếu, vì trong Giáo Hội Tây Phương chúng ta có xu hướng nhìn Thánh Thể cốt yếu từ

nhân giới Kitô học. Đó là chúng ta coi thánh lễ trước hết như phương tiện đem lại sự hiện diện đích thực và thân mật của Đức Kitô trong bánh lễ, quên bẵng đi các cách thức khác Đức Giêsu cũng hiện diện với chúng ta.

Nhưng lại một lần nữa, sự nhấn mạnh trên sự hiện diện của Đức Kitô trong cộng đoàn có thể được xem như một lời biện hộ cho việc nhìn nhận vai trò của Thánh Thần Chúa. Vì chính Chúa Thánh Thần cấu thành Giáo Hội và làm cho Đức Kitô có thể hiện diện trong Giáo Hội. Đời sống của chính Giáo Hội, như Yves Congar đã nói, là một “Kinh Nguyện Khẩn Xin” trường tồn.

“Anh em hãy làm việc này để nhớ đến Thầy”. Đây thực sự là trọng tâm của Thánh Lễ. Làm một việc gì để tưởng nhớ Đức Giêsu có nghĩa là chúng ta phải thấy, phải hành động, suy nghĩ và yêu thương như thế nào đó để người ta có thể nhận ra khuôn mặt của Đức Giêsu trong chúng ta. Việc tưởng nhớ xảy ra bởi vì cộng đoàn đã chứng được cho chính mình và cho cả thế giới. Đây là một hành động mang tính tập thể, một hành động trong đó chúng ta giúp nhau để trở nên những gì mà ân sủng Thiên Chúa công hiến cho mỗi người ở bất cứ nơi nào chúng ta họp nhau lại để tưởng nhớ Đức Kitô.

Mỗi lần cử hành việc tưởng niệm cuộc Vượt Qua của Đức Kitô, là chúng ta dần thân tiếp nối cho công trình cứu rỗi bản thân mình. Đây là một cuộc họp tác mạo hiểm. Qua những tiết nhịp khác nhau của Thánh Lễ, Thiên Chúa mạc khải cho chúng ta sự có mặt của tội lỗi trong tính ích kỷ, trong việc chúng ta a tòng bắt tay với bất công, đồng thời thúc đẩy chúng ta hướng đến một cuộc sống mới. Nhờ thông chia Mình và Máu Đức Kitô, dần hồi chúng ta được giải thoát khỏi mãnh lực của sự dữ. Trong cùng chuyên động này, chúng ta dần bước theo nhịp chân của chính Thiên Chúa, và dâng lên Thiên Chúa Cha cuộc sống riêng của mỗi người cùng với những hy vọng và đau thương của tất cả những người cùng sánh vai với chúng ta để dựng xây một xã hội dựa trên nền tảng công bình và bác ái. Chính Thiên Chúa là Chủ của Vũ Khúc.